

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA TIỂU HỌC – MẦM NON

-----*****-----

DƯƠNG THỊ MY

**TÍCH HỢP GIÁO DỤC ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO
TRẺ 5- 6 TUỔI THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG LÀM
QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON

Hệ đào tạo: Chính quy

Khóa học: 2012- 2016

NINH BÌNH, NĂM 2016

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA TIỂU HỌC – MẦM NON

-----*****-----

DƯƠNG THỊ MY

**TÍCH HỢP GIÁO DỤC ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO
TRẺ 5- 6 TUỔI THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG
LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON**

Hệ đào tạo: Chính quy

Khóa học: 2012- 2016

Người hướng dẫn: Th.S Vũ Thị Diệu Thúy

..

NINH BÌNH, NĂM 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan khóa luận này là sản phẩm nghiên cứu, tìm hiểu của cá nhân tôi. Khóa luận cũng kế thừa thành quả nghiên cứu của các tác giả đi trước, được chú thích đầy đủ và trích dẫn rõ ràng khi sử dụng.

Tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính trung thực của khóa luận.

Ninh Bình, ngày 10 tháng 6 năm 2016

Sinh viên

Dương Thị My

LỜI CẢM ƠN

*Trước hết em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới **Th.S Vũ Thị Diệu Thúy**, người đã tận tình dìu dắt và chỉ bảo em không những về mặt kiến thức mà còn về phương pháp nghiên cứu khoa học trong suốt quá trình em nghiên cứu và triển khai đề tài.*

Em cũng xin gửi lời cảm ơn tới các thầy cô giáo trường Đại Học Hoa Lư, đặc biệt là các thầy cô giáo trong khoa Tiểu học – mầm non đã nhiệt tình giảng dạy cho em nhiều kiến thức bổ ích, tạo điều kiện cho em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.

Đồng thời em cũng xin gửi lời cảm ơn tới Ban giám hiệu và các cô giáo cùng toàn thể các cháu lớp 5TA và các cháu lớp 5TB trường Mầm non Yên Phong khu Hoàng Bắc đã tạo điều kiện giúp đỡ em tiến hành nghiên cứu để hoàn thành khóa luận này.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn tới tất cả các thầy cô giáo trong hội đồng đã chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của khóa luận. Do lần đầu nghiên cứu và thời gian hạn hẹp nên không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo tận tình của quý thầy cô và các bạn để khóa luận được hoàn chỉnh hơn.

Xin chân thành cảm ơn

Ninh Bình, tháng 6 năm 2015

Người thực hiện

Dương Thị Mỹ

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

- TPVH: Tác phẩm văn học
- LQVTPVH: Làm quen với tác phẩm văn học
- GDMN: Giáo dục mầm non
- GV: Giáo viên
- MG: Mẫu giáo
- MN: Mầm non
- ĐBAT: Đảm bảo an toàn
- TC1: Tiêu chí 1 (tương tự với Tiêu chí 2, Tiêu chí 3)
- BT1: Bài tập 1 (tương tự với Bài tập 2, Bài tập 3)
- TBC: Trung bình chung
- TB: Trung bình
- SL: Số lượng
- ĐC: Đối chứng
- TN: Thực nghiệm
- TTN: Trước thực nghiệm
- STN: Sau thực nghiệm

CÁC KÍ TỰ TRONG ĐỀ TÀI

Σ : Điểm tổng

\bar{X} : Điểm trung bình

δ : Độ lệch chuẩn

% : Tỷ lệ %

n : Số trẻ

T_{α} : Giá trị kiểm định trong bảng tra T- student với $\alpha = 0,05$

T : Giá trị kiểm định kết quả trẻ đạt được sau thực nghiệm

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu	2
3. Khách thể nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu	2
4. Giả thuyết khoa học.....	2
5. Nhiệm vụ nghiên cứu	2
6. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu	3
7. Phương pháp nghiên cứu.....	3
8. Cấu trúc của đề tài	4
<u>PHẦN NỘI DUNG</u>	5
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC TÍCH HỢP GIÁO DỤC ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO TRẺ 5-6 TUỔI QUA HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC.....	5
1.1. Cơ sở lý luận của việc giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi	5
1.1.1. Khái niệm giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi	5
1.1.1.1. Đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi.....	5
1.1.1.2. Giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi.....	5
1.1.2. Đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ 5-6 tuổi.....	6
1.1.3. Quá trình giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi.....	6
1.1.3.1. Mục tiêu giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi.....	6
1.1.3.2. Ý nghĩa của việc giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi.....	7
1.1.3.3. Nội dung giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi.....	8
1.1.3.4. Phương pháp giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi.....	8
1.1.3.5. Hình thức giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi.....	10
1.1.3.6. Phương tiện giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5 - 6 tuổi	11
1.2. Lý luận của việc tích hợp giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học	12
1.2.1 Khái niệm giáo dục tích hợp	12
1.2.1.1. Khái niệm tích hợp	12
1.2.1.2 Khái niệm giáo dục tích hợp	13

1.2.2. Quan điểm tích hợp trong giáo dục mầm non.....	13
1.3. Lí luận về hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	14
1.3.1. Khái niệm hoạt động làm quen với tác phẩm văn học.....	14
1.3.2. Đặc điểm tiếp nhận văn học của trẻ 5-6 tuổi	14
1.3.2.1. Tiếp nhận mang tính gián tiếp.....	14
1.3.2.2. Tiếp nhận mang tính tập thể và bước đầu có tính độc lập.....	15
1.3.3.3.. Tiếp nhận văn học phụ thuộc vào sự lớn khôn, vào kinh nghiệm sống của trẻ.....	15
1.3.3.4.. Tiếp nhận văn học chịu tác động của các yếu tố tâm lí.	16
1.3.3. Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	16
1.3.3.1 Đọc và kể tác phẩm có nghệ thuật	16
1.3.3.2 Trao đổi gợi mở - trò chuyện với trẻ về tác phẩm văn học.....	17
1.3.3.3 Sử dụng các phương tiện trực quan	18
1.3.3.4. Phương pháp tổ chức cho trẻ hoạt động văn học nghệ thuật.....	19
1.3.3.5. Phương pháp giải thích từ mới.....	19
1.3.4. Hình thức cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	19
1.3.5. Vai trò của việc tích hợp giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học.....	20
Kết luận chương 1	21
Chương 2: THỰC TRẠNG TÍCH HỢP NỘI DUNG GIÁO DỤC ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO TRẺ 5-6 TUỔI QUA HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC	22
2.1. Mục đích điều tra	22
2.2. Đối tượng, phạm vi và thời gian điều tra	22
2.3. Nội dung điều tra.....	22
2.4. Cách tiến hành điều tra.....	22
2.5. Tiêu chí đánh giá khả năng ĐBAT của trẻ 5- 6 tuổi.....	22
2.5.1. Tiêu chí.....	22
2.5.2. Cách đánh giá.....	23
2.6. Phân tích kết quả điều tra.....	24
2.6.1. Kết quả điều tra giáo viên	24

2.6.1.1. Đánh giá của GVMN về mức độ cần thiết của việc tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học:	24
2.6.1.2. Đánh giá của GV về những yêu cầu cần đảm bảo khi sử dụng TPVH để giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi	26
2.6.1.3. Đánh giá của GV về mức độ lựa chọn và sử dụng nguồn tác phẩm TPVH để giáo dục ĐBAT cho trẻ:.....	28
2.6.1.4. Những tác phẩm văn học đã được lựa chọn và sử dụng để tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi:	29
2.6.1.5. Đánh giá của GV về mức độ tích hợp GD ĐBAT cho trẻ thông qua HĐ LQVTPVH:	31
2.6.1.6. Đánh giá của GV về những khó khăn và thuận lợi khi lựa chọn và sử dụng các TPVH để giáo dục ĐBAT cho trẻ:.....	32
2.6.1.7. Kinh nghiệm sử dụng TPVH để giáo dục ĐBAT cho trẻ.....	35
2.6.1.8. Thực trạng sử dụng các biện pháp để tích hợp GD ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi thông qua HĐ LQVTPVH:.....	35
2.6.2. Kết quả điều tra trẻ.....	40
2.6.2.1. Đánh giá mức độ nhận thức của trẻ về ĐBAT.....	40
2.6.3.2. Đánh giá kỹ năng ĐBAT của trẻ.....	43
2.6.3.3. Mức độ phát triển thái độ của trẻ về việc ĐBAT.....	46
2.7 Nguyên nhân của thực trạng	52
2.7.1. Nguyên nhân chủ quan.....	52
2.7.2. Nguyên nhân khách quan.....	53
Kết luận chương 2	54
Chương 3: ĐỀ XUẤT VÀ THỰC NGHIỆM MỘT SỐ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO TRẺ 5-6 TUỔI QUA HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC	55
3.1. Xây dựng một số biện pháp giáo dục an toàn cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học.....	55
3.1.1. Nguyên tắc xây dựng các biện pháp giáo dục an toàn cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học.....	55

3.1.1.1. Góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non nói chung và mục tiêu giáo dục sức khỏe cho trẻ nói riêng.	55
3.1.1.2. Đảm bảo phù hợp với nội dung giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ	55
3.1.1.3. Phù hợp với đặc điểm nhận thức của trẻ 5-6 tuổi.	56
3.1.1.4. Phát huy tính tích cực, độc lập của trẻ trong quá trình học.	56
3.1.1.5. Đảm bảo nguyên tắc tích hợp trong giáo dục mầm non.	57
3.1.2. Một số biện pháp giáo dục an toàn cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học.....	57
3.1.2.1. Những biện pháp nhằm chuẩn bị cho việc giáo dục an toàn cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học.	57
3.1.2.2. Những biện pháp giáo dục an toàn cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học.....	63
3.1.3. Mối liên quan giữa các biện pháp giáo dục an toàn cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học.....	67
3.2. Thực nghiệm một số biện pháp giáo dục đảm bảo an toàn thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học.....	68
3.2.1. Mục đích thực nghiệm	68
3.2.2. Nội dung và thời gian thực nghiệm.....	69
3.2.3. Tiêu chí và thang đánh giá: Được thể tại mục 2.5.1	69
3.2.4. Mẫu thực nghiệm	69
3.2.5. Quy trình tổ chức thực nghiệm	69
3.2.6. Kết quả thực nghiệm	69
3.2.6.1. Kết quả khảo sát trước thực nghiệm	69
3.2.6.2 Kết quả khảo sát sau thực nghiệm	71
Kết luận chương 3	87
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	88
1. Kết luận	88
2. Kiến nghị.....	88
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Mức độ cần thiết của việc tích hợp GD ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi thông qua HĐ LQVTPVH:.....	24
Bảng 2.2: Yêu cầu của TPVH dùng để giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi.....	26
Bảng 2.3: Các nguồn tài liệu tham khảo	28
Bảng 2.4: Các tác phẩm văn học tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ:.....	30
Bảng 2.5:Mức độ tích hợp GD ĐBAT cho trẻ thông qua HĐ LQVTPVH:	31
Bảng 2.6.1: Những thuận lợi khi lựa chọn và sử dụng TPVH để GD ĐBAT	32
Bảng 2.6.2 Những khó khăn khi lựa chọn và sử dụng TPVH để GDDBAT.....	34
Bảng 2.7. Thực trạng sử dụng các biện pháp để tích hợp GD ĐBAT	36
cho trẻ 5-6 tuổi thông qua HĐ LQVTPVH.....	36
Bảng 2.8: Mức độ nhận thức của trẻ về ĐBAT	40
Biểu 2.1. Mức độ nhận thức của trẻ về ĐBAT	40
Bảng 2.9: Mức độ phát triển kỹ năng ĐBAT của trẻ.....	43
Biểu 2.2. Mức độ phát triển kỹ năng ĐBAT của trẻ.....	43
Bảng 2.10: Đánh giá thái độ của trẻ về ĐBAT:	46
Biểu 2.3. Đánh giá thái độ của trẻ về ĐBAT	46
Bảng 2.11: So sánh mức độ phát triển của trẻ về đảm bảo an toàn:	50
Biểu 2.4. So sánh mức độ phát triển của trẻ về ĐBAT	50
Bảng 3.1: So sánh khả năng ĐBAT của hai nhóm TTN.....	69
Biểu 3.1: So sánh mức độ phát triển ĐBAT của hai nhóm.....	70
Bảng 3.2: So sánh khả năng ĐBAT của hai nhóm STN.....	71
Biểu 3.2: So sánh khả năng ĐBAT của hai nhóm STN.....	71
Bảng 3.3 So sánh mức độ phát triển nhận thức về ĐBAT của 2 nhóm STN	73
Biểu 3.3: Mức độ phát triển về nhận thức ĐBAT của 2 nhóm STN	73
Bảng 3.4 So sánh mức độ phát triển kỹ năng về ĐBAT của 2 nhóm STN	77
Biểu 3.4: Mức độ phát triển về kỹ năng ĐBAT của 2 nhóm STN	78
Bảng 3.5 So sánh mức độ phát triển thái độ về ĐBAT của 2 nhóm STN	81
Biểu 3.5: Mức độ phát triển về thái độ ĐBAT của 2 nhóm STN	81
Bảng 3.6: Xếp loại mức độ phát triển khả năng ĐBAT của trẻ TTN và STN.....	84
Biểu 3.6 : Xếp loại mức độ phát triển ĐBAT của trẻ TTN và STN	85

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đối với trẻ 5- 6 tuổi khả năng nhận thức những môi nguy hiểm đối với bản thân như những nơi không an toàn, những hành động nguy hiểm còn hạn chế. Vì thế giáo dục ĐBAT cho trẻ là vấn đề mang tính cấp thiết đối với sức khỏe, sự an toàn – một trong những kỹ năng sống mà trẻ cần được trang bị.

Việc giáo dục ĐBAT cho trẻ 5- 6 tuổi ở trường mầm non có thể được tiến hành dưới nhiều hình thức khác nhau: lồng ghép trong các hoạt động học tập, thông qua chế độ sinh hoạt hàng ngày, hoạt động vui chơi.... Tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ thông qua hoạt động LQVTPVH là một trong những biện pháp hữu hiệu hình thành và củng cố những kiến thức cơ bản, những kỹ năng phù hợp để đảm bảo an toàn thông qua những hình tượng nghệ thuật sinh động, phong phú và đa dạng giúp cho hoạt động giáo dục trẻ diễn ra tinh tế, nhẹ nhàng, hấp dẫn mà hiệu quả hơn, đồng thời nó góp phần phát triển ngôn ngữ mạch lạc giúp tư duy trừu tượng của trẻ 5 - 6 tuổi nhanh chóng hình thành và phát triển.

Văn học là người bạn không thể thiếu đối với trẻ thơ nhất là lứa tuổi mẫu giáo. Nó đem lại cho trẻ những hiểu biết đầu tiên ở xung quanh trẻ. Văn học nuôi dưỡng và phát triển ở trẻ trí tưởng tượng, sáng tạo nghệ thuật vì vậy đem tác phẩm văn học đến cho trẻ là một việc rất quan trọng và cần thiết. Đối với trẻ mẫu giáo quá trình được tiếp xúc với tác phẩm văn học, từ dễ tới khó, từ đơn giản đến phức tạp để từ đó trẻ bộc lộ cảm xúc văn học của mình. Cho trẻ LQVTPVH có vai trò vô cùng to lớn trong việc giáo dục toàn diện nhân cách cho trẻ em cả về đạo đức, trí tuệ, thẩm mỹ, nó ảnh hưởng trực tiếp tới tâm hồn trẻ thơ. Giáo viên (GV) có thể lồng ghép, tích hợp tác phẩm văn học (TPVH) vào nhiều hoạt động khác nhau để kích thích hứng thú, củng cố bài học cũng như cung cấp kiến thức và giáo dục trẻ một cách nhẹ nhàng, sâu sắc. Nhà giáo dục người Nga Belinsky đã nói rằng: Một cuốn sách viết cho thiếu nhi là để giáo dục mà “giáo phẩm văn học là ở chỗ chúng có ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của trẻ mầm non, giáo dục trẻ mầm non về các mặt đạo đức, tình cảm xã hội, khơi dậy mặt năng khiếu thẩm mỹ và đặc biệt là giáo dục đảm bảo an toàn (GDĐBAT) cho trẻ. Đây chính là một

trong những cách thức hình thành cho trẻ có những kỹ năng trong việc ĐBAT để giữ gìn sức khỏe và bảo vệ bản thân.

Trên thực tế, đa số GVMN đã chú ý đến việc tích hợp GD ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động LQVTPVH. GV đã sử dụng TPVH với nhiều hình thức khác nhau để tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ mầm non nhưng họ chưa quan tâm khai thác, sử dụng hợp lý các nội dung ĐBAT thông qua TPVH để giáo dục trẻ nên việc khai thác tích hợp GD ĐBAT cho trẻ chưa thực sự hiệu quả. Do vậy, khả năng ĐBAT của trẻ còn có những hạn chế nhất định. Chính vì vậy, đề tài: ***“Tích hợp giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5- 6 tuổi thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học”*** được lựa chọn và nghiên cứu.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của việc tích hợp GDĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động LQVTPVH và khả năng ĐBAT của trẻ, từ đó đề xuất biện pháp nâng cao nhận thức về ĐBAT cho trẻ, hình thành ở trẻ kỹ năng phòng tránh những nguy cơ không an toàn cho bản thân cũng như thái độ tích cực đối với việc ĐBAT, từ đó góp phần hình thành và phát triển nhân cách cho trẻ.

3. Khách thể nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Quá trình giáo dục ĐBAT qua hoạt động cho trẻ 5-6 tuổi LQVTPVH

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Tích hợp GD ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động LQVTPVH.

4. Giả thuyết khoa học

Nếu như trong quá trình cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học giáo viên biết tích hợp giáo dục ĐBAT một cách hợp lý, phù hợp với nhu cầu, khả năng, hứng thú và đặc điểm nhận thức của trẻ thì hiệu quả hoạt động cao hơn, nhận thức của trẻ về việc ĐBAT cho bản thân và mọi người xung quanh cũng được nâng cao, giúp trẻ phát triển hài hoà cả thể chất và tâm lý.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về vấn đề tích hợp GD ĐBAT thông qua hoạt động LQVTPVH cho trẻ 5-6 tuổi.

- Điều tra thực trạng tích hợp GD ĐBAT thông qua hoạt động LQVTPVH cho trẻ 5-6 tuổi.

- Đề xuất một số biện pháp tích hợp nội dung GD ĐBAT vào hoạt động LQVTPVH nhằm giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi.

- Tiến hành thực nghiệm nhằm kiểm chứng hiệu quả và tính khả thi của các biện pháp đã nghiên cứu.

6. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu

Hiện nay, việc tích hợp GD ĐBAT được thực hiện dưới nhiều hình thức lồng ghép tích hợp trong các chủ đề, các hoạt động giáo dục khác nhau. Trong khuôn khổ khóa luận, đề tài giới hạn nghiên cứu trong phạm vi sau:

- Hoạt động LQVTPVH: kể chuyện/ đọc thơ cho trẻ nghe trong chủ đề Giao thông, Nước và hiện tượng tự nhiên.

- 50 trẻ 5-6 tuổi: trẻ trường mầm non (MN) Yên Phong, xã Yên Phong, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

- 20 GVMN đã và đang giảng dạy lớp 5-6 tuổi: 10 GV dạy trường MN Yên Phong và 10 GV trường MN Khánh thịnh.

- Nội dung đảm bảo an toàn: Nhận biết những nơi nguy hiểm, hành động nguy hiểm, tình huống nguy hiểm và cách phòng tránh.

- Thời gian nghiên cứu: từ tháng 2 đến tháng 5 năm 2015.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận:

- Thu thập các tài liệu có liên quan đến đề tài.

- Các phương pháp phân tích, hệ thống hóa, khái quát hóa các vấn đề nghiên cứu có liên quan đến đề tài nhằm xây dựng cơ sở lí luận cho đề tài.

7.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn:

* Phương pháp điều tra Anket

Dùng phiếu điều tra nhằm thu thập các thông tin về nhận thức, thực trạng việc tích hợp GD ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động LQVTPVH ở một số trường mầm non trong khu vực huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Qua đó đánh

giá thực trạng làm cơ sở thực tiễn cho việc xác lập nội dung và cách tích hợp GD ĐBAT cho trẻ trong hoạt động LQVTPVH.

* Phương pháp nghiên cứu sản phẩm

Nghiên cứu kế hoạch, giáo án hoạt động LQVTPVH cho trẻ 5-6 tuổi.

* Phương pháp quan sát

- Quan sát việc thực hiện tích hợp GD ĐBAT của GV ở trường mầm non.
- Quan sát biểu hiện, mức độ phát triển khả năng ĐBAT của trẻ 5-6 tuổi.

* Phương pháp đàm thoại

-Trao đổi với GVMN về những vấn đề có liên quan đến việc tích hợp GD ĐBAT thông qua hoạt động LQVTPVH cho trẻ ở 2 trường điều tra.

-Trò chuyện, đàm thoại với trẻ để biết thêm về mức độ kiến thức, kỹ năng, thái độ của trẻ về ĐBAT.

* Phương pháp tổng kết kinh nghiệm

Tổng kết những kinh nghiệm của GVMN về giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi.

* Phương pháp thực nghiệm

Thực nghiệm để kiểm nghiệm và đánh giá tính khả thi của các biện pháp tích hợp nội dung giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động LQVTPVH mà đề tài đã xây dựng.

7.3. Phương pháp thống kê toán học

Sử dụng các công thức toán thống kê để xử lý số liệu đã điều tra được.

8. Cấu trúc của đề tài

Ngoài phần **Mở đầu**, **Kết luận**, **Tài liệu tham khảo** và các **Phụ lục**, nội dung chính của đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận của việc tích hợp giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học.

Chương 2: Thực trạng tích hợp giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học.

Chương 3: Đề xuất và thực nghiệm một số biện pháp tích hợp giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học.

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VIỆC TÍCH HỢP GIÁO DỤC ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO TRẺ 5-6 TUỔI QUA HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC

1.1. Cơ sở lý luận của việc giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi

1.1.1. Khái niệm giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi

1.1.1.1. Đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi

Từ các khái niệm “bảo đảm” [28;36] và “an toàn” [28;5], chúng tôi thống nhất sử dụng khái niệm như sau:

Đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi là việc giữ gìn chắc chắn, đầy đủ sự yên ổn của trẻ, tránh những tai nạn, những thiệt hại, rủi ro, những sự cố, những tác động bên ngoài mang tính nguy hiểm lên thân thể và có hại về mặt tinh thần cho trẻ 5-6 tuổi ở trường MN.

1.1.1.2. Giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi

- Giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi:

Giáo dục ĐBAT cho trẻ 5 - 6 tuổi là một quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của GV và những người nuôi dưỡng trẻ, được tiến hành thường xuyên, liên tục nhằm tác động đến tình cảm, lý trí của trẻ 5 - 6 tuổi để hình thành và phát triển ở trẻ những hiểu biết, kỹ năng, thái độ đúng đắn và nhu cầu đối với việc ĐBAT cho bản thân và mọi người xung quanh.

Như vậy, *giáo dục ĐBAT cho trẻ 5 - 6 tuổi là hình thành và phát triển ở trẻ những hiểu biết, kỹ năng và thái độ đúng đắn đối với việc nhận biết và tránh những người gây nguy hiểm, đồ vật nguy hiểm, nơi không an toàn, hành động nguy hiểm, tình huống nguy hiểm để bảo vệ an toàn cho bản thân và mọi người xung quanh.* Đồng thời, nó tác động đến tình cảm của trẻ để cho việc ĐBAT trở thành một nhu cầu không thể thiếu trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của trẻ, giúp trẻ có thể tham gia vào các hoạt động khác nhau như: vui chơi, học tập, lao động... nhằm hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ.

Việc giáo dục ĐBAT được lồng ghép, tích hợp trong hầu hết các hoạt động ở trường MN vì nó có ý nghĩa hết sức lớn lao đối với sự phát triển của trẻ.

- Kỹ năng nhận thức về ĐBAT của trẻ 5-6 tuổi:

Để hình thành khái niệm kỹ năng nhận thức về ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi, chúng tôi sử dụng các khái niệm sau:

+ Nhận thức là quá trình tiếp thu và xử lý thông tin của con người nhằm giải quyết có hiệu quả những vấn đề thực tiễn.

+ Kỹ năng nhận thức của trẻ MN đó là cách thức tiếp thu, xử lý thông tin một cách hiệu quả của trẻ trong những điều kiện cụ thể nhằm đạt được mục đích nào đó.

Vậy kỹ năng nhận thức về ĐBAT là cách thức tiếp thu, xử lý thông tin về những người gây nguy hiểm, đồ vật nguy hiểm, nơi không an toàn, hành động nguy hiểm, tình huống nguy hiểm trong những điều kiện cụ thể để bảo vệ an toàn cho bản thân và mọi người

1.1.2. Đặc điểm phát triển nhận thức của trẻ 5-6 tuổi

Trẻ 5-6 tuổi có khả năng nhận biết được những tình huống, trường hợp khẩn cấp, nguy hiểm và trẻ có thể tìm ra cách giải quyết, cũng như biện pháp phòng tránh nó. Có được điều đó là do các chức năng tâm lí của trẻ đã phát triển hơn trước. Khả năng tư duy hình tượng của trẻ đang dần thay thế tư duy theo lối trực quan hành động ở lứa tuổi trước, vì thế giải quyết vấn đề không còn là phép thử sai nữa mà trẻ hoàn toàn có thể giải quyết dựa trên kinh nghiệm bản thân. Hơn nữa, khả năng ghi nhớ và tập trung chú ý của trẻ đã lâu hơn và bền vững hơn nên khả năng đề phòng và phát hiện những tình huống và trường hợp khẩn cấp một cách nhanh nhẹn hơn. Đây là cơ sở để hình thành khả năng khi gặp tình huống khẩn cấp, trẻ có thể phân tích nguyên nhân, kết quả, tổng hợp sự việc một cách khái quát, rõ ràng. Trẻ có thể khái quát mối quan hệ phức tạp bên trong sự việc, liên kết các sự kiện, hành động lại thành một chuỗi để giải quyết.

1.1.3. Quá trình giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi

1.1.3.1. Mục tiêu giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi

Mục tiêu của việc giáo dục ĐBAT về nơi nguy hiểm cho trẻ 5-6 tuổi là hình thành và phát triển ở trẻ khả năng nhận biết và phòng tránh:

- Những nơi không an toàn.
- Nhận biết một số tình huống khẩn cấp và biết gọi người giúp đỡ.

1.1.3.2. Ý nghĩa của việc giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi

Giáo dục kỹ năng bảo vệ bản thân là một trong những kỹ năng sống quan trọng nhất vì tính mạng của con người là quý nhất, quan trọng nhất. Giáo dục cho trẻ biết giữ gìn sự an toàn cho bản thân và mọi người, tránh xa hoặc loại bỏ những nguy cơ gây nguy hiểm, tổn hại cho con người là một trong những nhiệm vụ quan trọng được tiến hành trong quá trình chăm sóc - giáo dục trẻ giúp trẻ phát triển toàn diện cả thể chất và tâm lý.

Trẻ 5 - 6 tuổi tò mò, ham học hỏi, hiếu động nên trẻ rất dễ gặp nguy hiểm trong quá trình sống và khám phá thế giới xung quanh. Do vậy, nếu trẻ không được bảo vệ và giáo dục an toàn cẩn thận thì nguy cơ gặp tai nạn sẽ rất cao. Việc bảo vệ an toàn cho trẻ là trách nhiệm của tất cả những người lớn trong gia đình và trường MN cũng như toàn xã hội. Việc giáo dục ĐBAT cho trẻ ở trường MN là trách nhiệm cơ bản của mỗi GV, nó có ý nghĩa quan trọng và vô cùng cần thiết, giúp trẻ nhận biết và phòng tránh những nguy cơ gây tổn thương hoặc tai nạn cho bản thân và mọi người, hình thành ở trẻ thái độ tích cực trong ĐBAT; đồng thời giúp trẻ rèn luyện được một số phẩm chất đạo đức quan trọng như: tính độc lập, tính tự giác, tính kiên trì, tính tích cực, lòng nhân ái...

Giáo dục ĐBAT cho trẻ 5 - 6 tuổi tạo dựng nền tảng vững chắc để hình thành và phát triển những kiến thức, kỹ năng ĐBAT phức tạp hơn cho trẻ ở lứa tuổi tiếp theo. Nó cũng góp phần bảo vệ sức khỏe và tính mạng cho trẻ để trẻ có thể tham gia vào mọi hoạt động khác nhằm phát triển toàn diện các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, thẩm mỹ.

Giáo dục ĐBAT cho trẻ 5 - 6 tuổi là phù hợp và cần thiết đối với sự phát triển của trẻ. Khả năng vận động phát triển hơn so với các lứa tuổi trước, vì vậy có thể thực hiện được những công việc tự phục vụ đơn giản đòi hỏi sự phối hợp vận động phức tạp hơn. Tư duy của trẻ cũng phát triển, vì vậy vốn biểu tượng và vốn kinh nghiệm của trẻ ngày càng phong phú, trẻ bắt đầu có ý thức về bản thân mình, dần ý thức được những điều mình làm, phân biệt được đúng - sai, tốt - xấu,.... Tuy nhiên ý thức đó còn ở dạng sơ khai nên không được bền vững, cần có sự giáo dục và hướng dẫn của người lớn. Việc giáo dục ĐBAT cho trẻ không

những giúp cho việc hình thành ở trẻ lòng mong muốn, ý thức tự giác giữ gìn sự an toàn của chính bản thân trẻ cũng như nâng cao trách nhiệm của trẻ với những người xung quanh giúp trẻ thích nghi với xã hội.

1.1.3.3. Nội dung giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi

Trẻ có những hiểu biết nhất định về một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh:

- Biết những nơi nguy hiểm: ao, hồ, bể chứa nước, giếng, bụi rậm, lòng đường giao thông, đường sắt,... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.

- Biết những hành động nguy hiểm và cách phòng tránh:

+ Khi chơi: trêu chọc mèo, phá tổ ong, chọc tổ kiến...để bị côn trùng đốt gây sưng tấy, đau nhức, có thể tử vong; leo trèo ban công, tường rào; đi đứng chạy nhảy trên bàn ghế; chọc vật nhọn vào mắt bạn; ngậm đồ chơi nhỏ...có thể gây xây xước chảy máu, gãy xương; tự ý ra khỏi lớp/ trường để bị thất lạc hoặc tai nạn giao thông, động vật cắn...

+ Khi đi đường: tự đi học hoặc tự về nhà; đi sát hồ, ao, vũng nước lớn; đi ở lòng đường; chơi trên đường giao thông; ngồi xe máy không đội mũ bảo hiểm; tự ý qua đường không có người lớn dắt... dễ bị tai nạn giao thông, đuối nước; đi theo người lạ hoặc để người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi...để bị bắt cóc, thất lạc. Do vậy, trẻ cần biết được địa chỉ nơi ở, trường MN, số điện thoại của gia đình, cô giáo; khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ; thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn như: Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi; đi bộ trên vỉa hè hoặc lề đường bên phải; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy...

- Nhận biết được một số tình huống nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu...

1.1.3.4. Phương pháp giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi

Phương pháp giáo dục cho trẻ 5-6 tuổi là cách thức làm việc của GV và trẻ. Trong đó GV là người tổ chức, hướng dẫn và trẻ là chủ thể hoạt động tiếp thu kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ đúng đắn đối với việc ĐBAT để từ đó trẻ có những hiểu biết và kỹ năng nhất định để ĐBAT cho bản thân và những người xung quanh.

Có một số phương pháp cơ bản:

***Nhóm phương pháp dùng lời:**

-Trò chuyện: Là sự giao tiếp bằng lời có mục đích, có kế hoạch của GV với trẻ nhằm cung cấp và củng cố những kiến thức, kỹ năng, thái độ của trẻ đối với việc ĐBAT. Phương pháp trò chuyện đơn giản, dễ thực hiện nên có thể tiến hành mọi lúc mọi nơi.

-Kể chuyện: Là phương pháp cung cấp và củng cố kiến thức cho trẻ thông qua các câu chuyện có nội dung phù hợp với mục đích giáo dục ĐBAT như: Cuộc phiêu lưu của những chú gà nhí, Qua đường, Gà cánh tiên, Một phen sợ hãi,...những câu chuyện này rất gần gũi với cuộc sống của trẻ, các nhân vật trong truyện ngộ nghĩnh, đáng yêu nên trẻ dễ dàng tiếp nhận được nội dung giáo dục. Vì thế phương pháp kể chuyện tạo cho trẻ hứng thú đối với việc tìm hiểu về giữ gìn, ĐBAT, giúp trẻ hiểu được ý nghĩa của nó đối với sức khỏe và tính mạng. Đồng thời thông qua các hình ảnh minh họa cho những câu chuyện có nội dung ĐBAT sẽ giúp trẻ củng cố những kiến thức về ĐBAT.

-Giải thích: : Là phương pháp dùng lời để giải thích cho trẻ hiểu những nội dung và nhiệm vụ nhận thức cụ thể.

-Động viên, khuyến khích, nêu gương: Là phương pháp GV thông qua các hoạt động, lời nói của mình để bày tỏ thái độ đồng tình, khích lệ, động viên trẻ để trẻ thêm tự tin thích thú, tích cực, tự giác tham gia vào các hoạt động giáo dục ĐBAT. Những lời động viên, khen ngợi kịp thời sẽ là động lực để trẻ tích cực hơn trong việc tìm hiểu những kiến thức về ĐBAT, học tập những kỹ năng cần thiết để giữ gìn an toàn cho bản thân và những người xung quanh.

***Nhóm phương pháp trực quan:**

-Quan sát: Trong giáo dục ĐBAT cho trẻ, quan sát là quá trình tổ chức cho trẻ tri giác trực tiếp các đối tượng có liên quan tới việc ĐBAT một cách có mục đích, có kế hoạch trong một thời gian nhất định để cung cấp và củng cố những kiến thức nhất định về ĐBAT và một số những kỹ năng sơ đẳng về ĐBAT cho bản thân, thái độ khi gặp phải hoàn cảnh đó.

-Trình bày trực quan: Là phương pháp sử dụng các phương tiện trực quan được biểu hiện ở dạng trình bày các đồ vật, tranh ảnh, mô hình, băng đĩa... có liên quan đến nội dung giáo dục ĐBAT nhằm củng cố và chính xác hóa những kiến thức, kỹ năng về ĐBAT.

***Nhóm phương pháp thực hành:**

-Luyện tập: Là tổ chức cho trẻ thực hiện các nhiệm vụ nhận thức về ĐBAT theo những yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và rèn luyện kỹ năng. Trong giáo dục ĐBAT cho trẻ, việc tổ chức cho trẻ luyện tập phải được tiến hành thường xuyên, liên tục và có hệ thống. Các nội dung và nhiệm vụ luyện tập phải được tiến hành từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Việc luyện tập có thể tiến hành trong các hoạt động thực tiễn hoặc trong các trò chơi giúp trẻ rèn luyện và củng cố những kỹ năng về ĐBAT để có thể ứng dụng chúng trong cuộc sống, nhưng vẫn đảm bảo an toàn cho trẻ.

-Trò chơi: Là phương pháp thông qua việc tổ chức trò chơi cho trẻ nhằm kích thích hứng thú, cung cấp và củng cố những kiến thức về ĐBAT, kỹ năng sơ đẳng về ĐBAT, đồng thời qua đó giáo dục thái độ đồng cảm, chia sẻ với người bị nạn...

Các phương pháp có thể sử dụng để giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi đều có những ưu điểm riêng, vì vậy khi sử dụng các phương pháp cần phối hợp linh hoạt, đồng thời các phương pháp thì hiệu quả giáo dục sẽ được tăng lên

1.1.3.5. Hình thức giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi

* Lồng ghép vào hoạt động học tập một cách trực quan cụ thể, dễ nhớ, dễ hiểu... làm phong phú cho nội dung, phương pháp học tập.

* Đưa vào hoạt động vui chơi: trò chơi lô tô, chuyện kể, thơ ca, đồng dao, đóng kịch, tập tô, vẽ, xé dán...

* Qua các hoạt động theo thời điểm trong ngày ở mọi lúc, mọi nơi: tùy theo hoàn cảnh có thể lồng ghép giáo dục đảm bảo an toàn.

* Phối hợp với gia đình để giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ tại gia đình. Trẻ biết tự chăm sóc sức khỏe và an toàn cho bản thân (mặc ấm, đi tất khi trời rét, đội mũ khi ra nắng, không chơi cạnh ao hồ...)

* Một số hình thức khác: bản tin, ngày hội, ngày lễ, làm vườn,...

Như vậy, các hình thức giáo dục ĐBAT cho trẻ 5 – 6 tuổi rất đa dạng, phong phú. Nếu GV biết khai thác hợp lí các hình thức khác nhau để giáo dục ĐBAT cho trẻ sẽ nâng cao được hiệu quả giáo dục.

1.1.3.6. Phương tiện giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5 - 6 tuổi

* Môi trường tự nhiên xung quanh trẻ:

Những yếu tố tự nhiên xung quanh sẽ chứa đựng những nguy hiểm nếu trẻ không được người lớn nhắc nhở, giáo dục kịp thời. Có thể sử dụng những yếu tố sau của môi trường tự nhiên:

Ao hồ, sông ngòi, bụi rậm...

Các yếu tố tự nhiên vô sinh: không khí, nước, các vật thể rắn (đất, đá, cát, sỏi...) rất cần cho sự sống. Khi chơi đùa với chúng, nhất là với các vật thể rắn thì phải có sự kiểm soát và có sự hướng dẫn của người lớn, vì rất dễ gây nguy hiểm cho bản thân và cho mọi người xung quanh như cát bay vào mắt, đuối nước, xây xước khi chơi với đá sỏi...

Hiện tượng thiên nhiên xung quanh trẻ: các nguồn sáng (Mặt trời, Mặt trăng...) hiện tượng thời tiết (mưa, gió, sấm chớp...) đều có thể gây nguy hiểm nếu trẻ không có những hiểu biết nhất định về nó: cháy nắng, say nắng, hồng mắt, nhiễm lạnh, sét đánh...

Việc tiếp xúc thường xuyên với các yếu tố tự nhiên giúp việc giáo dục đảm bảo an toàn ở trẻ sẽ dễ dàng và cụ thể hơn.

* Thế giới đồ vật:

Môi trường rất đa dạng nên đồ vật xung quanh trẻ phải phong phú về tính chất, chức năng và chất liệu... cùng với đó là những mối nguy hiểm tiềm ẩn đối với trẻ trong quá trình trẻ khám phá, tìm hiểu chúng. Muốn vậy trẻ phải được trang bị những hiểu biết nhất định về chúng, về chức năng, về cách sử dụng của những đồ vật đó. Những đồ vật bản thân nó chứa đựng sẵn nguy hiểm thì tuyệt đối không nên để trong tầm nhìn và tầm với của trẻ: Bếp lửa đang đun, nồi nước sôi, dao kéo, ổ điện...

* Các phương tiện nghệ thuật

TPVH chứa đựng ở đó những bài học về giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi giúp trẻ có những hiểu biết nhất định về việc ĐBAT cho bản thân và cho mọi người xung quanh. Để văn học trở thành phương tiện giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi, khi xác định các tác phẩm cần phải đảm bảo mang thông tin về giáo dục ĐBAT cho trẻ.

Nghệ thuật tạo hình, âm nhạc: Các loại hình nghệ thuật này có tác dụng củng cố, mở rộng nhận thức về đảm bảo an toàn cho trẻ. Các tác phẩm tạo hình, âm nhạc không chỉ là sự thông tin về sự vật, hiện tượng nào đó, mà còn hình thành tình cảm, đạo đức cao đẹp cho trẻ, giúp trẻ có nhận thức và bước đầu có những kỹ năng đơn giản về việc ĐBAT cho bản thân sẽ được hình thành ở trẻ một cách tự nhiên, mà có khi còn là hứng thú đối với trẻ.

* Trò chơi: Việc giáo dục ĐBAT cho trẻ 5 - 6 tuổi sẽ dễ dàng hơn và đạt hiệu quả cao hơn khi sử dụng trò chơi làm phương tiện giáo dục vì trò chơi sẽ tạo hứng thú và duy trì hứng thú cho trẻ với nội dung giáo dục đồng thời tạo điều kiện để trẻ được luyện tập các thao tác ĐBAT với những kí hiệu tượng trưng hoặc vật thay thế, mà lại có thể khắc phục được những hạn chế trong cơ sở vật chất để tổ chức cho trẻ luyện tập, thực hành. Vì thế, việc giáo dục ĐBAT cho trẻ thông qua trò chơi sẽ trở nên nhẹ nhàng hơn, thích thú hơn từ đó hiệu quả giáo dục sẽ được nâng cao.

1.2. Lí luận của việc tích hợp giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học

1.2.1 Khái niệm giáo dục tích hợp

1.2.1.1. Khái niệm tích hợp

Theo từ điển Tiếng Việt của Hoàng Phê, *tích hợp* có nghĩa là “lắp ráp, kết nối các thành phần của một hệ thống theo quan điểm tạo nên một hệ thống toàn bộ.” [31]

TS. Đặng Thành Hưng (2000): “Tích hợp luôn là quá trình đa thành phần, đa chất lượng, nhưng kết quả của nó bao giờ cũng có tính hệ thống và tuân theo quy luật hệ thống”

Như vậy, *tích hợp* là sự đan xen, đan cài, lồng ghép, xâm nhập các đối tượng vào nhau hoặc các bộ phận của cùng một đối tượng vào nhau để tạo ra một chỉnh thể, giúp cho giá trị thực tiễn của chỉnh thể tăng lên gấp bội.

1.2.1.2 Khái niệm giáo dục tích hợp

Giáo dục tích hợp là một quan niệm về quá trình học tập góp phần hình thành ở người học những năng lực rõ ràng, có dự tính trước những điều cần thiết cho người học nhằm phục vụ cho các quá trình học tập tương lai, hoặc nhằm hòa nhập học sinh vào cuộc sống lao động. Như vậy giáo dục tích hợp làm cho học tập có ý nghĩa. [18;8]. GDMN đã thực hiện tích hợp ngay từ trước năm 1998 qua việc chú trọng ứng dụng thực tiễn, tạo tình huống cho trẻ giải quyết bằng hành động thực chứ không chỉ qua lời nói. Tuy vậy, hiện nay GDMN mới dừng lại ở mức phối hợp, pha trộn nhiều nội dung vào một bài học, nhiều hoạt động vào một hoạt động mà nhiều khi chưa tạo ra sự hài hòa của một chỉnh thể.

1.2.2. Quan điểm tích hợp trong giáo dục mầm non

Giáo dục tích hợp ở bậc học mầm non chính là quá trình tác động sư phạm một cách phù hợp với sự phát triển tình cảm, đạo đức và trí tuệ của trẻ, cho trẻ tham gia vào nhiều hoạt động theo chủ đề nhằm cung cấp cho trẻ cơ hội được học tập và luyện tập để trở thành “nhà nghiên cứu”, trẻ tích cực, năng động trong việc tìm hiểu, khám phá, kích thích trẻ tư duy tích cực, vận dụng các kiến thức, kỹ năng, lựa chọn và đưa ra quyết định trong hoàn cảnh có ý nghĩa đối với cuộc sống thực của chúng.

Triển khai chương trình giáo dục mầm non phải chú ý đến các nguyên tắc cơ bản chỉ đạo trong giáo dục tích hợp là *lấy trẻ làm trung tâm* của quá trình giáo dục và phát huy tính tích cực, tính sáng tạo của trẻ trong các hoạt động của chúng ở trường mầm non. Tích hợp các hoạt động khác nhau của trẻ theo các chủ đề gần gũi thân thuộc xuất phát từ *hứng thú, nhu cầu của trẻ*. Tăng cường cho trẻ được trải nghiệm và khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan, trên cơ sở đó phát triển ngôn ngữ, tư duy và tưởng tượng cho trẻ.

Tổ chức cho trẻ hoạt động một cách tự nhiên, hài hòa, dưới nhiều hình thức khác nhau thiết thực và phù hợp với từng cá nhân nhằm hình thành cho trẻ những

năng lực chung tạo điều kiện cho trẻ phát triển hài hòa về mọi mặt như thể chất, xã hội, tình cảm và trí tuệ... [18;26]

1.3. Lí luận về hoạt động cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học

1.3.1. Khái niệm hoạt động làm quen với tác phẩm văn học

LQVTPVH chỉ ra mức độ, giới hạn, yêu cầu của việc cho trẻ tiếp xúc với tác phẩm văn học qua nghệ thuật đọc và kể chuyện của cô giáo. [8;23]

Hoạt động LQVTPVH là hoạt động nhằm dẫn dắt, hướng dẫn trẻ cảm nhận những giá trị nội dung, nghệ thuật phong phú trong tác phẩm, khơi gợi ở trẻ sự rung động, hứng thú đối với văn học, có ấn tượng về những hình tượng nghệ thuật, cái hay cái đẹp của tác phẩm và thể hiện sự cảm nhận đó qua các hoạt động mang tính chất văn học nghệ thuật như đọc thơ, kể chuyện, chơi trò chơi đóng kịch; cao hơn là tiến tới sáng tạo ra những vần thơ, câu chuyện theo tưởng tượng của mình, góp phần hình thành và phát triển toàn diện nhân cách trẻ.

1.3.2. Đặc điểm tiếp nhận văn học của trẻ 5-6 tuổi

Trẻ em chưa phải là bạn đọc đích thực, chúng chưa tự mình tiếp nhận tác phẩm văn học mà phụ thuộc vào sự tiếp nhận của người khác và mới chỉ ở mức độ làm quen với tác phẩm” [8]. Đối với trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi, sự tiếp nhận văn học có những đặc điểm cơ bản như sau:

1.3.2.1. Tiếp nhận mang tính gián tiếp

Trẻ chưa biết đọc, biết viết để có thể trực tiếp lĩnh hội tác phẩm qua ngôn ngữ viết. Trẻ mẫu giáo đến với văn học chủ yếu là nghe, từ nghe mà hiểu rồi mới cảm (ở mức độ ban đầu). Trẻ tiếp nhận tác phẩm một cách gián tiếp, vì vậy, trẻ tiếp nhận được các giá trị của tác phẩm mà trẻ hiểu được đều phụ thuộc vào cô giáo - người trực tiếp cảm thụ tác phẩm. Vì vậy, khi phân tích phải hết sức linh hoạt, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của các em. “...việc đọc, kể tác phẩm một cách diễn cảm, sống động, sáng tạo của cô giáo trên lớp có ảnh hưởng rất lớn đến sự cảm thụ văn học nghệ thuật và việc thể hiện lại tác phẩm”[8].

Tuy nhiên, với trẻ mẫu giáo lớn, mặc dù vẫn phải tiếp nhận một cách gián tiếp nhưng trẻ cũng không còn phụ thuộc quá nhiều vào sự minh họa, phân tích của cô giáo nữa.

1.3.2.2. Tiếp nhận mang tính tập thể và bước đầu có tính độc lập.

Trẻ mẫu giáo sinh hoạt và học tập theo nhóm lớp, vì vậy giống như nhiều hoạt động khác, hoạt động cho trẻ làm quen với văn học mang tính tập thể và trẻ tiếp nhận tác phẩm cũng mang tính tập thể. Cả nhóm trẻ cùng ngồi nghe cô đọc một bài thơ, kể lại một câu chuyện hoặc trẻ cùng đọc đồng thanh bài thơ hay đọc nối tiếp câu chuyện theo cô. Việc cảm thụ của một số trẻ sẽ ảnh hưởng đến cả nhóm trẻ. Chẳng hạn, khi nghe kể chuyện, nếu có 2 - 3 trẻ thấy “buồn cười” và cười to thì rất dễ dẫn đến “phản ứng dây chuyền” làm tất cả nhóm trẻ cùng cười theo, hay khi trẻ đang tập trung nghe kể chuyện, bạn bên cạnh làm việc riêng thì ngay lập tức trẻ cũng bị phân tán sự tập trung do sự chú ý chưa có chủ định cao. Tuy nhiên, trẻ mẫu giáo có đặc điểm là hay “bắt chước”, việc cho trẻ tiếp nhận tập thể sẽ tạo ra không khí thi đua hào hứng trong việc tìm hiểu tác phẩm và thể hiện lại tác phẩm mà không bị gò bó như một hoạt động “học tập”. Khi đọc đồng thanh bài thơ trong các hoạt động khác nhau giúp trẻ mau thuộc, cùng nhau nghe một câu chuyện rồi cùng trả lời các câu hỏi của cô giáo cũng giúp trẻ ghi nhớ câu chuyện nhanh hơn.

1.3.3.3.. Tiếp nhận văn học phụ thuộc vào sự lớn khôn, vào kinh nghiệm sống của trẻ

Tiếp nhận văn học phụ thuộc vào sự lớn khôn và kinh nghiệm sống của trẻ có được trong quá trình phát triển. Đối với trẻ MG 5 - 6 tuổi cảm nhận thẩm mỹ đã có bước phát triển trong tiếp nhận văn học. Sự tiếp nhận tác phẩm đầy đủ hoàn thiện hơn biểu hiện ở sự hiểu biết các câu chuyện cổ tích, các bài thơ, những đoạn văn xuôi hay và sự làm giàu tình cảm qua quá trình tích lũy hình tượng nghệ thuật. Trẻ 5 - 6 tuổi đã có sự tăng lên rõ rệt sự cảm nhận về hình thức nghệ thuật tác phẩm, chú ý đến các phương tiện lời nói diễn cảm, trẻ so sánh thơ với các bài hát "thơ cứ như hát". Trẻ có khả năng suy nghĩ sâu về nội dung tác phẩm văn học và hiểu một số đặc trưng của hình thức thể hiện nội dung.

Mức độ phát triển lời nói, trí tuệ cũng như kinh nghiệm của trẻ MG 5 - 6 tuổi đã phát triển. Khả năng quan sát thế giới xung quanh ở trình độ cao hơn nên dễ dàng nhận thấy rằng những tác phẩm mang nội dung hiện thực là những tác phẩm mà trẻ rất thích. Việc tổ chức cho trẻ trải nghiệm nghệ thuật qua đọc thơ diễn

cảm, kể lại truyện và nhập vai chơi trong trò chơi đóng kịch sẽ củng cố, làm cho sự cảm thụ, tiếp nhận TPVH của trẻ trở nên sâu sắc hơn.

Trẻ 5 - 6 tuổi có thể tiếp nhận được TPVH nhờ vào đời sống tình cảm, tâm hồn, sự linh cảm và bản chất người tồn tại trong bản thể. Dù còn nhỏ bé nhưng là con người nên ít hay nhiều, nông hay sâu, phiến diện hay toàn diện trẻ đều có thể nhận ra nhiều điều chứa chất trong văn học nhất là nội dung nhân sinh của văn học gần gũi với đời sống của trẻ.

1.3.3.4.. Tiếp nhận văn học chịu tác động của các yếu tố tâm lí.

Do rất nhạy cảm, dễ xúc cảm khiến trẻ em rung động cả những điều người lớn thấy bình thường. Số phận các nhân vật trong các mối quan hệ được trẻ em quan tâm theo dõi, chúng thể hiện thái độ tình cảm của mình bằng cả cách đưa ra ý kiến đánh giá nhận xét, có khi đặt mình vào vị trí các nhân vật đó. Đặc biệt khi nhập vai chơi, trẻ thường không nhận những vai phản diện.

Tư duy trực quan hình tượng chiếm ưu thế sẽ khiến trẻ dễ dàng tiếp nhận những hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm nghệ thuật. Hoạt động bắt chước “theo mẫu” giúp các em giữ lại trong tư duy của mình những hình ảnh, những hình tượng và ngôn ngữ nghệ thuật của tác phẩm, tạo cho các em khả năng tìm ra những con đường giải quyết độc lập công việc được giao, như trong việc kể việc sáng tạo. Quá trình nghe tác phẩm, cùng với trí tưởng tượng, tình cảm của trẻ được phát triển phong phú, thì hoạt động tư duy của chúng cũng hoàn thiện thêm.

Sự tiếp nhận nghệ thuật nói chung và tiếp nhận văn học nói riêng ở trẻ mẫu giáo là một quá trình tâm lí trọn vẹn thống nhất dựa trên mối quan hệ chặt chẽ không ngừng giữa nhận thức và cảm xúc dưới tác động sự phạm. Cả tư duy trực quan hành động lẫn tư duy trực quan hình tượng đều liên hệ mật thiết với ngôn ngữ. Cho nên trong việc cho trẻ làm quen với TPVH, việc đọc, kể diễn cảm TPVH của cô có một ý nghĩa rất lớn trong việc phát triển ngôn ngữ ở trẻ em.

1.3.3. Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học

1.3.3.1 Đọc và kể tác phẩm có nghệ thuật

Phương pháp đọc và kể tác phẩm có nghệ thuật chính là đọc, kể diễn cảm, kết hợp với các hình thức nghệ thuật khác (như âm nhạc, vũ điệu, biểu diễn,...)

để trình bày tác phẩm sáng tạo. Đọc kể diễn cảm là cách sử dụng giọng đọc, lời kể có kèm theo cử chỉ, điệu bộ, nét mặt để truyền đạt những ý nghĩ, ý tưởng, tình cảm của tác giả gửi gắm trong tác phẩm và cả những ý nghĩ, thái độ, tâm trạng, cảm xúc của người đọc đến với người nghe.

1.3.3.2 Trao đổi gợi mở - trò chuyện với trẻ về tác phẩm văn học

Phương pháp này đòi hỏi phải lôi cuốn trẻ tham gia trao đổi, bộc lộ suy nghĩ, cảm nhận riêng của mình, nói cách khác là đi khêu gợi để trẻ bộc lộ cảm thụ của cá nhân một cách tự do, hồn nhiên. Thực chất đây là quá trình giao tiếp giữa tác giả, tác phẩm – cô giáo – trẻ em, đây chính là cuộc trao đổi trò chuyện về tác phẩm nhằm mục đích dạy học. Để nâng cao nhận thức, gây được những ấn tượng của các em về tác phẩm, xác định mối quan hệ giữa các sự kiện đã đọc, mối quan hệ giữa các kinh nghiệm sống của các em, giúp cô giáo nắm được mức độ hiểu bài của các em thì việc trao đổi là cần thiết. Vậy cần có một hệ thống câu hỏi thông minh và khéo léo để cuốn hút trẻ tranh luận. Muốn có câu hỏi hay, cô giáo phải hiểu sâu sắc tác phẩm, mục đích yêu cầu của tổ chức hoạt động LQVTPVH.

Sự giao tiếp giữa cô và trẻ cần cởi mở, tự nhiên như một cuộc trò chuyện có định hướng. Sau đây là định hướng câu hỏi trong quá trình cho trẻ tiếp xúc với tác phẩm văn học:

- Câu hỏi nhưng không phải lúc nào cũng tính đến đặc điểm phát triển tư duy, những nhiệm vụ phát triển trí tuệ quá sức làm giảm sự quan tâm và hứng thú của trẻ tới những vẻ đẹp khác của tác phẩm, đặc biệt vẻ đẹp của nghệ thuật ngôn từ. Sẽ sai lầm nếu các nhà giáo dục đặt ra câu hỏi đã có sẵn câu trả lời.

- Cũng cần tránh tình trạng hỏi đáp liên miên, những câu hỏi quá chi tiết, vụn vặt sẽ phá vỡ hệ thống lôgic của bài học và việc tiếp thu lĩnh hội tri thức của trẻ không có một hệ thống rõ rệt. Trong quá trình trao đổi, nhà sư phạm cần hướng sự chú ý của trẻ vào vấn đề mấu chốt chủ yếu trong tác phẩm, tiến tới để trẻ hiểu nội dung một cách tổng thể chứ không phải những chi tiết riêng lẻ.

- Thực hiện việc trao đổi với trẻ về tác phẩm, các câu hỏi đặt ra trước trẻ không được tách rời khỏi nội dung câu chuyện, bắt chúng phải suy nghĩ, hồi tưởng về những sự kiện mô tả dựa trên sự tiếp thu nhạy cảm hình tượng nghệ thuật

- Cô giáo đưa ra những câu hỏi giúp trẻ suy nghĩ về nội dung tư tưởng của tác phẩm, bằng cách hướng trẻ vào nhân vật chính với những hành động của nhân vật, hướng trẻ phát hiện những phẩm chất của nhân vật, đưa ra các nhận xét về các hình tượng nhân vật, xác định thái độ của mình với các nhân vật. Giáo viên dạy trẻ nghệ thuật tự đặt mình vào chỗ đứng và tình thế của các nhân vật trong tác phẩm. Cô giáo đặt câu hỏi để trẻ liên hệ với cuộc sống của mình: “Nếu cháu là nhân vật...cháu có làm như vậy không ? Tại sao?...cháu sẽ làm như thế nào ?”

- Loại câu hỏi khiến trẻ có thể mô tả hình dạng, hành động về một nhân vật. Dựa trên sự mô tả hành động, các tình tiết, sự kiện, cô giáo có thể đưa ra các câu hỏi: “Tại sao cháu lại nghĩ rằng chàng trai này rất trẻ và dũng cảm?”. Trả lời câu hỏi này, trẻ phải nhớ lại một loạt các chi tiết, hành động, sự kiện và lí giải. Mục đích của câu hỏi này là kích thích sự suy nghĩ của trẻ mẫu giáo, định hướng để sao cho chúng không chỉ mô tả mà còn phải giải thích.

- Câu hỏi mở giữ một vai trò quan trọng. Đánh giá về một nhân vật hoặc một hành động nhân vật, trẻ thường dựa trên những sự vật, vào hành vi của nhân vật và kinh nghiệm của bản thân. Chúng thường đưa ra những kết luận đúng về điều được nghe. Các phương án trao đổi với trẻ có thể đa dạng, phụ thuộc vào mục đích yêu cầu của tiết học.

- Hỗ trợ cho sự xuất hiện và phát triển của hoạt động tư duy là nhóm các câu hỏi hướng tới việc tái lập nội dung của tác phẩm đã được nghe. Trí nhớ và trí tưởng tượng phát triển khiến cho trẻ dễ dàng khi kể lại tác phẩm và bước vào trò chơi đóng kịch. Trẻ thường hứng thú kể lại chuyện, chính ở đây, trẻ học những mẫu câu trong tác phẩm, chúng tiếp thu được cấu trúc ngữ pháp đúng, các từ trong câu theo một trật tự nhất định. Trong những tác phẩm có các nhân vật đối lập, thái độ của trẻ được bộc lộ trong câu trả lời

1.3.3.3 Sử dụng các phương tiện trực quan

Tạo môi trường gắn với tác phẩm bằng nghệ thuật sắp đặt những phương tiện trực quan là một thực tế sinh động. Các đồ dùng trực quan khác như tranh vẽ, ảnh, con rối, mô hình...còn được gọi là các hình tượng quan phải đạt trình độ nghệ thuật, tùy từng loại, thể hiện tinh thần tác phẩm.

1.3.3.4. Phương pháp tổ chức cho trẻ hoạt động văn học nghệ thuật

Tổ chức cho trẻ em thực hành luyện tập để củng cố kiến thức và vận dụng những điều đã tiếp thu được vào việc giải quyết nhiệm vụ thực tiễn, hình thành và hoàn thiện những kỹ năng, kỹ xảo nhất định, trên cơ sở đó rèn luyện tính độc lập của trẻ. Tổ chức hoạt động thực tiễn rèn luyện làm quen với văn học ở trường mầm non chính là tổ chức cho trẻ bước vào hoạt động có tính chất văn học nghệ thuật đọc thơ, kể chuyện diễn cảm, nhập vai trong trò chơi đóng kịch. Từ chỗ trẻ nhận biết, đánh giá những điều phản ánh trong tác phẩm, cô giáo cho trẻ trải nghiệm, nhập thân vào các nhân vật, tình huống trong tác phẩm. Nhân cách của trẻ sẽ giàu có và phát triển, khi trẻ chủ động đọc diễn cảm, kể lại truyện, nhập vai chơi trong các trò chơi trong các trò chơi đóng kịch một cách sáng tạo, sáng tác câu chuyện mới theo tưởng tượng chủ quan của mình.

Cô giáo cần tập cho trẻ quan sát việc đọc mẫu tác phẩm văn học diễn cảm, thể hiện những vai chơi trong trò chơi đóng kịch trên cơ sở quan sát, với gợi ý của cô giáo, trẻ mô phỏng, tái tạo lại các tác phẩm bằng cách nhắc lại – bắt chước, nhắc lại có cải biến làm mới, cao hơn nữa là sáng tạo nghệ thuật

1.3.3.5. Phương pháp giải thích từ mới

Giải thích từ mới, khó, có thể được tiến hành trước cũng như ngay trong quá trình cô giáo đọc, kể tác phẩm, dẫn dắt trẻ cảm nhận tác phẩm. Có thể giải thích bằng việc gắn với lời đọc, lời kể diễn cảm, bằng việc trao đổi, trò chuyện với trẻ, sử dụng tranh minh họa về tác phẩm giúp cho việc hiểu từ ngữ nghệ thuật của trẻ.

Những phương pháp trên được vận dụng vào tổ chức hoạt động LQVTPVH cần sự sáng tạo linh hoạt của cô giáo. Tùy từng hoạt động mà xác định phương pháp chính và các phương pháp biện pháp phối hợp.[8;138]

1.3.4. Hình thức cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học

Hoạt động LQVVH được tiến hành trong các hoạt động học, vui chơi, tham quan, lễ hội, trong sinh hoạt hằng ngày như trong giờ ngủ trưa, cô hát ru, trong lúc đón trả trẻ... cô giáo có thể đọc thơ, kể chuyện.

Như vậy, tổ chức hoạt động LQTPVH được tổ chức dưới nhiều hình thức với các phương pháp sư phạm phù hợp. Nó đòi hỏi cô giáo phải có trình độ

chuyên môn cao, rất linh hoạt để chọn những hình thức tổ chức sao cho phù hợp với lứa tuổi trẻ, gây được sự hứng thú với một hoạt động vừa mang tính khoa học, vừa mang tính nghệ thuật. [8;110]

1.3.5. Vai trò của việc tích hợp giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học

Giáo dục ĐBAT cho trẻ là một nội dung hết sức quan trọng và cần thiết trong nội dung GDMN. Để giáo dục ĐBAT cho trẻ có thể thông qua nhiều hoạt động khác nhau và hoạt động LQVTPVH là một phương tiện vô cùng hữu hiệu giúp trẻ có kiến thức, kỹ năng và thái độ đối với việc ĐBAT bao gồm nhận biết: những nơi nguy hiểm đồng thời biết được những hệ quả xấu khi tiếp xúc, hay đến gần những tác nhân nguy hiểm này. Từ đó có những kỹ năng xử lý ban đầu và thái độ tích cực khi gặp những tình huống nguy hiểm. Bởi vì TPVH mang đến những nội dung giáo dục vừa gần gũi vừa thú vị, hết sức nhẹ nhàng nhưng cũng không kém phần sâu sắc. Văn học mở rộng và nâng cao kiến thức về ĐBAT cho trẻ thơ đồng thời giúp trẻ phát triển ngôn ngữ, giáo dục thái độ ứng xử đúng đắn đối với vạn vật mà trước hết là đối với bản thân trẻ. Văn học còn giúp trẻ hình thành và củng cố những biểu tượng đạo đức sơ đẳng một cách tự nhiên (thế nào là tốt, thế nào là xấu, thế nào là ngoan, thế nào là hư...) chỉ bằng những bài thơ hay câu chuyện hết sức nhẹ nhàng, dí dỏm. Qua đó giáo dục khả năng ĐBAT cho trẻ một cách thường xuyên, liên tục để hình thành thói quen:

Như vậy việc tích hợp GD ĐBAT thông qua hoạt động LQVTPVH sẽ mang lại hiệu quả cao, các bài thơ, câu chuyện có nội dung về ĐBAT đưa vào hoạt động này sẽ giúp trẻ thích thú hơn và nội dung giáo dục được trẻ tiếp nhận một cách nhẹ nhàng và sâu sắc.

Kết luận chương 1

Việc giáo dục ĐBAT cho trẻ 5 - 6 tuổi là rất cần thiết và đặc biệt quan trọng được tiến hành trong quá trình chăm sóc, giáo dục giúp trẻ có những hiểu biết, kỹ năng ĐBAT cho bản thân và mọi người xung quanh đồng thời giúp trẻ mạnh dạn, tự tin, tự lực, sáng tạo, linh hoạt, dễ hòa nhập, dễ chia sẻ, dễ hợp tác...tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ tham gia vào cuộc sống, chuẩn bị tốt cho trẻ vào học lớp một và các bậc học sau.

Hoạt động LQVTPVH giúp trẻ cảm nhận những giá trị nội dung, nghệ thuật phong phú trong tác phẩm học, khơi gợi ở trẻ sự rung động, hứng thú đối với văn học, có ấn tượng về những hình tượng nghệ thuật, cái hay cái đẹp của tác phẩm văn học. Cho trẻ LQVTPVH có giá trị rất lớn đối với sự phát triển nhân cách của trẻ.

Hiện nay, chương trình giáo dục MN được thiết kế theo các chủ đề dựa trên quan điểm tích hợp. Việc tích hợp GD ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động LQVTPVH là một trong những hình thức thuận lợi và thú vị đối với trẻ. Mỗi TPVH phản ánh về cuộc sống gần gũi với trẻ chứa đựng nội dung giáo dục ĐBAT sẽ tác động đến tình cảm, lý trí để hình thành và phát triển ở trẻ những hiểu biết, kỹ năng, thái độ đúng đắn và nhu cầu đối với ĐBAT cho bản thân và người xung quanh.

Tuy nhiên, để phát huy hết các giá trị của việc tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ 5 - 6 tuổi thông qua hoạt động LQVTPVH thì GV MN cần phải hiểu đặc điểm tâm lý, khả năng tiếp nhận văn học của trẻ, quan điểm tích hợp trong giáo dục mầm non thì việc tích hợp thông qua hoạt động LQVTPVH mới hợp lý và mang lại hiệu quả cao.

Chương 2: THỰC TRẠNG TÍCH HỢP NỘI DUNG GIÁO DỤC ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO TRẺ 5-6 TUỔI QUA HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC

2.1. Mục đích điều tra

Điều tra nhằm làm rõ thực trạng của việc tích hợp GD ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động LQVTPVH của GVMN và khả năng ĐBAT của trẻ 5 – 6 tuổi. Dựa trên kết quả điều tra để xác lập cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng biện pháp tích hợp GD ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động LQVTPVH.

2.2. Đối tượng, phạm vi và thời gian điều tra

- Điều tra thực trạng được tiến hành trên 20 GV đã và đang giảng dạy các lớp MG 5-6 tuổi thuộc trường MN Yên Phong và trường MN Khánh Thịnh ; 50 trẻ 5-6 tuổi thuộc trường MN Yên Phong.

- Thời gian điều tra: Từ tháng 2 đến tháng 3 năm 2016.

2.3. Nội dung điều tra

- Khả năng ĐBAT của trẻ 5- 6 tuổi.
- Nhận thức của GV về ý nghĩa, tác dụng của việc tích hợp GD ĐBAT trong quá trình cho trẻ LQVTPVH.

- Thực trạng tích hợp nội dung GD ĐBAT của giáo viên trong quá trình cho trẻ LQVTPVH.

2.4. Cách tiến hành điều tra

Bước 1: Gửi phiếu khảo sát tới GVMN, dự giờ, đàm thoại với GVMN, trẻ MG 5-6 tuổi, nghiên cứu kế hoạch giáo dục của GVMN, khảo sát khả năng ĐBAT của trẻ.

Bước 2: Xử lý kết quả khảo sát

Bước 3: Nhận xét ưu điểm, hạn chế của thực trạng và rút ra nguyên nhân.

2.5. Tiêu chí đánh giá khả năng ĐBAT của trẻ 5- 6 tuổi

2.5.1. Tiêu chí

Tiêu chí 1: Kiến thức của trẻ về nơi nguy hiểm, hành động nguy hiểm, tình huống nguy hiểm

Tiêu chí 2: Kỹ năng ĐBAT của trẻ ở nơi nguy hiểm

Tiêu chí 3: Thái độ về việc ĐBAT của trẻ ở nơi nguy hiểm

2.5.2. Cách đánh giá

Mỗi tiêu chí đánh giá mức độ phát triển khả năng ĐBAT của trẻ theo 3 mức độ:

Tiêu chí 1:

- Mức độ cao (4,5-6 điểm): Trẻ có nhận thức đầy đủ, phong phú về sự nguy hiểm ở những nơi có thể gây ra tai nạn:

+ Trẻ biết được những nơi có thể gây nguy hiểm (kể được từ 5 nơi nguy hiểm)

+ Trẻ biết được những hành động nguy hiểm khi đến những nơi đó (kể được hành động nguy hiểm từ 5 nơi nguy hiểm)

+ Trẻ biết được những tình huống nguy hiểm cần được trợ giúp (kể được tình huống nguy hiểm ở từ 5 nơi nguy hiểm)

+ Trẻ nói được mỗi nguy hiểm khi đến những nơi đó (kể được mỗi nguy hiểm từ 5 nơi có thể gây tai nạn)

+ Trẻ biết và nói được ý nghĩa của việc nhận biết và phòng tránh tai nạn ở những nơi hiểm.

- Mức độ TB (3-<4,5 điểm): Trẻ nêu được từ 3-5 nơi nguy hiểm, hành động nguy hiểm, tình huống nguy hiểm ở những nơi đó, cần sự gợi ý về ý nghĩa của việc nhận biết và phòng tránh tai nạn ở những nơi hiểm.

- Mức độ thấp (<3 điểm): Trẻ nêu được 1-2 nơi nguy hiểm, hành động nguy hiểm, tình huống nguy hiểm ở những nơi đó.

Tiêu chí 2:

- Mức độ cao (4,5-6 điểm): Trẻ đề xuất và thực hiện những hành vi đảm bảo an toàn cho bản thân và mọi người xung quanh phù hợp với độ tuổi ở những nơi có thể gây ra tai nạn: kêu cứu, vùng vẫy, chạy khỏi nơi đó, báo cho cô giáo hoặc người lớn biết, nhắc nhở bạn bè phòng tránh tai nạn ở nơi đó...

- Mức độ TB (3-<4,5 điểm): Đề xuất và thực hiện những hành vi ĐBAT từ 3-4 nơi nguy hiểm.

- Mức độ thấp (<3 điểm): Đề xuất và thực hiện những hành vi ĐBAT từ 1-2 nơi nguy hiểm khi có sự gợi ý.

Tiêu chí 3:

- Mức độ cao: (4,5-6 điểm) Trẻ nêu được từ 3 thái độ tích cực về việc ĐBAT ở nơi nguy hiểm: Có thái độ tự giác đối với việc ĐBAT cho bản thân và người xung quanh; tôn trọng người cứu nạn; chia sẻ, thương xót, đồng cảm với người bị nạn; sẵn lòng giúp đỡ người hoạn nạn khi có thể...
- Mức độ TB (3-<4,5 điểm): Trẻ thể hiện từ 2 thái độ tích cực về việc ĐBAT ở nơi nguy hiểm.
- Mức độ thấp (<3 điểm): Trẻ thể hiện từ 1-2 thái độ tích cực về việc ĐBAT ở nơi nguy hiểm khi có gợi ý.

Chúng tôi xây dựng 3 bài tập đánh giá theo các tiêu chí (phụ lục 2).

- + Bài tập 1: Đánh giá nhận thức của trẻ về những nơi có thể gây nguy hiểm.
- + Bài tập 2: Đánh giá cách thức đảm bảo an toàn của trẻ ở nơi nguy hiểm
- + Bài tập 3: Đánh giá thái độ của trẻ về việc ĐBAT ở nơi nguy hiểm.

Tổng điểm tối đa mỗi trẻ đạt được là 14 điểm. Xếp loại:

- + Mức độ Giỏi: 16 - 18 điểm.
- + Mức độ Khá: 12 – <16 điểm
- + Mức độ TB: 8 - <12 điểm.
- + Mức độ Yếu: <8 điểm.

2.6. Phân tích kết quả điều tra

2.6.1. Kết quả điều tra giáo viên

2.6.1.1. *Đánh giá của GVMN về mức độ cần thiết của việc tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học:*

Bảng 2.1: Mức độ cần thiết của việc tích hợp GD ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi thông qua HĐ LQVTPVH:

<i>STT</i>	<i>Mức độ</i>	<i>SL</i>	<i>Tỉ lệ (%)</i>
1	Rất cần thiết	20	100
2	Cần thiết	0	0
3	Không cần thiết	0	0

Kết quả điều tra cho thấy 100% số GV được khảo sát cho rằng việc tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ MG 5-6 tuổi thông qua HĐ LQVTPVH là rất cần thiết, không có GV nào phủ nhận sự cần thiết của việc tích hợp giáo dục ĐBAT đối với sự phát triển của trẻ. Ngay từ nhỏ, trẻ cần được giáo dục những kỹ năng

ứng biến khi gặp khó khăn. Đó chính là kỹ năng mà trẻ cần được trang bị để đề phòng bất trắc xảy ra. Trên cơ sở đó, góp phần phát triển khả năng nhận thức, cũng như trang bị một số kỹ năng về ĐBAT cho bản thân ở mọi lúc, mọi nơi.

Giải thích cho sự lựa chọn đó, GVMN cho rằng cơ sở vật chất không đảm bảo yêu cầu, SL trẻ quá đông trong khi đó trẻ em lại rất hiếu động, tò mò và chưa có kinh nghiệm nên rất dễ xảy ra các tai nạn: ngã, chấn thương, chảy máu, hóc, sặc, bỏng...; việc giáo dục ĐBAT là rất cần thiết đối với trẻ, nhiệm vụ của trường MN chính là trang bị cho trẻ những nhận thức về những mối nguy hiểm và cách phòng tránh nó. Thực chất, bất kỳ nơi nào cũng có thể gây tai nạn cho trẻ: nền nhà vừa lau xong trơn ướt, bước chân không hoặc đi dép mà đế dép ít ma sát... cũng có thể làm trẻ bị ngã, bị chấn thương... Hiện nay, cơ bản các trường MN đã được xây dựng đảm bảo theo yêu cầu chung, song nguy cơ xảy ra tai nạn vẫn thường xuyên rình rập ở mọi lớp, mọi trường, mọi thời điểm nếu cô và trẻ không thực hiện đầy đủ những quy tắc ĐBAT. Đặc biệt đối với trường MN Khánh Thịnh và trường MN Yên Phong khu Hoàng Bắc, do 2 trường được xây ngay cạnh trục đường giao thông chính, vì vậy rất dễ xảy ra tai nạn giao thông, hay nạn bắt cóc trẻ em. Vì vậy mà việc tích hợp giáo dục trẻ ĐBAT và việc cô thực hiện ĐBAT cho trẻ ở trường MN phải luôn là ưu tiên số 1 trong các nhiệm vụ của các trường.

Nhận thấy tầm quan trọng của việc cần phải GD ĐBAT cho trẻ, vì thế ở hầu hết các hoạt động trong ngày của trẻ, các cô đều không quên việc tích hợp GD trẻ về ĐBAT. Trong đó việc tích hợp thông qua HĐ LQVTPVH được cho là rất cần thiết, vì TPVH có ảnh hưởng sâu sắc, góp phần to lớn vào giáo dục ĐBAT cho trẻ, thông qua tích hợp ở hoạt động LQVTPVH trẻ có thể hiểu được lợi ích của việc ĐBAT, cũng như giúp trẻ hiểu hơn hậu quả của việc không thực hiện ĐBAT: gãy chân gãy tay, bị bắt cóc, bị bỏng, điện giật... Từ đó giúp trẻ hình thành những kỹ năng nhất định về ĐBAT cho bản thân. Bên cạnh đó, các TPVH gần gũi với cuộc sống của trẻ, mang đến cho trẻ những kiến thức đơn giản mà lại bổ ích. Thông qua TPVH, trẻ biết ý nghĩa và ích lợi của việc cần thiết phải ĐBAT. Chị Nguyễn Thị Hoa giáo viên lớp 5TA trường mầm non Yên Phong cho rằng: “TPVH có ảnh hưởng rất tích cực đến việc giáo dục ĐBAT cho trẻ. Các

TPVH sáng tác cho trẻ em đều mang những hình ảnh hết sức quen thuộc, gần gũi với trẻ, dễ đi vào lòng trẻ và mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc, nhất là với những kiến thức về an toàn cho bản thân và những người xung quanh”. Qua đây có thể thấy rằng việc tích hợp GD ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi thông qua HĐ LQVTPVH đã được các GV chú trọng. Tuy nhiên, việc dự giờ làm quen với TPVH cho thấy việc giáo dục ĐBAT đôi lúc còn chưa phù hợp, chưa khai thác triệt để nội dung giáo dục ĐBAT trong tác phẩm, và cũng chưa liên hệ được thực tế nhiều mà chủ yếu chú trọng đến việc cho trẻ hiểu nội dung tác phẩm. Ví dụ: giờ kể chuyện tiết 1 truyện “Cuộc phiêu lưu của những chú gà nhí”, cô thường sử dụng các câu hỏi để hỏi trẻ như: những chú gà nhí đã làm gì?, chuyện gì đã xảy ra với chiếc thuyền?, ai đã giúp những chú gà nhí thoát nạn?... hầu hết là những câu hỏi để trẻ nhớ nội dung câu chuyện chứ cũng chưa thực sự chú trọng nội dung GD ĐBAT có thể tích hợp được trong câu chuyện. Nội dung mà GV muốn giáo dục cho trẻ chính là: không được chơi gần ao hồ, không tự ý lội xuống nước, có thể dẫn đến nguy hiểm hoặc mất mạng mà chưa chú ý giáo dục trẻ phải làm gì khi gặp những tình huống có thể gây nguy hiểm, những mối nguy hiểm khi gặp những tình huống nguy hiểm, hay thái độ đối với những người giúp đỡ. Nhìn chung là việc tích hợp giáo dục ĐBAT trong hoạt động này còn nhiều hạn chế.

Như vậy GV cũng đã nhận thức đúng đắn về vai trò và sự ảnh hưởng của việc tích hợp GD ĐBAT cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi thông qua HĐ LQVTPVH. Tuy nhiên giáo dục chưa thực sự triệt để, chưa khai thác hết các thông tin ĐBAT cho trẻ qua nội dung của những TPVH đó.

2.6.1.2. Đánh giá của GV về những yêu cầu cần đảm bảo khi sử dụng TPVH để giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi

Bảng 2.2: Yêu cầu của TPVH dùng để giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi.

<i>STT</i>	<i>Kết quả</i>		<i>SL</i>	<i>(%)</i>
	<i>Yêu cầu</i>			
1	Đảm bảo tính giáo dục		20	100
2	Đảm bảo tính thẩm mỹ		3	15
3	Có nội dung giáo dục ĐBAT hoặc liên quan đến kỹ năng này		20	100
4	Phù hợp với khả năng tiếp thu và thể hiện lại TPVH của trẻ.		9	45

Có 20/20 GV cho rằng khi sử dụng TPVH để giáo dục ĐBAT cho trẻ thì các TPVH cần đảm bảo tính giáo dục (chiếm 100%), tất cả GV cũng đồng ý rằng TPVH được sử dụng cần có nội dung về ĐBAT hoặc có liên quan đến nội dung này. Như vậy, nội dung giáo dục được GV quan tâm nhiều nhất, nó đảm bảo những kiến thức, kỹ năng và thái độ cần đạt ở trẻ về ĐBAT qua việc làm quen với TPVH ở một hoạt động cụ thể. Tuy vậy, GVMN chưa phân định được tỉ lệ nội dung giáo dục ĐBAT trong một TPVH so với các nội dung giáo dục khác để khai thác cho phù hợp. Có những TPVH mà nội dung của nó chủ yếu nói về việc ĐBAT cho trẻ, như các truyện: Qua đường, Cuộc phiêu lưu của những chú gà nhí, Một phen sợ hãi, Chú cảnh sát không biết nói, Ba ngọn đèn, Cái hồ bên đường, Một chuyến tham quan, Xe đạp con trên đường phố, Chú nai tơ, Thỏ con đi học, Chú khí thông minh, Chuột – gà trống và mèo...; thơ: Ước mơ của Tý, Tiếng còi tàu, Bé tập đi xe đạp, Đèn giao thông... thì GVMN dễ dàng nhận ra nội dung ĐBAT qua những tác phẩm này và để ý tích hợp giáo dục. Song những TPVH chỉ có một vài chi tiết liên quan đến việc dạy trẻ ĐBAT thì GVMN rơi vào 1 trong 2 tình trạng: hoặc là bỏ qua, không khai thác nội dung tích hợp đó, hoặc là khai thác vượt quá mức tích hợp, lạm dụng thông tin làm mất đi trọng tâm chính của giờ LQVTPVH.

9/20 GV (45%) cho rằng cần phù hợp với khả năng tiếp thu, khả năng thể hiện lại TPVH của trẻ. Qua tìm hiểu cho thấy, việc tổ chức HĐ LQVTPVH hiện nay thường dựa trên khả năng nhận thức của trẻ. Nếu đa số trẻ “chưa biết” thì các chị cho trẻ LQVTPVH ở tiết 1, tức là chỉ cần cho trẻ nắm được tên truyện, nội dung chính của câu chuyện. Nếu đa số trẻ “đã biết” thì các chị tổ chức cho trẻ LQVTPVH ở tiết 2 với yêu cầu cao hơn là trẻ có thể thuộc, đọc hay kể lại diễn cảm bài thơ, câu chuyện vừa học. Hoặc tiết 3 cho trẻ đóng kịch xây dựng từ câu chuyện.

Chỉ có 3/20 GV (15%) cho rằng cần đảm bảo tính thẩm mỹ. Đây không chỉ là hạn chế trong nhận thức của GVMN về việc lựa chọn các TPVH để giáo dục trẻ mà còn là hạn chế của chương trình GDMN hiện hành, vì theo chương trình GDMN, hoạt động làm quen với TPVH nằm trong lĩnh vực phát triển ngôn ngữ, tức là chú trọng việc phát triển ngôn ngữ cho trẻ qua TPVH mà không đề cao nghệ

thuật ngôn từ của TPVH có thể giáo dục thẩm mỹ và giáo dục nhận thức.... TPVH vốn là một tác phẩm nghệ thuật, nó đòi hỏi tính thẩm mỹ, phải có tính thẩm mỹ thì TPVH mới tồn tại lâu dài trong thời gian. Hiện nay trong chương trình GDMN còn một số TPVH chỉ nhằm phục vụ thực hiện các chủ đề giáo dục, nhất là chủ đề Giao thông, chứ chưa đảm bảo tính thẩm mỹ thực sự, song GVMN đơn thuần chỉ thực hiện nhiệm vụ là giáo dục trẻ theo chủ đề nên sử dụng những tác phẩm có sẵn trong chương trình để dạy trẻ chứ ít đầu tư tìm tòi những TPVH thực sự có giá trị thẩm mỹ cao hơn. 15% GVMN có sự lựa chọn này là những người có nhận định chính xác, tinh tế về việc sử dụng TPVH để dạy trẻ. Ngoài ra một số GV còn đưa ra các ý kiến khác khi sử dụng TPVH giáo dục ĐBAT cho trẻ cần đảm bảo hình thức tổ chức phù hợp, phong phú kích thích được sự hứng thú của trẻ hay sử dụng các TPVH sao cho dễ dàng tích hợp vào nhiều hoạt động khác nhau để củng cố nhận thức về ĐBAT cho trẻ, để giáo dục ĐBAT cần đảm bảo tất cả các yêu cầu trên. Đây là những kinh nghiệm góp phần định hướng cho chúng tôi trong việc nghiên cứu đề tài này ở mức độ hơn sau này.

2.6.1.3. *Đánh giá của GV về mức độ lựa chọn và sử dụng nguồn tác phẩm TPVH để giáo dục ĐBAT cho trẻ:*

Bảng 2.3: Các nguồn tài liệu tham khảo

<i>STT</i>	<i>Nguồn tài liệu</i>	<i>SL</i>	<i>(%)</i>
1	Tuyển tập thơ, truyện cho trẻ mẫu giáo	20	100
2	Mạng internet và các tạp chí, báo chuyên ngành	8	40
3	Tự sáng tác	3	15
4	Tất cả các nguồn trên	10	50

Hiện nay có thể tìm thấy rất nhiều TPVH ở các nguồn tài liệu khác nhau để GVMN chọn lọc ra những tác phẩm phù hợp. Tuy vậy, GVMN ở địa bàn chúng tôi điều tra thực trạng (Trường MN Khánh Thịnh, trường MN Yên Phong) gặp khó khăn nhất định do trường thiếu thiết bị điện tử như máy tính có internet, máy tính chỉ được lắp đặt ở văn phòng của Ban giám hiệu hoặc ở lớp 5 tuổi có nhưng cũng không được đảm bảo luôn sử dụng được khi cần, nhà riêng của GV cũng đa số chưa có mạng internet nên hầu hết các GV ít có cơ hội khai thác nguồn tài liệu tham khảo phong phú này.

Bảng tổng hợp cho thấy, các GV chủ yếu lấy tác phẩm trong các tuyển tập thơ, truyện ở trường MN (100%) mà ít có sự tìm tòi trên các phương tiện khác như báo chí, mạng internet... (chỉ 40%). Một số GV đã tự sáng tác TPVH (15%) để cho phù hợp với nội dung. Tuy nhiên, khi điều tra kế hoạch giảng dạy cũng như trên thực tế quan sát thì các GV gần như là không có sự lựa chọn, hay tự sáng tác để cho phù hợp mà thường thực hiện theo các mẫu giáo án có sẵn, hoặc mượn lại của đồng nghiệp để cho trẻ LQVTPVH.

Nhìn chung việc tích hợp giáo dục ĐBAT thông qua HD LQVTPVH còn chưa được GVMN quan tâm thực hiện đúng mức mặc dù họ đã nhận thấy sự quan trọng của phương tiện giáo dục này đối với sự ĐBAT cho trẻ.

2.6.1.4. Những tác phẩm văn học đã được lựa chọn và sử dụng để tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi:

Qua phiếu điều tra và trao đổi trực tiếp với GV chúng tôi nhận thấy: Đa số các GV đều lựa chọn và sử dụng các TPVH tương đối giống nhau và lặp lại từ những năm học trước: “Qua đường”, “Vì sao Thỏ cụt đuôi”, “Thỏ con đi học”,... mà ít thấy có các TPVH mới. Như vậy ưu tiên hàng đầu trong việc tuyển chọn các TPVH của các GV là những TP đã quen thuộc, được sử dụng nhiều trong các năm học và dễ tiếp cận đối với trẻ.

Đặc trưng của chương trình MN mới là không có tiết học riêng rẽ theo từng mảng kiến thức mà các hoạt động được tổ chức đan xen, tích hợp vào nhau theo từng chủ đề được quy định trong năm học. Chương trình mới giúp tăng tính tích cực, sáng tạo của trẻ, lấy trẻ làm trung tâm, đồng thời cũng làm cho vai trò của người GV không những giảm đi mà còn trở nên quan trọng hơn. Khi đó GV hoàn toàn được chủ động và tự quyết đưa ra nội dung học tập cho trẻ. Mỗi hoạt động giúp phát huy tối đa khả năng sáng tạo và nghệ thuật sư phạm của các GV sao cho phù hợp nhất định với đặc điểm, kinh nghiệm của trẻ lớp mình. Tuy nhiên thực tế GV hầu như ít có sự sáng tạo mà thường sử dụng cách dạy truyền thống và lấy nguồn tài liệu chủ yếu ở trong các mẫu bài soạn có sẵn từ những năm học trước. Điều đó thể hiện rõ sự thụ động và lười đầu tư suy nghĩ cho việc lập kế hoạch về việc GD ĐBAT cho trẻ theo hướng tích hợp thông qua HD LQVTPVH.

Bảng 2.4: Các tác phẩm văn học tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ:

TT	2014-2015	Các năm học trước
1	Qua đường	Qua đường
2	Thỏ con đi học	Thỏ con đi học
3	Đi chơi phố	
4	Vì sao thỏ cụt đuôi	Vì sao thỏ cụt đuôi
5	Cá cầu vòng	
6	Cá cầu vòng can đảm	Cá cầu vòng can đảm
7	Kiến thi an toàn giao thông	
8	Cuộc phiêu lưu của những chú gà nhí	Cuộc phiêu lưu của những chú gà nhí
9	Một phen sợ hãi	
10	Chú vịt khăn	
11	Đàn kiến nó đi	
12	Thỏ con không vâng lời	
13	Trên đường	Trên đường
14	Cô dạy con	
15	Gà mẹ đếm con	Gà mẹ đếm con
16	Giúp bà	
17	Chú cảnh sát giao thông	
18	Gấu qua cầu	

Việc giáo dục ĐBAT cho trẻ ở trường MN là rất cần thiết, ngoài hoạt động vệ sinh chăm sóc, hoạt động lao động, hoạt động học có chủ đích... thì các hoạt động vui chơi, hoạt động ngoài trời, hoạt động chiều... cũng thường xuyên sử dụng TPVH để làm phong phú hoạt động hoặc gây hứng thú cho trẻ. Việc giáo dục ĐBAT cho trẻ mang tính chất mở, có thể tích hợp trong nhiều chủ đề: bản thân, các phương tiện giao thông, động vật... hơn nữa SL tác phẩm có nội dung giáo dục ĐBAT khá nhiều. Tuy nhiên chỉ có một số tác phẩm được sử dụng thường xuyên và lặp đi lặp lại trong nhiều hoạt động. Kế hoạch giáo dục trẻ từng độ tuổi, từ kế hoạch chủ đề đến kế hoạch ngày, của các lớp 5-6 tuổi trong cùng một trường thường giống nhau về các tác phẩm được sử dụng.

Quan sát trên các lớp học có thể nhận thấy rất nhiều các hoạt động có sử dụng TPVH mà trong kế hoạch của GV còn chưa thể hiện hết. Ví dụ như khi đón trẻ, trả trẻ để ổn định lớp GV thường cho cả lớp đọc đồng thanh một vài bài thơ trong chủ đề có nội dung giáo dục, hay cô kể cho trẻ nghe, vừa giúp trẻ tiếp cận TPVH ở mọi lúc mọi nơi đúng với mục tiêu giáo dục, vừa điều khiển được trẻ vào các hoạt động dễ dàng bởi trẻ 5-6 tuổi khi tiếp nhận TPVH còn mang tính tập thể. SL tác phẩm phù hợp với chủ đề rất nhiều, tuy nhiên GV chưa lựa chọn, lồng ghép vào từng hoạt động cho phù hợp và đạt hiệu quả cao.

2.6.1.5. Đánh giá của GV về mức độ tích hợp GD ĐBAT cho trẻ thông qua HĐ LQVTPVH:

Bảng 2.5: Mức độ tích hợp GD ĐBAT cho trẻ thông qua HĐ LQVTPVH:

TT	Sử dụng Thời điểm tổ chức	Th xuyên		Thỉnh thoảng		Không bao giờ	
		SL	(%)	SL	(%)	SL	(%)
1	Gây hứng thú	8	40	5	25	7	35
2	Bài mới	13	65	7	35	0	0
3	Củng cố nội dung	19	95	1	5	0	0
4	Tất cả các thời điểm trên	4	20	2	10	14	70

Có 19/20 tức là 95% số GV thường xuyên tích hợp giáo dục vào thời điểm củng cố nội dung bài học và 13/20 GV tức là 65% số GV thường xuyên tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ khi vào bài mới (cung cấp kiến thức). Nghiên cứu về kế hoạch giảng dạy theo chủ đề của GV chúng tôi thấy rằng đa số GV lựa chọn thời điểm giáo dục ĐBAT cho trẻ vào phần củng cố nội dung bài học, rất ít GV sử dụng lúc gây hứng thú. Vì ở thời điểm này trẻ đang và đã được tiếp xúc với tác phẩm, biết được nội dung của tác phẩm nên GV dễ truyền đạt nội dung với trẻ hơn và trẻ dễ dàng tiếp thu nội dung giáo dục hơn. Tuy nhiên, theo nhận định của chúng tôi, phần bài mới thực hiện đầy đủ nhất các nội dung giáo dục trẻ trong giờ học, trong đó việc tích hợp giáo dục ĐBAT sẽ được thực hiện chủ yếu ở đây, thông qua hệ thống câu hỏi và lời giải thích của GV, nó là mấu chốt trong việc tích hợp giáo dục. GVMN có xác định rõ nội dung giáo dục tích hợp và biết cách khai thác nội dung đó hay không phụ thuộc chủ yếu vào việc thực hiện giờ học ở phần bài mới này.

Như vậy, 7/20 tức là 35% GVMN đã chưa xác định được thời điểm quan trọng, đầy đủ nhất để giáo dục ĐBAT cho trẻ thông qua hoạt động học.

Chỉ có 8/20 (40%) GV thường xuyên giáo dục ĐBAT cho trẻ ở phần gây hứng thú, và 5/20 GV(25%) thỉnh thoảng tích hợp và 35% GV không bao giờ tích hợp GD ĐBAT ở phần này vì thời gian dành cho thời điểm này rất hạn chế, chỉ có từ 2-3 phút. Và chỉ có 20 % GV tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ vào cả 3 thời điểm trên nhưng có tới 70% GV không bao giờ sử dụng tất cả các thời điểm trên để giáo dục ĐBAT cho trẻ.

Như vậy có thể thấy rằng GV đã tận dụng các thời điểm trong giờ làm quen với TPVH để giáo dục ĐBAT cho trẻ nhưng chưa phối hợp khai thác hết các thời điểm của giờ học để giáo dục ĐBAT cho trẻ đảm bảo sự hợp lí về nội dung và hình thức tổ chức của giờ học mà mang lại hiệu quả giáo dục cao nhất.

2.6.1.6. *Đánh giá của GV về những khó khăn và thuận lợi khi lựa chọn và sử dụng các TPVH để giáo dục ĐBAT cho trẻ:*

Bảng 2.6.1: Những thuận lợi khi lựa chọn và sử dụng TPVH để GD ĐBAT

<i>TT</i>	<i>Thuận lợi</i>	<i>SL</i>	<i>(%)</i>
1	Có nhiều TPVH có nội dung dạy trẻ đảm bảo an toàn	18	90
2	Nội dung GD an toàn, sinh động, phù hợp với nhận thức của trẻ	10	50
3	Trẻ rất hứng thú với các hoạt động có sử dụng TPVH	18	90
4	Có thể GD ĐBAT cho trẻ trong nhiều thời điểm của giờ học	20	100
5	Có thể sử dụng tác phẩm văn học trong nhiều hoạt động	19	95

Có 20/20 GV (100%) cho rằng có thể giáo dục ĐBAT cho trẻ trong nhiều thời điểm của giờ học, từ lúc ổn định tổ chức khơi gợi hứng thú cho trẻ đến khi kết thúc tiết học. Thực tế nghiên cứu về kế hoạch giảng dạy theo chủ đề của GV chúng tôi thấy rằng đa số GV lựa chọn thời điểm giáo dục ĐBAT cho trẻ vào phần củng cố nội dung bài học, rất ít GV sử dụng lúc gây hứng thú và phần bài mới. Như vậy có thể thấy rằng GV đã tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ ở các thời điểm trong giờ LQVTPVH để nhưng chưa phối hợp khai thác hết các thời điểm của giờ học để đảm bảo sự hợp lí về nội dung và hình thức tổ chức của giờ học.

Có 19/20 GV (95%) cho rằng có thể tích hợp được TPVH trong nhiều hoạt động khác nhau như: hoạt động vui chơi, hoạt động sinh hoạt hàng ngày, hoạt động học, hoạt động lao động... Tuy nhiên trên thực tế, GV chỉ thường xuyên tích hợp khi tổ chức cho trẻ chơi trong giờ Hoạt động vui chơi, giờ Hoạt động ngoài trời, hay hoạt động học. Khi tổ chức hoạt động vui chơi hay hoạt động ngoài trời, GV có chú ý GD ĐBAT cho trẻ nhưng việc giáo dục trẻ ĐBAT mới dừng lại ở việc nhắc nhở chung là không được chơi ra khỏi khu vực lớp, hay không nô đùa, chạy nhảy, không chọc nhau, ném nhau... mà không giải thích cho trẻ về sự nguy hiểm ở những nơi nguy hiểm mà trẻ có thể tiếp xúc trong quá trình trẻ chơi. Khi tổ chức giờ học, GV luôn lồng ghép, tích hợp giáo dục về an toàn cho trẻ trong mọi chủ đề, lồng ghép nội dung phòng tránh tai nạn thương tích vào chương trình giáo dục đặc biệt là giờ làm quen với TPVH qua các bài thơ, câu chuyện. Tuy nhiên việc dự giờ tiết làm quen với TPVH cho thấy GV chưa khai thác triệt để các thông tin liên quan đến ĐBAT trong tác phẩm, chưa sử dụng câu hỏi phù hợp nhằm giáo dục kỹ năng này cho trẻ, mà chỉ dừng lại ở việc khuyên trẻ không nên làm theo chứ chưa giáo dục về cách phòng tránh, nguyên nhân, hậu quả và yêu cầu người khác giúp đỡ,... Ở một số hoạt động khác trong ngày của trẻ thì GV ít sử dụng để GD ĐBAT cho trẻ hơn vì khó tích hợp.

Có 18/20 GV (90%) cho rằng có nhiều TPVH dành cho trẻ mẫu giáo có nội dung dạy trẻ ĐBAT. Tuy nhiên, các TPVH có nội dung ĐBAT ở những nơi nguy hiểm hầu hết rơi vào chủ điểm Giao thông là nhiều, chỉ có một số TPVH ở chủ đề: Nước và các hiện tượng tự nhiên, Gia đình, Động vật.

Có 18/20 GV (90%) cho rằng trẻ rất hứng thú với các hoạt động có sử dụng TPVH. Chị Vũ Mai Nhiên GV lớp 5TB trường MN Yên Phong-khu Hoàng Bắc cho biết: “Tôi thường xuyên sử dụng TPVH vào các hoạt động hàng ngày của trẻ. Vì mỗi bài thơ, câu chuyện đều rất gần gũi, nó như chính cuộc sống đời thường của trẻ vậy. Hơn nữa các TPVH mang đến cho trẻ những kiến thức rất đơn giản mà lại bổ ích, vì thế trẻ rất hứng thú khi nghe cô kể chuyện hay đọc thơ.” Như vậy thì GV cũng đã chú ý tích hợp hoạt động LQVTPVH trong các hoạt động

khác nhau để giáo dục ĐBAT cho trẻ, tạo nên sự phong phú, sinh động, đáp ứng theo chương trình giáo dục mầm non mới.

Có 10/20 GV (50%) cho rằng nội dung giáo dục an toàn, sinh động, phù hợp với nhận thức của trẻ. Những câu chuyện, bài thơ thường có nội dung GD ĐBAT rất gần gũi, phù hợp với vốn hiểu biết và nhận thức của trẻ như: các tín hiệu đèn, đi bên phải đường, hay không nô đùa dưới lòng đường... qua câu chuyện về các con vật nên rất sinh động và dễ gây hứng thú đối với trẻ, từ đó trẻ có thể học tập những thói quen tốt và không đồng tình hay phê bình những hành vi không tốt của nhân vật trong tác phẩm

Phần lớn GV nhận thấy họ đều rất thuận lợi trong việc lựa chọn và sử dụng TPVH để giáo dục ĐBAT cho trẻ vì lượng tác phẩm về nội dung giáo dục này rất phong phú đa dạng. Hơn nữa lại có thể tích hợp được TPVH trong nhiều các hoạt động. Tuy nhiên trên thực tế chỉ có một số ít tác phẩm quen thuộc được lựa chọn để sử dụng giáo dục khả năng này cho trẻ, và cũng không đạt được hiệu quả cao do không khai thác triệt để nội dung giáo dục trong tác phẩm.

Bảng 2.6.2 Những khó khăn khi lựa chọn và sử dụng TPVH để GDĐBAT

<i>TT</i>	<i>Khó khăn</i>	<i>SL</i>	<i>(%)</i>
1	Thiếu nguồn tài liệu (báo, sách, internet...)	8	40
2	Gặp khó khăn khi tiếp nhận những tác phẩm mới	5	25
3	Thiếu tài liệu trực quan để minh họa.	19	95
4	Khó tích hợp nội dung ĐBAT trong giờ LQVTPVH	7	35
5	Mất nhiều thời gian để tích hợp giáo dục ĐBAT ...	5	25

Nhìn vào kết quả trên ta thấy đa số các GV cho rằng họ gặp khó khăn do thiếu tài liệu trực quan và phương tiện minh họa cho bài học. Thực tế khi quan sát ở trường MN chúng tôi thấy ở các lớp hầu như không có đồ dùng trực quan về nội dung giáo dục ĐBAT cho trẻ. Các bức tranh về các hoạt động nguy hiểm với đồ dùng, hay những nơi nguy hiểm không được tới gần, hay những tình huống nguy hiểm cần phòng tránh... hầu như không có, hay những phương tiện minh họa cần thiết cũng rất hiếm hoi. Có thể thấy rằng vì nội dung giáo dục ĐBAT ở trường MN không được quan tâm thực hiện nên việc đầu tư tài liệu, cũng như đồ dùng trực quan hầu như không có.

Tuy nhiên, hầu hết các GVMN mới chỉ ra những khó khăn khách quan, từ cơ sở vật chất cho đến nhận thức của trẻ, họ hầu như không khắc đến khó khăn cơ bản là cách khai thác nội dung ĐBAT trong từng TPVH hoặc cách thức tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ trong giờ làm quen với TPVH cũng như việc sử dụng TPVH để giáo dục ĐBAT trong các hoạt động khác.

Trong quá trình nghiên cứu về chương trình, kế hoạch năm học của hai trường chúng tôi điều tra thì có thể thấy rằng không có sự khác biệt đáng kể về các TPVH được lựa chọn khi dạy trẻ. Các giáo án vẫn dập khuôn theo mẫu có sẵn và GV thường thực hiện giống như giáo án đã xây dựng mà ít có sự sáng tạo hay mới lạ- yếu tố cần thiết để thu hút sự chú ý cũng như hiệu quả khi giáo dục trẻ. Rõ ràng các GV vẫn chưa thực hiện tốt việc tích hợp GD ĐBAT thông qua HĐ LQVTPVH để giáo dục ĐBAT cho trẻ.

2.6.1.7. Kinh nghiệm sử dụng TPVH để giáo dục ĐBAT cho trẻ

Có nhiều GVMN chia sẻ kinh nghiệm về việc sử dụng TPVH nhằm giáo dục ĐBAT cho trẻ MN, chúng tôi tập hợp thành những ý kiến chính sau:

- Lựa chọn TPVH có nội dung giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi.
- TPVH phù hợp với khả năng tiếp thu, nhận thức và kinh nghiệm của trẻ
- Sử dụng đồ dùng trực quan sinh động để thu hút trẻ vào tác phẩm.
- Tích hợp GD ĐBAT thông qua HĐ LQVTPVH đúng lúc, đúng thời điểm nhưng vẫn đảm bảo được nội dung của TPVH.
- Tổ chức cho trẻ chơi các trò chơi lấy tình huống có trong tác phẩm văn học làm tình huống cho trẻ trải nghiệm nếu phù hợp.

Những kinh nghiệm mà GV đưa ra là những bài học quý cho chúng tôi tham khảo, và vận dụng khi tích hợp GD ĐBAT cho trẻ thông qua HĐ LQVTPVH.

2.6.1.8. Thực trạng sử dụng các biện pháp để tích hợp GD ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi thông qua HĐ LQVTPVH:

Bảng 2.7. Thực trạng sử dụng các biện pháp để tích hợp GD ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi thông qua HĐ LQVTPVH

TT	Mức độ sử dụng Biện pháp	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không bao giờ	
		SL	(%)	SL	(%)	SL	(%)
1	Sưu tầm, lựa chọn, phân loại TPVH có nội dung giáo dục ĐBAT cho trẻ theo mức độ, đảm bảo vừa sức và hấp dẫn đối với trẻ.	18	90	2	10	0	0
2	Xác định rõ ràng các nội dung giáo dục ĐBAT cho trẻ trong mỗi TPVH.	10	50	7	35	3	15
3	Xác định thời điểm tích hợp giáo dục ĐBAT qua hoạt động LQVTPVH	12	60	8	40	0	0
4	Tạo điều kiện cho trẻ thể hiện những kinh nghiệm của mình về ĐBAT nhằm phát huy TTC của trẻ.	19	95	1	5	0	0
5	Khuyến khích trẻ phát hiện những thông tin đảm bảo an toàn trong TPVH.	19	95	1	5	0	0
6	Sử dụng mô hình các nhân vật trong TPVH làm đồ dùng giáo dục ĐBAT	3	15	3	15	14	70
7	Biên tập và tổ chức cho trẻ đóng kịch từ TPVH để trẻ được trải nghiệm ...	5	25	5	25	10	50
8	Ứng dụng CNTT, tích cực làm đồ dùng, đồ chơi, đồ dùng minh họa phong phú,..	20	100	0	0	0	0

Theo kết quả điều tra của bảng 2.7 (từ 20 phiếu điều tra) chúng tôi thấy: nhìn chung GV đã sử dụng đủ các biện pháp đưa ra, trong đó các biện pháp 1, 4, 5, 8 thường xuyên được sử dụng hơn. Cụ thể như sau:

Có 18/20 GV được hỏi cho rằng thường xuyên sưu tầm, lựa chọn, phân loại TPVH có nội dung giáo dục ĐBAT cho trẻ theo mức độ, đảm bảo vừa sức và hấp dẫn đối với trẻ, chỉ có 10% trả lời thỉnh thoảng mới sưu tầm, lựa chọn, phân loại TPVH có nội dung giáo dục ĐBAT cho trẻ theo mức độ, đảm bảo vừa sức, hấp

dẫn đối với trẻ. Trên thực tế quan sát, chúng tôi thấy rằng một số GV cũng đã chú ý đến việc sưu tầm và lựa chọn một số các TPVH phù hợp với trẻ nhưng hầu hết dựa trên mẫu sẵn từ những năm học trước, cơ sở vật chất còn hạn chế vì thế hầu hết GV chưa được tiếp cận với kho thông tin internet để có được lượng tác phẩm phong phú và phù hợp với trẻ của lớp mình. Còn việc phân loại theo mức độ từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp thì hầu như GV không làm, chỉ làm sao đúng chủ đề và mục tiêu cần đạt là được.

Việc xác định rõ ràng các nội dung giáo dục ĐBAT cho trẻ trong mỗi TPVH được 50% GV làm thường xuyên, 35% Gv thỉnh thoảng làm, và 15% số Gv không bao giờ làm. Số liệu trên cho thấy nhiều GV chưa thấy được tầm quan trọng của việc xác định rõ nội dung GD ĐBAT trước khi lập kế hoạch để tích hợp trong hoạt động LQVTPVH. Qua việc nghiên cứu một số giáo án giảng dạy và thực tế lên lớp của GV, chúng tôi thấy GV còn lúng túng không định rõ phải tích hợp theo hướng nào, nhầm lẫn nội dung câu chuyện, bài thơ và nội dung tích hợp GD ĐBAT. GV cũng chưa tận dụng khai thác hết các thông tin giáo dục ĐBAT để tích hợp trong hoạt động này, hệ thống câu hỏi còn rất vụn vặt, ít liên hệ với thực tế cuộc sống để trẻ có thể ứng dụng vào sinh hoạt hàng ngày.

Có 12/20 GV (60%) cho rằng mình thường xuyên xác định thời điểm tích hợp giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động LQVTPVH, 40% GV cho rằng thỉnh thoảng mới xác định. Như vậy, việc xác định thời điểm tích hợp GD ĐBAT trong hoạt động LQVTPVH đã được các GV quan tâm. Tuy nhiên trên thực tế, nhiều Gv còn lúng túng trong việc tích hợp GD ĐBAT trong HĐ LQVTPVH, có người tích hợp khi gây hứng thú, có người tích hợp trong phần củng cố giáo dục mặc dù thời gian ở những phần này rất hạn chế.

Có 19/20 (95%) GV thường xuyên tạo điều kiện cho trẻ thể hiện những kinh nghiệm của mình về ĐBAT nhằm phát huy TTC của trẻ, chỉ có 5% GV thỉnh thoảng làm việc này. Việc phát huy TTC chủ động của trẻ đã được GV đề cao.

Khuyến khích trẻ phát hiện những thông tin đảm bảo an toàn trong TPVH có 95% Gv cho rằng mình thường xuyên khuyến khích trẻ, 5% cho rằng thỉnh thoảng mới làm việc này. Qua quan sát cho thấy, GV thường sử dụng các câu hỏi

có nội dung về việc ĐBAT để trẻ tự phát hiện trong nội dung câu chuyện, bài thơ vừa được học.

Sử dụng mô hình các nhân vật trong TPVH làm đồ dùng giáo dục ĐBAT cho trẻ. có 15% GV cho rằng mình thường xuyên sử dụng, 15% GV thỉnh thoảng sử dụng phương tiện này, và 70% GV không bao giờ sử dụng. Qua số liệu cho thấy hầu hết GV chưa quan tâm đến việc sử dụng mô hình các nhân vật trong câu chuyện, bài thơ để làm đồ dùng GD ĐBAT.

Biên tập và tổ chức cho trẻ đóng kịch từ TPVH để trẻ được trải nghiệm trực tiếp kỹ năng ĐBAT được 25% GV làm thường xuyên, 25% GV thỉnh thoảng thực hiện và có 50% GV không bao giờ sử dụng. Thực tế chương trình GDMN hiện nay đó là dạy học dựa vào khả năng của trẻ. Đa số trẻ thuộc được truyện rồi mới có tiết đóng kịch, nhưng ở 2 trường chúng tôi quan sát được thì hầu như chỉ dừng lại ở loại tiết 1 đó là tiết đọc thơ kể chuyện cho bé nghe, chứ không hề có tiết đóng kịch. Vì vậy việc luyện tập, hơn nữa là khả năng sáng tạo của trẻ không được phát huy tối đa.

Ứng dụng CNTT, tích cực làm đồ dùng, đồ chơi, đồ dùng minh họa phong phú, đa dạng hấp dẫn 20/20 (100%) Số liệu cho thấy 100% GV cho rằng thường xuyên ứng dụng công nghệ thông tin, tích cực làm đồ dùng, đồ chơi, đồ dùng minh họa phong phú, đa dạng, hấp dẫn. Tuy nhiên, trên thực tế thì không phải lớp học nào cũng được trang bị CNTT như máy tính, chiếu. Nếu có thì chỉ có những tiết thi giáo viên giỏi hay thi hội giảng mới được sử dụng. Đồ chơi và đồ dùng minh họa chưa được đầy đủ, nhất là những đồ dùng phục vụ cho tiết học LQVTPVH.

Việc khảo sát thực trạng cho thấy đa số GV đều nhận thấy vai trò quan trọng của việc giáo dục ĐBAT đối với sự phát triển của trẻ, việc tích hợp GD ĐBAT thông qua HĐ LQVTPVH để giáo dục khả năng này tạo được hứng thú cho trẻ, giúp trẻ hình thành những tri thức, hiểu biết nhất định và những kỹ năng sơ đẳng về ĐBAT một cách nhẹ nhàng mà hiệu quả giáo dục lại cao. Tuy nhiên GV còn chưa đi sâu khai thác hết giá trị mà TPVH mang lại để giáo dục trẻ. Bên cạnh đó nguồn TPVH có nội dung giáo dục ĐBAT lại rất phong phú, dù vậy việc sử dụng chỉ rập khuôn ở một số tác phẩm. Hơn nữa việc sắp xếp đưa văn học vào hoạt

động của trẻ còn gặp nhiều khó khăn do những lí do khác nhau, dẫn tới việc sử dụng TPVH để giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi ở trường MN chưa được đầu tư lựa chọn nội dung, hình thức tổ chức, cũng như đồ dùng trực quan.

Trên thực tế, việc thực hiện giáo dục ĐBAT ở trường MN còn nhiều hạn chế: Tuy các cô đã chú ý tích hợp việc giáo dục ĐBAT cho trẻ mọi lúc mọi nơi nhưng hiệu quả đạt được chưa cao, kỹ năng ĐBAT của trẻ có những hạn chế. Đa số GV đã chú ý cập nhật kiến thức và các kỹ năng cần thiết về ĐBAT nhưng hầu hết các GV chưa đạt yêu cầu về sơ cấp cứu trẻ trong những tai nạn thông thường.

Hầu hết GV cũng đã nhận thức đúng đắn về vai trò và sự ảnh hưởng của TPVH đến việc giáo dục ĐBAT cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi, việc giáo dục ĐBAT cho trẻ được thực hiện ở các thời điểm của hoạt động LQVTPVH một cách thường xuyên. Các cô đã tích hợp việc giáo dục trong một số TPVH có trong chương trình giảng dạy, tuy nhiên giáo dục chưa thực sự triệt để, chưa khai thác hết các thông tin ĐBAT cho trẻ qua nội dung của những TPVH đó mà gần như là thực hiện theo nội dung kế hoạch đã xây dựng. Bên cạnh đó hầu hết các hoạt động trong ngày của trẻ đều được sử dụng để tích hợp GD ĐBAT cho trẻ. Tuy nhiên còn nhiều thiếu sót và hạn chế về cả nội dung và hình thức tổ chức của giờ học

Nhìn chung việc giáo dục ĐBAT thông qua việc tích hợp trong hoạt động LQVTPVH còn chưa được GVMN quan tâm thực hiện đúng mức mặc dù họ đã nhận thấy sự quan trọng của phương tiện giáo dục này đối với sự ĐBAT cho trẻ. Ở cả hai trường hầu như không tổ chức một cuộc thi nào để GV được thực hành kỹ năng sơ cấp cứu, hay các cuộc thi về kiến thức ĐBAT cho trẻ để các GV có cơ hội được trao đổi kinh nghiệm thực tế.

Đa số GVMN đều nhận thấy việc sử dụng TPVH để giáo dục ĐBAT cho trẻ sẽ đạt hiệu quả cao. Điều này tương ứng với nhận định về tầm quan trọng của TPVH đối với việc giáo dục ĐBAT cho trẻ mà chúng tôi đã phân tích ở trên, tuy nhiên, họ còn gặp những khó khăn nhất định trong việc sử dụng TPVH để giáo dục ĐBAT cho trẻ.

Như vậy, để tích hợp GD ĐBAT thông qua hoạt động LQVTPVH cho trẻ một cách hiệu quả nhất, giúp trẻ nâng cao khả năng nhận biết những mối nguy

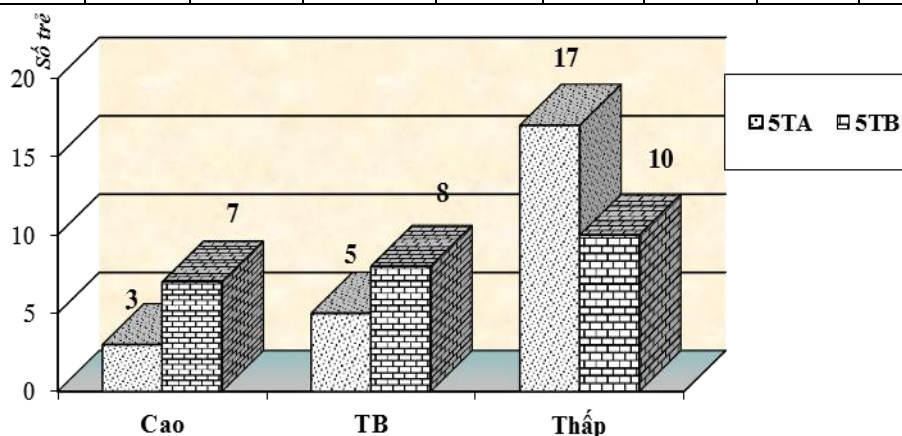
hiểm, có cách ứng phó với từng sự nguy hiểm và có thái độ tích cực đối với việc phòng tránh tai nạn, cảm thông, chia sẻ với người bị nạn... thì GVMN cần có những biện pháp cụ thể hơn. Đây cũng là mục tiêu mà chúng tôi sẽ quan tâm, nghiên cứu trong những đề tài tiếp theo.

2.6.2. Kết quả điều tra trẻ

2.6.2.1. Đánh giá mức độ nhận thức của trẻ về ĐBAT

Bảng 2.8: Mức độ nhận thức của trẻ về ĐBAT

STT	Lớp	Cao		TB		Thấp		\bar{x}	δ
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	5TA	3	12	5	20	17	68	3	1
2	5TB	7	28	8	32	10	40	3,4	1



Biểu 2.1. Mức độ nhận thức của trẻ về ĐBAT

Nhận thức của trẻ về ĐBAT không đồng đều và ở các mức độ khác nhau trong từng bài tập. Cụ thể như sau:

Mức độ cao: Có 3 cháu ở lớp 5TA (12%) và 7 cháu lớp 5TB tuy nhiên các cháu không đạt điểm số tuyệt đối trong bài tập này. Tuy nhiên 3 cháu gần đạt được số điểm tuyệt đối. Khi được hỏi “ Ngoài lòng đường, cháu còn biết được những nơi nào có thể gây nguy hiểm?” chỉ có 3 cháu kể được trên 5 nơi nên đều được điểm tối đa ở câu hỏi này. Ngoài những nơi mà gần gũi với trẻ thì cháu Nguyễn Việt Anh còn kể được là Cầu thang máy ở Big C vì cháu đã được đi với mẹ và mẹ dặn là : ‘đứng yên nếu không sẽ bị kẹt chân chảy máu’ chứng tỏ cháu có trí nhớ rất tốt về những nơi không an toàn. Ở câu hỏi : “Con hãy kể những

việc làm có thể gây nguy hiểm ở đường/ sông/ ngòi...” cháu Trần Bình Trọng chỉ kể được 4 hành động : đi bên trái đường, sang đường không có người lớn dắt, nô đùa trên đường, mức nước bề để nghịch nên cháu chỉ đạt được 1.25 điểm.

Ở câu hỏi : “Những việc làm có thể gây nguy hiểm” các cháu còn suy nghĩ khá lâu và chưa đủ ý nên các cháu ở mức độ cao chỉ đạt từ 1- 1,25 điểm. Các cháu hầu như kể được những nơi nguy hiểm nhưng lại không kể được những tình huống nguy hiểm có thể xảy ra ở những nơi nguy hiểm đó. Ở câu hỏi : “Lòng đường đáng sợ như thế nào đối với Thỏ ?” Các cháu chủ yếu bám vào câu chuyện vì thế chỉ trả lời được là Thỏ bị ngã và xe đè lên cụt đuôi chứ chưa tưởng tượng được ngoài bị cụt đuôi ra thì còn rất nhiều mối nguy hiểm thỏ có thể bị như : gãy chân, tay, đập đầu vào tảng đá nhọn dưới lòng đường, vỡ đầu...Chỉ có một số cháu đạt điểm tối đa ở câu hỏi này. Các cháu có thể đạt điểm cao hơn so với các bạn là do cháu có những nhận thức khá đầy đủ, trả lời nhanh, nhận thức của trẻ về những nơi nguy hiểm khá tốt, trẻ có khả năng ghi nhớ nhanh những nơi nguy hiểm khi được cô giáo giáo dục. Mặt khác môi trường sống của trẻ gần gũi với thiên nhiên, trẻ ham học hỏi, thích tìm tòi và khám phá môi trường xung quanh. Trẻ được học ở mọi lúc mọi nơi thông qua các tiết học và cuộc sống hằng ngày nên vốn kiến thức của trẻ khá phong phú.

Mức TB: Lớp 5A có 5 trẻ (20%) và lớp 5B có 8 cháu (32%). Như vậy lớp 5B có tỉ lệ trẻ đạt điểm mức TB cao hơn lớp 5A là 12%. Đa số các cháu đạt mức độ TB được 3,1 – 4,25 điểm cho bài tập này do đa số các cháu trả lời thiếu và xác định chưa rõ 2 câu hỏi : những tình huống nguy hiểm và những mối nguy hiểm ở những nơi nguy hiểm. Ở câu hỏi : “Ngoài lòng đường ra con còn thấy những nơi nào nguy hiểm ?” các cháu ở mức độ này trả lời chưa đầy đủ nên không có cháu nào đạt điểm tối đa, hầu hết chỉ đạt 1 điểm vì ngoài câu trả lời : ao, hồ, sông, suối, ngòi thì cháu còn kể được một số nơi như : bể nước, giếng nước, mương, nhà mẹ đang lau, ban công... Các cháu ở mức độ này kể được khá nhiều nơi nguy hiểm như : ban công, ngòi, nhà tắm, nhà vệ sinh, sàn nhà đang lau, đám cháy... chứng tỏ nhận thức của trẻ về những nơi nguy hiểm cũng khá là phong phú. Nhưng đến câu hỏi hãy kể những việc làm có thể gây nguy hiểm thì hầu hết các cháu chỉ trả

lời được 3 đáp án có cả sự gợi ý của cô nên hầu hết các cháu đạt từ 0.75- 1 điểm trong tổng 1,5 điểm ở câu hỏi này. Cháu trả lời được nhiều nhất trong số các bạn ở mức trung bình trả lời được đủ 5 hành động có thể gây nguy hiểm nhưng có sự trợ giúp của cô và cháu phải suy nghĩ rất lâu mới nói lên được, vì thế cháu cũng không được điểm tối đa trong câu hỏi. Ở câu hỏi về những tình huống nguy hiểm và những mối nguy hiểm ở những nơi nguy hiểm thì các cháu chỉ kể được một số ý và cần có sự gợi ý rất nhiều từ cô nên các cháu chỉ được từ 0,5- 0.75 điểm. Để trả lời được câu hỏi ‘Tại sao con cần tránh tiếp xúc với những nơi nguy hiểm?’ thì các trẻ này trả lời vẫn còn lúng túng, chưa rõ ràng, đầy đủ. Chúng tỏ trẻ đã biết về những nơi nguy hiểm nhưng chưa thực sự đầy đủ, nói ra những suy nghĩ, hiểu biết của mình còn phải dẫn dắt, nhắc nhở và cần sự gợi ý của cô. Nhìn chung, những trẻ đạt điểm ở MĐTB khi trả lời các câu hỏi của cô cần thời gian suy nghĩ lâu hơn và khá lúng túng cho các câu trả lời của mình. Những trẻ đạt ở mức độ này do khả năng nhận thức của trẻ về những nơi có thể gây nguy hiểm chưa thực sự đầy đủ.

Mức độ thấp: Lớp 5A có tỉ lệ trẻ đạt mức độ thấp cao hơn 28% so với lớp 5B. Cho thấy trẻ ở lớp 5TA có nhận thức về ĐBAT còn rất hạn chế. Những cháu đạt ở mức độ này chỉ đạt được 2 – 2,75 điểm, các cháu ở mức độ thấp do các cháu còn lúng túng, nhút nhát khi được GV hỏi. Chỉ có 1 cháu duy nhất đó là cháu Lê Trần Kim Chi lớp 5TA chỉ đạt 1,75 điểm, cháu này được điểm thấp là do trong quá trình khảo sát cháu không tập trung chú ý vào những yêu cầu của cô mặc dù cô liên tục gợi ý và yêu cầu cháu chú ý. Ở câu hỏi “Ngoài lòng đường con còn biết những nơi nào có thể gây nguy hiểm?” các cháu chỉ trả lời được 1 đến 2 ý khi được gợi ý của cô và một số các bạn nhắc cho. Hầu hết trẻ chỉ trả lời được các câu hỏi về nội dung của truyện chứ liên hệ thực tế thì các cháu trả lời còn kém, nhất là những câu hỏi về: Những tình huống nguy hiểm, hay những mối nguy hiểm ở những nơi nguy hiểm đó. Những cháu đạt từ 2,5- 2,75 điểm là do các cháu trả lời được nhiều nơi nguy hiểm hơn khi có sự trợ giúp của cô và các bạn, trả lời các câu hỏi về nội dung tác phẩm một cách nhanh nhẹn hơn. Với câu hỏi “theo con tại sao cần phải tránh tiếp xúc với những nơi có thể gây nguy hiểm?” cháu chỉ

trả lời được là để không bị nguy hiểm, hay để an toàn. Những trẻ này đạt điểm ở MĐT do kỹ năng của trẻ về nơi nguy hiểm chưa cao, chưa thực sự đầy đủ. Ngoài ra trong quá trình học tập của trẻ, trẻ chưa chú ý tập trung vào bài học, khả năng ghi nhớ và tư duy của trẻ còn hạn chế. Trong hoạt động học không gây hứng thú đối với trẻ cũng có thể là nguyên nhân dẫn đến kết quả thấp và vấn đề cơ bản đưa ra là do trẻ chưa được thường xuyên củng cố kiến thức về ĐBAT.

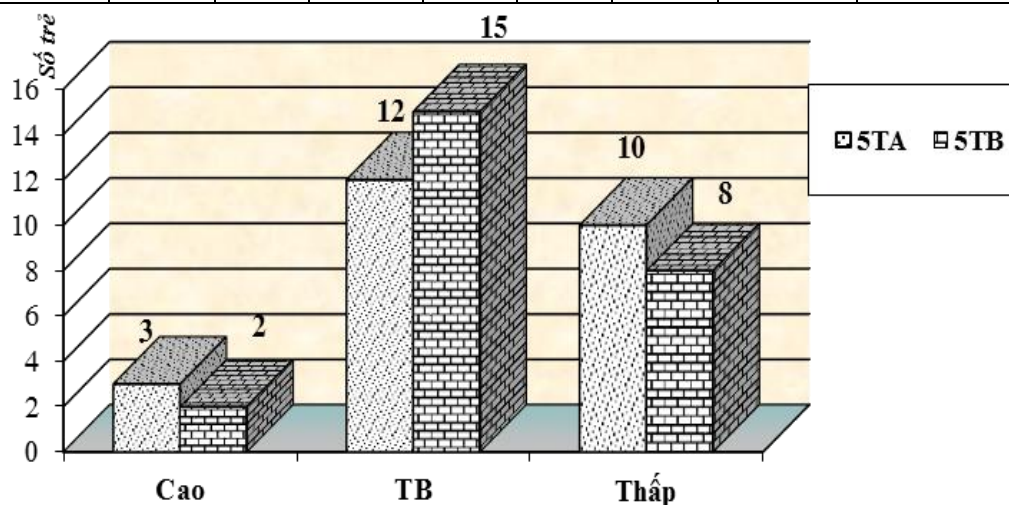
Mức độ nhận thức của trẻ về ĐBAT còn nhiều hạn chế. Các cháu trả lời đều khá tốt ở câu hỏi về nội dung truyện, tuy nhiên các câu hỏi liên hệ thì không đồng đều. Cả 2 lớp có điểm trung bình cộng tương ứng với mức độ trung bình trong thang đánh giá của mỗi tiêu chí, tức là mức độ nhận thức của trẻ về ĐBAT đạt mức độ trung bình.

Độ lệch chuẩn giữa các trẻ khá cao cả 2 lớp đều là 1 điểm. Kết quả trên cho thấy ở cả hai lớp mức độ nhận thức về ĐBAT giữa các trẻ là không đồng đều, số trẻ đạt loại thấp có tỉ lệ còn cao và số trẻ đạt loại cao rất ít.

2.6.3.2. Đánh giá kỹ năng ĐBAT của trẻ

Bảng 2.9: Mức độ phát triển kỹ năng ĐBAT của trẻ

STT	Lớp	Cao		TB		Thấp		\bar{x}	δ
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	5TA	3	12	12	48	10	40	3,2	0.7
2	5TB	2	8	15	60	8	32	3,2	0.7



Biểu 2.2. Mức độ phát triển kỹ năng ĐBAT của trẻ

Mức độ cao: Lớp 5TA có 3 trẻ đạt mức độ cao trong bài tập này chiếm 12% và lớp 5B có 2 cháu đạt mức độ cao chiếm 8%. Lớp 5A hơn lớp 5B 4% tỉ lệ trẻ đạt mức độ cao. Hầu hết các cháu chỉ đạt 4,5- 5,25 điểm. Các cháu đều trả lời rất tốt ở câu hỏi 1, tự tin với câu trả lời của mình vì thế các cháu đều đạt được điểm tối đa. Ở câu hỏi: ‘Bo và Nơ xinh đã làm gì để xử lí đám cháy, cháu Nguyễn Thị Hồng Ngát trả lời rất rõ ràng và tự tin, không cần mất nhiều thời gian để suy nghĩ, vì thế cháu đạt được điểm trọn vẹn ở câu hỏi 2 điểm. Trong khi đó các cháu ở cũng mức độ chỉ đạt được điểm từ 1,5- 1,75 điểm, các cháu này phải mất thời gian suy nghĩ mới đưa ra được câu trả lời và phải cần đến sự trợ giúp của cô nên các cháu mới trả lời trọn vẹn câu hỏi. Chứng tỏ cháu Nguyễn Thị Hồng Ngát có những kĩ năng về ĐBAT thuần thục hơn các bạn cùng mức độ. Các cháu Nguyễn Việt Anh (5TA), Nguyễn Thị Ngọc Lan và Nguyễn Thị Hồng Ngát lớp 5TB đạt điểm số tuyệt đối ở câu hỏi 3, khi được hỏi các cháu trả lời rất nhanh và rất tự tin mà không cần phải suy nghĩ nhiều, cháu Nguyễn Thị Ngọc Lan trả lời rất là tự nhiên, làm chúng tôi bất ngờ: “Cháu sẽ không quay lại vì cháu quay lại nhờ may cháu bị cháy thì sao, với lại con mèo nhà cháu nó cũng khôn lắm.” Các cháu không đạt điểm tối đa ở câu hỏi: “Tại sao Bo lại bị kẹt trong đám cháy?” là cháu Trần Bình Trọng và cháu Nguyễn Đỗ Khánh Phương lớp 5TA, 2 cháu phải suy nghĩ khá lâu mới có câu trả lời nên 2 cháu chỉ được 0.75 điểm. Ở câu hỏi liên hệ cuối cùng, chỉ có cháu Trần Bình Trọng lớp 5TA đạt 1,5 điểm, còn lại các bạn đều chỉ trả lời được từ 6-7 ý do có sự gợi ý của GV nên điểm của các cháu cũng chỉ bằng các bạn trung bình ở câu hỏi này và đạt từ 1- 1,25 điểm. Trẻ đạt được điểm ở mức độ này do khả năng nhận thức và ghi nhớ có chủ đích của trẻ khá tốt, trẻ có khả năng ghi nhớ nhanh những điều mà trẻ được học. Mặt khác được sự giáo dục đầy đủ của cô cũng như của cha mẹ, người thân nên kinh nghiệm của trẻ khá phong phú và sâu sắc.

Mức TB: Lớp 5TA có 12 trẻ (48%) và lớp 5TB là 15 trẻ (60%) với số điểm các cháu đạt được từ 3- 4 điểm. Tỷ lệ khá cao tuy nhiên điểm số mà trẻ đạt được vẫn còn thấp cách xa mức độ cao là 4,5 điểm. Đa số các cháu đạt mức độ này chưa trả lời chưa được đầy đủ về các việc cần phải làm khi gặp đám cháy,

chứng tỏ kinh nghiệm để xử lí khi ở nơi có hỏa hoạn của trẻ còn chưa được tốt cho lắm. Hơn nữa, trẻ cũng chưa chú ý khi cô cho xem Video nên những câu hỏi từ nội video trẻ vẫn chưa trả lời đầy đủ. Ở mức độ trung bình thì cũng rất nhiều cháu đạt được điểm tối đa ở câu hỏi 1, khi được hỏi, các cháu trả lời rất lưu loát, và không cần bất kì sự gợi ý nào của cô. Ở câu hỏi 2: ‘Bo và Nơ xinh đã làm gì để xử lí đám cháy?’ các cháu kể chưa đầy đủ, hầu hết các cháu chỉ kể được một số công việc như: Chạy ra khỏi đám cháy, gọi điện báo cảnh sát chữa cháy, bật chuông báo cháy, hơn nữa các cháu giải thích cũng chưa rõ ràng, vì thế các cháu chỉ đạt từ 1- 1,25 điểm từ câu hỏi 2 điểm. Ở câu hỏi 3, các cháu chỉ trả lời tốt câu hỏi từ video nhưng chưa giải thích được rõ ràng lí do tại sao không làm, vì thế các cháu ở mức độ này chỉ đạt từ 0,5- 0,75 điểm, không có cháu nào đạt điểm tuyệt đối. Ở câu hỏi thứ 4 là câu liên hệ bản thân các cháu chỉ đạt 0,75- 1,25 điểm, các cháu phải suy nghĩ rất lâu mới đưa ra được đáp án, và thiếu một vài ý. Một số cháu được 1,25 điểm là do các cháu trả lời được nhiều đáp án hơn vì suy từ Video mà cô đã cho xem. Để phát hiện và xử lí những mối nguy hiểm ở những nơi nguy hiểm đó thì trẻ phải có thời gian suy nghĩ, đắn đo khá lâu mới trả lời được, còn thiếu sót nhiều và chưa đầy đủ.

Mức độ thấp: Lớp 5A có 10 trẻ đạt mức độ này chiếm 40% và lớp 5B có 8 trẻ đạt mức độ thấp chiếm 32% với số điểm các cháu đạt được từ 2.5 – 2.75 điểm, những cháu này có kĩ năng về ĐBAT khi có hỏa hoạn rất kém. Có cháu nhút nhát cô phải nhắc đi nhắc lại câu hỏi trẻ mới chịu trả lời đó là cháu Nguyễn Thị Thu Thủy lớp 5TB cháu được 2 điểm ở bài tập này. Ở câu hỏi thứ nhất, hầu hết các cháu chỉ được 0.5điểm, chỉ có vài ba cháu khi xem Video thì chú ý hơn nên trả lời được nhiều hơn các bạn một chút nên được 0.75 điểm, tuy nhiên hầu hết cần phải có sự gợi ý rất nhiều từ cô. Có 1 cháu duy nhất đạt điểm tuyệt đối ở câu hỏi này đó là cháu Hoàng Thị Nhung lớp 5TB tuy nhiên cũng một phần là do các bạn trong lớp nhắc nên cháu mới trả lời đầy đủ. Khi được hỏi câu: ‘Nếu gặp đám cháy thật thì cháu sẽ làm gì?’ hầu hết các cháu chỉ trả lời được là chạy ra ngoài tìm bố mẹ, khi được cô gợi ý thì các cháu trả lời thêm được một số ý như: ko tự ý dập lửa, hay báo cảnh chữa cháy, hoặc đi tìm người lớn giúp. Những trẻ này đạt điểm

ở MĐT do nhận thức, kỹ năng và thái độ của trẻ về nơi nguy hiểm chưa cao, Ngoài ra trong quá trình học tập của trẻ, trẻ chưa chú ý tập trung vào bài học, khả năng ghi nhớ và tư duy của trẻ còn hạn chế. Trong hoạt động học không gây hứng thú đối với trẻ cũng có thể là nguyên nhân dẫn đến kết quả thấp và vấn đề cơ bản đưa ra là do trẻ chưa được thường xuyên củng cố kiến thức về ĐBAT.

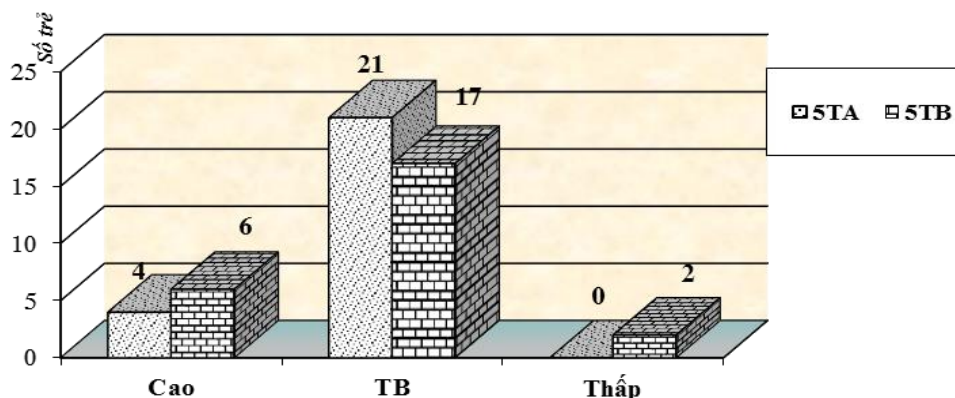
Điểm TBC của trẻ cả 2 lớp có điểm tương ứng với mức độ TB trong thang đánh giá của mỗi tiêu chí, tức là mức độ thực hiện kỹ năng ĐBAT của trẻ đạt mức độ TB. Việc thực hiện ĐBAT của trẻ có điểm chênh lệch giữa các trẻ khá cao cả 2 lớp đều là 0,7 điểm. Cũng giống như bài tập 1, sự thành thực trong kỹ năng thực hiện các thao tác ĐBAT giữa các trẻ hai lớp không đồng đều, phụ thuộc vào kinh nghiệm cá nhân của mỗi trẻ. Thực tế GV chưa coi trọng việc giáo dục ĐBAT cho trẻ, chưa coi trọng việc cung cấp tri thức về ĐBAT cho trẻ nên thao tác ĐBAT của trẻ khi được khảo sát còn khá lúng túng, chưa rõ ràng.

Kết quả khảo sát 2 bài tập cho thấy kỹ năng ĐBAT của trẻ tốt hơn mức độ nhận thức của trẻ về ĐBAT.

2.6.3.3. Mức độ phát triển thái độ của trẻ về việc ĐBAT

Bảng 2.10: Đánh giá thái độ của trẻ về ĐBAT:

STT	Lớp	Cao		TB		Thấp		\bar{x}	δ
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	5TA	4	16	21	84	0	0	4,1	0,6
2	5TB	6	24	17	68	2	8	4	0,7



Biểu 2.3. Đánh giá thái độ của trẻ về ĐBAT

Một điều dễ thấy khi nhìn vào bảng 3, đó là mức độ cao của trẻ về ĐBAT đã được tăng lên, và chỉ còn 2 trẻ ở mức độ thấp. Có những cháu ở 2 bài tập trước chỉ đạt mức độ trung bình nhưng đến bài tập này các cháu đã đạt mức độ cao. Điều đó cho thấy trẻ có thái độ tốt về ĐBAT cho bản thân và mọi người. Cụ thể:

Mức độ cao: Lớp 5TA có 4 trẻ chiếm 16%, lớp 5TB có 6 trẻ chiếm 24%. Mặc dù tỉ lệ đạt mức độ cao khá là nhiều nhưng không có trẻ nào đạt được điểm tuyệt đối. Các cháu chỉ đạt được từ 4,5- 4,75 điểm. Đạt điểm cao nhất đó là cháu Trần Bình Trọng lớp 5TA cháu là trẻ có những thái độ rất tích cực, những trạng thái cảm xúc rất phong phú, khi được hỏi thì cháu trả lời rất nhanh và hầu như không cần đến sự gợi ý của cô và cháu đạt được 5,75 ở bài tập này, các cháu Nguyễn Thị Hồng Ngát (5,5 điểm) và Nguyễn Thị Ngọc Lan (5,25) cũng là những cháu có các câu trả lời khá tốt. Các cháu đạt mức độ này hầu như nói được nhiều trạng thái cảm xúc khi thấy người bị nạn hơn là các trẻ khác ở mức độ thấp hơn. Khi được hỏi câu hỏi 1: “Khi thảm họa xảy ra con có muốn giúp đỡ không?” đa số trẻ trả lời là “có” vì “bạn bị thương mà” hay “vì cháu rất thích giúp”, hay “vì bạn ý bị đứt đuôi”. Các cháu trả lời rất hồn nhiên và tích cực, vì thế một số cháu đạt được điểm tối đa ở câu hỏi này như: Trần Bình Trọng lớp 5TA và Trần Tuấn Kiệt, Nguyễn Thị Hồng Ngát lớp 5TB. Trả lời tốt nhất ở câu hỏi 2, đó là các bạn: Trần Bình Trọng, Phạm Lê Tuấn Minh lớp 5TA, Nguyễn Thị Ngọc Lan lớp 5TB các cháu không những trả lời đúng những cảm xúc tích cực mà còn giải thích nguyên nhân tại sao lại có những cảm xúc đó một cách nhanh nhẹn, rõ ràng. Cháu Ngọc Lan trả lời câu hỏi này: “Đúng, vì Nhím là bạn của thảm họa”, hay cháu Trần Bình Trọng lớp 5TA: “đúng, vì nếu không đưa bạn vào nhờ may mắn bạn bị xe ô tô đâm tiếp thì sao”. Khi được hỏi câu “Con nghĩ gì khi thảm họa xảy ra?” cháu Nguyễn Thị Hồng Ngát lớp 5TB trả lời “cháu rất là buồn và thương bạn ý”, khi được hỏi: “Con nghĩ gì về bạn Nhím?” cháu trả lời “cháu rất thích bạn nhím, bạn hay giúp đỡ mọi người” nên cháu đạt được điểm tuyệt đối, cháu Trần Bình Trọng (5TA) và cháu Trần Gia Bảo(5TB) cũng đạt điểm tuyệt đối ở câu hỏi này. Còn những cháu khác không được điểm tuyệt đối là do trẻ phải mất thời gian suy nghĩ khá là lâu mới đưa ra được câu trả lời. Khi được hỏi câu hỏi: “Nếu bạn bè, người thân không may gặp

nạn con cảm thấy như thế nào?” các bạn cũng nói ra được một số cảm xúc tích cực như: “cháu thương”, “cháu rất buồn”, “cháu lo lắng”, cháu Nguyễn Thị Ngọc Lan lớp 5TB có câu trả lời rất là ngộ nghĩnh: “cháu rất chán đời”.

Mức độ trung bình: lớp 5TA có 21 trẻ tức là chiếm 84%, lớp 5TB có 17 trẻ tức là 68%. Số lượng trẻ mức trung bình đạt hơn một nửa ở bài tập thái độ về ĐBAT. Đa số các trẻ có những suy nghĩ khá tích cực như cảm thông, chia sẻ đối với người bị nạn, hay yêu quý, kính phục đối với những người giúp đỡ người bị nạn. Tuy nhiên cô còn gợi ý nhiều trẻ mới nói lên được suy nghĩ của mình. Một số trẻ khi được gợi ý cũng chỉ nói được một số ý cho nên hầu như ít có điểm tuyệt đối ở các câu hỏi. Các cháu đạt điểm từ 1,25- 1,5 điểm ở câu hỏi 1 Một số cháu đạt điểm tuyệt đối ở câu hỏi 1 như các cháu: Phạm Anh Quân, Nguyễn Thành Tài, Nguyễn Bảo Nam lớp 5TA, và các cháu Hoàng Thị Nhung, Nguyễn Duy Khánh, Nguyễn Hoàng Nguyên, Nguyễn Thanh Thúy đạt 1,5 điểm. 2 cháu đạt 1,75 ở câu hỏi này là các cháu: Lâm Bình Châu lớp 5TA, Nguyễn Thu Thủy lớp 5TB những cháu này có những tình cảm rất phong phú, không cần cô phải gợi ý nhiều. Nhưng ở các câu hỏi khác các cháu trả lời chưa được tốt lắm nên tổng điểm của các bạn lần lượt là: 4.25 và 4 điểm cũng ở mức khá là cao ở mức độ trung bình. Một số cháu ở mức độ này trả lời khá tốt, nhưng bị thiếu một số ý nên chưa đạt đến mức độ cao như các cháu: Phạm Anh Quân, Lâm Bình Châu (5TA), Nguyễn Như Quỳnh, Nguyễn Thị Thanh Thúy lớp 5TB đều đạt 4,25 điểm. Ở câu hỏi thứ 2: “Con thấy Nhím giúp đỡ Thỏ như vậy là đúng hay sai? Tại sao?” tất cả trẻ đều đồng ý, tuy nhiên có trẻ giải thích được lí do tại sao lại đúng nhưng có trẻ vẫn cần sự trợ giúp của cô mới trả lời được. Cháu Nguyễn Thị Thanh Thúy lớp 5TB trả lời đúng nhưng cần có sự gợi ý của cô và suy nghĩ mất khá nhiều thời gian: “đúng, vì đưa thỏ vào lề đường để cho an toàn, thỏ bị cụt đuôi rất là buồn” nên cháu chưa được điểm tối đa ở câu hỏi này. Khi được hỏi câu “Con nghĩ gì khi thỏ gặp nạn?” các cháu chỉ đạt điểm từ 1.25- 1,5/2 điểm. Cháu Nguyễn Thị Thu Hằng lớp 5TA trả lời “cháu rất là buồn và thương bạn ý”, khi được hỏi: “Con nghĩ gì về bạn Nhím?” cháu trả lời “cháu rất yêu quý bạn nhím”, hay “cháu rất khâm phục bạn nhím” nên cháu đạt 1,75 điểm, cũng là cháu đạt điểm cao nhất ở câu hỏi này so với

các bạn mức độ trung bình Ở câu hỏi: “Nếu người thân con không may gặp nạn con cảm thấy như thế nào?” cháu Nguyễn Thanh Hoa, và cháu Nguyễn Thị Như Quỳnh lớp 5TB trả lời rất nhanh: “cháu buồn và lo lắng” ,“cháu thấy buồn và thương” nên các cháu đạt 0,75 điểm, các cháu còn lại đạt 0.5điểm vì trả lời chưa được nhanh và cô còn phải gợi ý trẻ mới nói lên được. Đa số trẻ ở mức độ này có những cảm xúc tích cực đối với người bị nạn, hay người giúp đỡ người bị nạn. Tuy nhiên, chỉ có một số ít trẻ có khả năng tự nói lên được suy nghĩ của mình, còn một số cháu cần phải có sự gợi ý của cô.

Mức độ thấp: lớp 5TA không có cháu nào đạt mức độ này, trong khi đó lớp 5TB có tới 2 cháu tức là 8% số trẻ. Các cháu này khi được hỏi, mặc dù có sự trợ giúp rất nhiều của cô và các bạn nhưng các cháu vẫn chỉ nói được rất ít các yau cầu của cô, một phần cũng là do các cháu không tập trung khi cô hỏi. Cháu Nguyễn Phú Trọng khi được hỏi: “Nếu bạn bè, người thân con không may gặp nạn con cảm thấy như thế nào?” cháu chỉ trả lời được là: “buồn” nên cháu chỉ được 0,25 điểm. Khi được hỏi: “Con nghĩ gì khi Thỏ gặp nạn?” và “Con nghĩ gì về bạn Nhím?” thì cháu Nguyễn Huy Long không chú ý, cô phải nhắc lại câu hỏi đến 3 lần cháu mới chịu trả lời, nghe các bạn ngồi dưới nhắc bài nên cuối cùng cháu cũng trả lời được 2 ý.

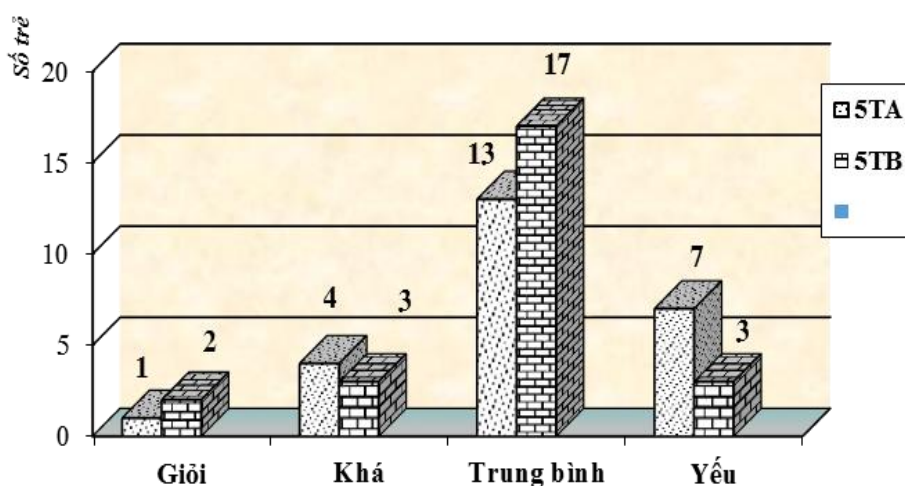
Ở bài tập này, lớp 5TA có số lượng trẻ đạt ở mức độ cao nhiều hơn lớp 5TB, điểm trung bình lớp 5TA là 4,1 điểm, còn lớp 5TB là 4 điểm, chứng tỏ trẻ lớp 5TA có những cảm xúc và những thái độ đối với người bị nạn tích cực hơn đối với trẻ ở lớp 5TB.

Kết quả khảo sát cho thấy bài tập về thái độ ĐBAT của cả 2 lớp đều đạt kết quả cao nhất, cao hơn mức độ về kỹ năng và thấp nhất là bài tập nhận thức về ĐBAT. Chính vì thế mà tổng hợp lại bài tập 3 mức độ về thái độ ĐBAT đạt kết quả cao hơn so với bài tập 2 mức độ thực hiện ĐBAT và đạt kết quả thấp nhất đó là bài tập 1 nhận thức về ĐBAT do trẻ chưa có đủ kiến thức, hiểu biết về ĐBAT.

Qua kết quả trên cũng cho thấy trẻ ở lớp 5TA có nhiều cháu đạt mức độ cao, nhưng cũng có nhiều trẻ đạt mức độ thấp hơn lớp 5TB, chứng tỏ hiểu biết về ĐBAT của trẻ lớp 5TB đồng đều.

Bảng 2.11: So sánh mức độ phát triển của trẻ về đảm bảo an toàn:

TT	Mức độ Lớp	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		\bar{x}	δ
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	5TA	1	4	4	16	13	52	7	28	10,4	2,1
2	5TB	2	8	3	12	17	68	3	12	10,6	2



Biểu 2.4. So sánh mức độ phát triển của trẻ về ĐBAT

So sánh kết quả khảo sát thực trạng mức độ phát triển của trẻ 5-6 tuổi về ĐBAT dựa trên các thông tin sau:

- Về mức độ điểm của trẻ:

+ Loại giỏi: Có tất cả 3 trẻ đạt loại giỏi về ĐBAT. Đó là các cháu Trần Bình Trọng lớp 5TA chiếm 4%, và các cháu Nguyễn Thị Ngọc Lan, Nguyễn Thị Hồng Ngát lớp 5TB chiếm 8%. Qua 3 bài tập thì cháu đều đạt ở mức độ cao.

Loại khá: Lớp 5TA có 4 cháu, tức là 16% số trẻ, lớp 5TB chỉ có 3 cháu đạt 12% số trẻ. Phần lớn trẻ trả lời được các thông tin về kiến thức, kỹ năng, thái độ đối với việc ĐBAT song còn khó khăn khi lý giải nguyên nhân vì sao cần làm như vậy.

+ Loại trung bình: Lớp 5TA có tới 13 trẻ tức là 52% số trẻ, thấp hơn số trẻ lớp 5TB là 16%. Những trẻ này có nhận thức nhất định về nơi có thể gây nguy hiểm, những kỹ năng cần thiết khi ở nơi nguy hiểm, thái độ tích cực đối với người bị nạn cũng như người giúp đỡ người bị nạn khi ở nơi nguy hiểm song cần sự gợi ý của GV, trẻ mất nhiều thời gian để suy nghĩ, tìm ra câu trả lời, nhiều câu trả lời chưa rõ ràng, mạch lạc,

+ Loại yếu: Nhìn chung số trẻ đạt loại yếu của cả hai lớp còn tương đối là nhiều, tuy nhiên giữa hai trường lại có sự chênh lệch khá rõ, nhóm trẻ lớp 5TB chỉ 12% đạt loại yếu trong khi đó nhóm trẻ lớp 5TA lại chiếm tới 28% số trẻ. Những trẻ này cần có sự gợi ý của GV mới trẻ lời được 1 số thông tin về việc ĐBAT qua các TPVH được cô cho làm quen, trẻ chưa vận dụng được kiến thức vào thực tế vì hiểu không chắc chắn việc ĐBAT cho bản thân và cho mọi người xung quanh. Qua đây ta thấy mức độ của trẻ về ĐBAT của cả hai nhóm trẻ điều tra chênh lệch nhau không nhiều, nhìn chung là ở MĐTB theo thang đánh giá mà đề tài đã xây dựng.

- Điểm chung bình chung (\bar{x}): Nhóm trẻ lớp 5TA có điểm $\bar{x}_1 = 10,4$ điểm và điểm của nhóm trẻ lớp 5TB là: $\bar{x}_2 = 10,6$ điểm. Điểm chung bình của nhóm trẻ lớp 5TB cao hơn nhóm trẻ lớp 5TA là 0.2 điểm. Việc điều tra bằng bài tập và dự giờ làm quen với TPVH cho thấy nhìn chung trẻ ở lớp 5TB có nhận thức đầy đủ hơn so với trẻ lớp 5TA, trẻ cũng thể hiện tình cảm, thái độ với người bị nạn, với việc phòng tránh tai nạn để ĐBAT cho bản thân và những người xung quanh cụ thể và sinh động hơn.

- Độ lệch chuẩn(δ) của trẻ lớp 5TA là $\delta_1 = 2,1$ điểm, và trẻ lớp 5TB là $\delta_2 = 2$ điểm. Giữa hai nhóm có sự chênh lệch không đáng kể, nhóm trẻ lớp 5TA có mức độ chênh lệch điểm giữa các trẻ cao hơn nhóm trẻ lớp là 0,1 điểm.

Kết quả trên cho thấy mức độ về ĐBAT của trẻ 5-6 tuổi còn có những hạn chế nhất định, phần lớn chưa đạt yêu cầu đánh giá trẻ theo bộ Chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi. Nhận thức của trẻ về ĐBAT ở mức thấp, kỹ năng và thái độ của trẻ đạt ở mức trung bình theo. Những trẻ ở MĐT hầu như nhận thức về ĐBAT còn rất kém, rất ít kinh nghiệm về ĐBAT. Hầu hết trẻ chỉ kể được tên một số nơi nguy hiểm, thái độ đối với người bị nạn, với người giúp đỡ chưa đa số trẻ không trả lời được các câu hỏi về những tình huống nguy hiểm, hay những mối nguy hiểm khi đến gần những nơi không an toàn đó. Bên cạnh đó, kỹ năng của trẻ về ĐBAT ở những nơi nguy hiểm còn chưa cao. Nguyên nhân chủ yếu là do vốn hiểu biết, vốn kinh nghiệm của trẻ về ĐBAT chưa phong phú, chưa sâu sắc.

- Giá trị kiểm định:

Cả hai nhóm đều có số trẻ là $n = 25$. Áp dụng công thức tính T là:

$$T = (\bar{X}_1 - \bar{X}_2) \sqrt{\frac{n}{\delta_1^2 + \delta_2^2}} \quad \text{Ta có } T = 0,425$$

Dùng bảng phân phối T - student ứng với $\alpha = 0,05$ ta có: $T_\alpha = 1,708$

So T với T_α ta thấy rằng: $T < T_\alpha$ nên khác biệt về điểm số của hai nhóm trẻ là không có ý nghĩa hay nói cách khác là không có sự khác biệt, 50 trẻ này có mức độ về ĐBAT về các mặt kiến thức và kỹ năng, tổng hợp đều tương tự như nhau và đều còn nhiều hạn chế.

Nhìn chung việc phát triển về ĐBAT của trẻ còn nhiều khó khăn nhận thức của trẻ về ĐBAT còn chưa đầy đủ, sâu sắc. Kỹ năng thực hiện ĐBAT còn hạn chế. Vì vậy muốn nâng cao hiệu quả giáo dục ĐBAT giáo viên cần có các biện pháp và tổ chức các hoạt động giáo dục ĐBAT cho trẻ phù hợp, liên tục và hệ thống hơn.

2.7 Nguyên nhân của thực trạng

2.7.1. Nguyên nhân chủ quan

GVMN mặc dù cho rằng việc GD ĐBAT cho trẻ là rất cần thiết và cần thiết nhưng GV chưa coi trọng việc GD ĐBAT cho trẻ trong hoạt động học, hoạt động vui chơi, hoạt động lao động... chưa coi trọng việc tích hợp tri thức về ĐBAT cho trẻ.

GV đã nhận thức được vai trò quan trọng của việc tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động LQVTPVH nhưng chưa có sự đầu tư để khai thác triệt để TPVH cũng như là nội dung tích hợp ĐBAT có trong từng TPVH để việc tích hợp được triệt để và mang lại hiệu quả cao.

GVMN chưa tích cực sưu tầm các TPVH phản ánh về ĐBAT dành cho trẻ, chủ yếu sử dụng tài liệu ít ỏi mà nhà trường cung cấp đó là tuyển tập thơ truyện cho trẻ MG, rất ít GV sưu tầm thêm TPVH từ các nguồn khác, hầu như chưa có ai tự sáng tác các TPVH phù hợp với nội dung GD ĐBAT cho trẻ. Vì vậy nên SL TPVH mà GV có thể sử dụng để tích hợp GD ĐBAT cho trẻ rất hạn chế mặc dù nguồn TPVH về nội dung này rất phong phú. Bên cạnh đó nhiều GV chưa phân biệt rạch ròi việc tích hợp giáo dục ĐBAT với việc tìm hiểu nội dung TPVH, vì

thể thường xảy ra việc hoặc là không tích hợp giáo dục ĐBAT ở TPVH có nội dung này, hoặc là quá khai thác quá mức nội dung giáo dục nên làm ảnh hưởng đến việc LQVTPVH của trẻ.

Trong quá trình tổ chức hoạt động, GV luôn trung thành tuyệt đối với giáo án, cố gắng không để xảy ra tình huống để xử lí. Do vậy hoạt động GD nghiêng về phía cô, chưa thực sự quan tâm lấy trẻ làm trung tâm khi tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, hạn chế khả năng sáng tạo cũng như nhu cầu được mở rộng kiến thức về ĐBAT của trẻ.

2.7.2. Nguyên nhân khác quan

Những năm gần đây ngành GD MN đã được sự quan tâm của nhà nước và Bộ GD để chăm sóc, giáo dục trẻ một cách toàn diện. Chương trình GDMN, chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi đã có gợi ý, chỉ dẫn về việc giáo dục ĐBAT cho trẻ. Để thực hiện được nội dung giáo dục này đòi hỏi GV phải xây dựng kế hoạch phù hợp giúp trẻ phát triển toàn diện. Các cấp quản lí đề cao việc yêu cầu GV phải ĐBAT cho trẻ qua việc chăm sóc trẻ mà chưa chú trọng việc tích hợp giáo dục nội dung này qua các hoạt động học.

Cơ sở vật chất còn thiếu thốn, ít mô hình, tranh ảnh, tài liệu nên không đáp ứng được đầy đủ nhu cầu dạy và học của cô cháu trong trường MN.

Việc tìm kiếm thông tin trên mạng internet để làm giàu vốn kiến thức cho GV còn hạn chế do nhà trường chưa được trang bị đầy đủ hệ thống máy tính và mạng cho các khối lớp.

Khả năng nhận thức và thực hiện ĐBAT của trẻ không đồng đều, hơn nữa lớp lại đông trẻ nên việc lập và thực hiện kế hoạch gặp không ít khó khăn.

Đó đều là những nguyên nhân ảnh hưởng tới chất lượng của việc sử dụng TPVH giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi.

Kết luận chương 2

Đề tài đã xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp điều tra thực trạng, xây dựng phiếu khảo sát giáo viên, tiêu chí và bài tập đánh giá khả năng ĐBAT cho trẻ qua hoạt động LQVTPVH.

Qua quá trình tiến hành thực trạng việc sử dụng TPVH giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi chúng tôi thấy rằng:

Về phía trẻ: Mức độ phát triển kỹ năng ĐBAT của trẻ 5-6 tuổi còn hạn chế, đa số ở mức TB và không đồng đều giữa các trẻ trong cùng một lớp, giữa trẻ ở hai lớp MN. Các trẻ đều có thái độ rất tốt về việc ĐBAT ở những nơi có thể gây nguy hiểm, việc nhận thức về ĐBAT ở những nơi có thể gây nguy hiểm còn hạn chế, đặc biệt kỹ năng về ĐBAT ở những nơi nguy hiểm của trẻ ở cả hai lớp đều còn kém.

Về phía GVMN: Hầu hết các GV có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi. Việc tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ thông qua hoạt động LQVTPVH đã được GV thực hiện tuy nhiên chất lượng của hoạt động này chưa cao. Phần lớn GV chỉ tích hợp giáo dục ĐBAT thông qua hoạt động LQVTPVH cho phần củng cố kiến thức cho trẻ mà ít sử dụng ở phần khơi gợi hứng thú lúc đầu và khai thác nội dung giáo dục ĐBAT trong tác phẩm để cung cấp kiến thức cho trẻ. GV gặp nhiều khó khăn trong việc lựa chọn và tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ thông qua hoạt động LQVTPVH. Để việc tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động LQVTPVH được nâng cao GV cần sử dụng phối hợp các biện pháp hợp lý khi tổ chức hoạt động LQVTPVH tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ để kích thích hứng thú của trẻ và giúp trẻ chủ động, tích cực hoạt động.

Chương 3: ĐỀ XUẤT VÀ THỰC NGHIỆM MỘT SỐ BIỆN PHÁP GIÁO DỤC ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO TRẺ 5-6 TUỔI QUA HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC

3.1. Xây dựng một số biện pháp giáo dục an toàn cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học

3.1.1. Nguyên tắc xây dựng các biện pháp giáo dục an toàn cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học

3.1.1.1. Góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục mầm non nói chung và mục tiêu giáo dục sức khỏe cho trẻ nói riêng.

Bản chất quá trình dạy học ở trường MN là quá trình nhận thức của trẻ dưới sự tác động có hướng của người lớn hay GV. Do vậy, việc sử dụng các biện pháp trong dạy học cho trẻ trước hết phải đảm bảo thực hiện mục tiêu dạy học và góp phần từng bước thực hiện mục tiêu GDMN: nhằm giúp trẻ thông minh ham hiểu biết, thích khám phá tìm tòi, có một số kỹ năng sơ đẳng, cần thiết để trẻ vào học ở trường phổ thông.

Việc xây dựng các biện pháp GDAT cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động LQVTPVH góp phần thực hiện nhiệm vụ tạo tiền đề phát triển nhân cách toàn diện cho trẻ, chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1. GV cần linh hoạt bổ sung, làm phong phú biện pháp dạy trẻ nhận ra, khai thác thông tin ĐBAT qua TPVH, vận dụng những kiến thức đó vào việc ĐBAT cho bản thân và mọi người xung quanh ở những nơi nguy hiểm, hình thành ý thức, thái độ với việc ĐBAT.

3.1.1.2. Đảm bảo phù hợp với nội dung giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ.

Các biện pháp giáo dục ĐBAT cho trẻ đảm bảo phù hợp nội dung dạy trẻ ĐBAT ở nơi nguy hiểm. Các biện pháp GD được xây dựng theo hệ thống:

- Những biện pháp phát triển nhận thức của trẻ về việc ĐBAT ở nơi nguy hiểm: Biết được những nơi có thể gây nguy hiểm, biết được những hành động nguy hiểm khi đến những nơi đó, biết được những tình huống nguy hiểm cần được trợ giúp, nói được mối nguy hiểm khi đến những nơi đó, biết và nói được ý nghĩa của việc nhận biết và phòng tránh tai nạn ở những nơi hiểm.

- Những biện pháp phát triển kỹ năng ĐBAT cho trẻ, giúp trẻ đề xuất và thực hiện những hành vi ĐBAT cho bản thân và mọi người xung quanh phù hợp với độ tuổi ở những nơi có thể gây ra tai nạn: kêu cứu, vùng vẫy, chạy khỏi nơi đó, báo cho cô giáo hoặc người lớn biết, nhắc nhở bạn bè phòng tránh tai nạn ở nơi đó...

- Những biện pháp giáo dục thái độ tự giác đối với việc ĐBAT cho bản thân và người xung quanh; tôn trọng, cảm phục người cứu nạn; chia sẻ, thương xót, đồng cảm với người bị nạn; sẵn sàng giúp đỡ người bị nạn khi có thể...

3.1.1.3. Phù hợp với đặc điểm nhận thức của trẻ 5-6 tuổi.

Nhận thức cảm tính (cảm giác, tri giác) là con đường cơ bản để trẻ MG hiểu biết về thế giới xung quanh. Tuy nhiên sự tri giác ở trẻ nhỏ thường mang tính không chủ định, vì vậy các biện pháp sư phạm cần hướng tới sự phát triển hoạt động nhận biết theo hướng tích cực. Như vậy, biện pháp dạy trẻ phải hướng tới việc rèn luyện khả năng quan sát các sự vật, hiện tượng giúp trẻ chuyển từ sự tri giác không chủ định thành tri giác có chủ định thông qua các hoạt động LQVTPVH ở trường MN. Sử dụng các biện pháp trong dạy học cho trẻ nhất thiết phải phù hợp với đặc điểm phát triển cảm giác, tri giác, trí nhớ, tư duy, ngôn ngữ, tưởng tượng... của lứa tuổi này để đảm bảo cho quá trình dạy học đạt kết quả nhất định, biện pháp dạy trẻ phải hướng tới phát triển nhận thức, kỹ năng, thái độ của trẻ về ĐBAT..

3.1.1.4. Phát huy tính tích cực, độc lập của trẻ trong quá trình học.

Theo quan điểm dạy học tích hợp thì việc tổ chức các hoạt động của trẻ ở trường MN phải dựa trên cơ sở lấy trẻ làm trung tâm, phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của trẻ. GV cần sử dụng hợp lý và có hiệu quả biện pháp dạy học có vấn đề buộc trẻ phải suy nghĩ, tìm ra cách giải quyết chúng.

Mặt khác, GV cần chú ý sử dụng các câu hỏi gợi mở, dẫn dắt trẻ tự tìm ra kết quả và đưa ra kết luận khái quát bằng lời, không áp đặt trẻ bằng những câu trả lời có sẵn để trẻ ghi nhớ một cách máy móc. Nói cách khác, GV cần sử dụng những biện pháp tích cực biến mục đích dạy học của GV thành nhu cầu, hứng thú học của trẻ, khai thác vốn kinh nghiệm của trẻ để gợi mở cho trẻ chiếm lĩnh kiến thức mới, tránh áp đặt từ bên ngoài.

Để trẻ luôn tích cực trong hoạt động học tập, GV cần lựa chọn nội dung nhận thức và hình thức hoạt động phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí của trẻ. Hơn nữa, cần phân chia nội dung học tập chính xác, cũng như thay đổi tính chất hoạt động của trẻ, cùng với sự thay đổi đồ dùng dạy học và các biện pháp dạy học đa dạng góp phần tạo nên hiệu quả giáo dục ĐBAT cho trẻ.

Việc xây dựng các biện pháp giáo dục ĐBAT qua hoạt động LQVMTXQ phải đảm bảo quan điểm phát huy tính tích cực: GV là người tổ chức, hướng dẫn các hoạt động học có chủ đích còn trẻ tự giác, tích cực, hứng thú, tự tin tham gia hoạt động học; GV là người thiết kế, tổ chức, điều khiển hoạt động, chính xác hóa những kiến thức của trẻ, giúp trẻ phát hiện các dấu hiệu của khoảng TG, tự nhận biết các mối quan hệ TG từ những tình huống cụ thể qua đó mở rộng, chính xác hóa, hệ thống hóa những kiến thức đó. Từ đó, trẻ dần hình thành thói quen phát hiện và giải quyết vấn đề trong học tập cũng như trong sinh hoạt, tức là trẻ biết sử dụng khả năng ĐBAT trong cuộc sống của mình.

3.1.1.5. Đảm bảo nguyên tắc tích hợp trong giáo dục mầm non.

Có nhiều nguyên tắc khi tích hợp các nội dung giáo dục, biện pháp giáo dục an toàn cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học phải đảm bảo những nguyên tắc sau:

- Lựa chọn các TPVH có nội dung giáo dục ĐBAT rõ ràng, phù hợp nhận thức của trẻ.
- Chọn thời điểm tích hợp ĐBAT trong giờ LQVTPVH: ổn định tổ chức, khơi gợi hứng thú, đàm thoại trích dẫn, giáo dục củng cố...
- Khai thác thông tin giáo dục ĐBAT nhẹ nhàng, phù hợp với nội dung TPVH, tránh làm loãng trọng tâm cảm thụ văn học, lạm dụng nội dung tích hợp trong giờ LQTPVH.

3.1.2. Một số biện pháp giáo dục an toàn cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học

3.1.2.1. Những biện pháp nhằm chuẩn bị cho việc giáo dục an toàn cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học.

Biện pháp 1: Suu tầm, lựa chọn, phân loại tác phẩm văn học có nội dung GD ĐBAT vừa sức và hấp dẫn đối với trẻ

a) Mục đích, ý nghĩa

TPVH dành cho trẻ em lứa tuổi mầm non rất phong phú về cả nội dung, hình thức của tác phẩm và nguồn tư liệu để giáo viên có thể lựa chọn và sử dụng. Tuy vậy, để tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ 5- 6 tuổi thông qua hoạt động LQVTPVH có tác dụng giáo dục tích cực thì nhà sư phạm cần quan tâm tìm hiểu, lựa chọn những tác phẩm phù hợp với khả năng nhận thức của trẻ 5 - 6 tuổi, tác phẩm phải sinh động, ngộ nghĩnh, hấp dẫn, có tính giáo dục và đặc biệt tác phẩm phải có nội dung về nơi nguy hiểm, hành động nguy hiểm, tình huống nguy hiểm và những kỹ năng ĐBAT... Vì vậy, muốn thực hiện giáo dục trẻ bằng TPVH thì GV phải đảm bảo sưu tầm, lựa chọn TPVH có nội dung giáo dục ĐBAT cho trẻ.

b) Nội dung

Sưu tầm những TPVH có nội dung giúp trẻ nhận biết những nơi không an toàn, hành động nguy hiểm, tình huống nguy hiểm, kỹ năng ĐBAT khi ở những đó, thái độ với người cứu nạn, người bị nạn, giúp trẻ nhận biết ý nghĩa của việc đảm bảo an toàn.

c) Cách thực hiện

Bước 1: Tìm TPVH có nội dung giáo dục ĐBAT cho trẻ trên các phương tiện thông tin.

GVMN có thể tìm TPVH trong các tài liệu chính thống sử dụng trong chương trình GDMN hiện hành như các Tuyển tập bài hát, thơ, truyện...; tìm tài liệu trong các tập truyện Mẹ kể bé nghe; trong internet; trong dân gian...

Trong trường hợp khó khăn, không tìm được tài liệu đảm bảo đúng mục đích giáo dục, GV có thể sáng tác những câu chuyện nhỏ phù hợp với nhận thức của trẻ để sử dụng làm công cụ dạy trẻ.

Bước 2: Phân loại TPVH theo mục đích giáo dục:

- Những TPVH có nội dung giúp trẻ nhận biết những nơi không an toàn, kỹ năng đảm bảo an toàn khi ở những đó, thái độ khi thấy người bị nạn: Cuộc phiêu lưu của những chú gà nhí, Một phen sợ hãi, Qua đường, Vì sao thỏ cụt đuôi...

STT	TPVH	Nội dung giáo dục
1	Cuộc phiêu lưu của những chú gà nhí	<ul style="list-style-type: none"> - GD trẻ không chơi gần ao hồ, sông ngòi... vì nếu bị ngã xuống thì sẽ rất nguy hiểm. - Nếu không may bị rơi xuống ao, hồ, sông, ngòi... thì phải biết hò to để gọi mọi người giúp - Biết yêu quý, biết ơn, kính phục người giúp đỡ.
2	Thỏ con đi học	<ul style="list-style-type: none"> - Không chơi đùa dưới lòng đường vì sẽ rất nguy hiểm. - Biết cảm thông, chia sẻ khi người khác gặp nạn, nhắc nhở nếu họ làm sai. - Biết ơn người giúp đỡ.

- Những TPVH có nội dung giúp trẻ nhận biết ý nghĩa của việc đảm bảo an toàn như truyện: Chuyện của dê con, Qua đường, Kiểm thi an toàn giao thông...

STT	TPVH	Nội dung giáo dục
1	Kiểm thi an toàn giao thông	Kiến Kim đã tuân thủ đúng luật giao thông là: không được tự ý đi xuống lòng đường, và muốn qua đường phải có người lớn dắt nên Kiến Kim đã giành chiến thắng trong cuộc thi và được mọi người yêu mến.
2	Vì sao thỏ cụt đuôi	<ul style="list-style-type: none"> - Thỏ đã chạy sang đường mà không nhìn trước nhìn sau, cuối cùng bị xe ô tô cán và bị đứt mất đuôi. - Nhím chấp hành đúng luật lệ nên không bị sao cả.

Bước 3: Phân loại TPVH theo các chủ đề giáo dục.

Các trường MN hiện nay đang thực hiện chương trình GDMN mới bằng việc tổ chức các hoạt động của trẻ trong năm học theo hệ thống các chủ đề giáo dục. Vì vậy, TPVH được lựa chọn cũng phù hợp với các chủ đề đó. Những tác phẩm về cách thức ĐBAT: Qua đường, Một phen sợ hãi... có thể tiến hành trong chủ đề giao thông; tác phẩm nói về các dụng cụ không an toàn: Cuộc phiêu lưu của những chú gà nhí... sử dụng trong chủ đề gia đình...

d) Điều kiện thực hiện

- GV có thông tin phong phú về việc ĐBAT cho trẻ và giáo dục trẻ ĐBAT.

- Có nguồn tài liệu phong phú, có hệ thống internet, GV biết sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường MN.

- Trường MN tạo điều kiện cho GV chủ động thực hiện chương trình giáo dục theo kế hoạch cụ thể của từng lớp.

Biện pháp 2: Lập kế hoạch nhằm cụ thể hóa nội dung và xác định rõ ràng thời điểm tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ 5- 6 tuổi thông qua hoạt động LQVTPVH

Việc lập kế hoạch là sự sắp xếp hợp lí các nội dung và hoạt động giáo dục trẻ trong trường, lớp mầm non. Lập kế hoạch là tổ hợp các biện pháp mà giáo viên sử dụng, lựa chọn và phân bố theo một trình tự hoạt động của cô và trẻ trong một khoảng thời gian nhất định nhằm tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học nhằm giáo dục ĐBAT. Trong phạm vi đề tài chỉ nghiên cứu việc lập kế hoạch tổ chức hoạt động LQVTPVH.

Lập kế hoạch là khâu đầu tiên không thể thiếu được, giúp Gv định hướng, chủ động trong việc tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học cho trẻ theo hướng tích hợp nhằm đạt được mục đích đề ra.

a. Mục đích, ý nghĩa

Lập kế hoạch cho hoạt động LQVTPVH theo hướng tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi là công việc bắt buộc giáo viên phải làm. Dựa vào dự kiến, trình tự những công việc sẽ làm và cách thức thực hiện hoạt động theo kế hoạch mà GV có thể tự tin trong quá trình tổ chức hoạt động có chủ đích LQVTPVH nhằm giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi.

Hơn thế việc lập kế hoạch cho việc tích hợp giáo dục ĐBAT thông qua hoạt động LQVTPVH, một phần giúp GV giúp cụ thể hóa nội dung, xác định một cách rõ ràng thời điểm tích hợp nội dung ĐBAT một cách hiệu quả nhất, mặt khác tạo điều kiện cho cô và trẻ chủ động trong quá trình hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi, giúp việc lĩnh hội những kiến thức, kĩ năng và thái độ tích cực về việc ĐBAT đạt hiệu quả cao hơn. Trên cơ sở đó góp phần hình thành và phát triển toàn diện nhân cách trẻ.

b. Yêu cầu

Việc lập kế hoạch cho phép GV lồng ghép các hoạt động khác vào hoạt động cho trẻ LQVTPVH nhằm giáo dục ĐBAT như: giáo dục thể chất, môi trường xung quanh, âm nhạc... Tuy nhiên khi xây dựng kế hoạch, GV cần phải chú ý đảm bảo những yêu cầu như tính mục đích, tích phát triển, tích toàn vẹn và tích thực tiễn... Trong phạm vi đề tài này chúng tôi tập trung nghiên cứu quá trình giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi theo hướng tích hợp trên hoạt động có chủ đích LQVTPVH là chính, vì thế những yêu cầu chúng tôi đưa ra cho việc lập kế hoạch cho hoạt động có chủ đích LQVTPVH nhằm giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi theo hướng tích hợp như sau:

- + Nội dung giáo dục ĐBAT được cấu trúc tích hợp theo các chủ đề giáo dục.
- + Vận dụng yếu tố chơi, trò chơi thích hợp để kích thích, lôi cuốn trẻ hứng thú, tự nguyện tham gia vào quá trình hoạt động một cách tích cực.
- + Việc lập kế hoạch cho nội dung trên cơ sở có sự gợi ý của các kế hoạch từ chương trình phù hợp với trình độ nhận thức năng lực hoạt động của trẻ, điều kiện của trường, lớp, địa phương.
- + Căn cứ vào từng nội dung, yêu cầu trọng tâm của chủ đề nhánh để lựa chọn các hoạt động kết hợp phù hợp. Xây dựng kế hoạch hoạt động học có chủ đích LQVTPVH phải dựa vào lí thuyết “vùng phát triển gần nhất” tác động vào giới hạn cho phép cao nhất của trẻ để trẻ có thể tự làm hoặc nhờ một chút sự giúp đỡ của người khác.
- + Lựa chọn tiêu chí phù hợp với nội dung chủ đề và kĩ năng được hình thành.
- + Xác định thời điểm tích hợp nội dung ĐBAT một cách phù hợp, đảm bảo linh động mà vẫn đạt hiệu quả tối đa.
- + Chuẩn bị tốt môi trường cho trẻ hoạt động.

c. Cách tiến hành

Để lập kế hoạch cho hoạt động LQVTPVH, chúng tôi thực hiện các bước sau:

- + Bước 1: (Xác định tên đề tài, nội dung tích hợp) Dựa vào TPVH cho trẻ làm quen theo từng chủ đề cụ thể. Ví dụ: Kiến thi an toàn giao thông.

+ Bước 2: (Xác định mục tiêu) Kiến thức, kĩ năng, thái độ cần đem đến cho trẻ, trong đó chú ý vấn đề ĐBAT theo nội dung TPVH.

Bước 3: (Chuẩn bị) Xác định những phương tiện, học liệu cho hoạt động như chuẩn bị về đồ dùng, đồ chơi, địa điểm cho trẻ hoạt động phù hợp với chủ đề, phù hợp với điều kiện.

Bước 4: Xác định các bước tiến hành hoạt động: Là quá trình tổ chức hoạt động của GV và trẻ. Đặc biệt chọn thời điểm tích hợp ĐBAT cho trẻ một cách phù hợp đảm bảo nội dung tích hợp một cách nhẹ nhàng và vừa đủ nhưng cũng không chiếm quá nhiều thời gian của tiết học, tránh xa đà, lạm dụng nội dung tích hợp. Việc tích hợp có thể được thực hiện vào thời điểm: ổn định tổ chức, khơi gợi hứng thú gây hứng thú, đàm thoại trích dẫn, giáo dục củng cố, hay đồng thời tích hợp ở các thời điểm, tùy vào khả năng lĩnh hội của trẻ và việc tổ chức hoạt động của cô. Bên cạnh đó GV cần sử dụng các phương pháp, biện pháp giáo dục phù hợp trên cơ sở tạo điều kiện cho trẻ sử dụng phối hợp các giác quan nhằm giúp trẻ suy nghĩ, phán đoán, giải quyết vấn đề. Giáo viên cần chú ý sử dụng các trò chơi, những tình huống có vấn đề để kích thích trẻ tò mò khám phá và hứng thú tự nguyện tham gia quá trình hoạt động một cách tích cực cho nội dung giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi theo hướng tích hợp đạt hiệu quả cao.

+ Bước 5: Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu hoạt động.

d. Điều kiện tiến hành:

- GV chủ động lập kế hoạch cho hoạt động LQVTPVH nhằm tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi.

- GV có đủ kiến thức về an toàn, ĐBAT ở những nơi nguy hiểm, những kĩ năng khi gặp nạn ở những nơi nguy hiểm và thái độ tích cực đối với người bị nạn và người giúp đỡ.

- Có nguồn tài liệu phong phú, có hệ thống internet, GV biết sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong dạy học ở trường MN.

- Trường MN tạo điều kiện cho GV chủ động thực hiện chương trình giáo dục theo kế hoạch cụ thể đã xây dựng.

3.1.2.2. Những biện pháp giáo dục an toàn cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học

Biện pháp 3: Khai thác thông tin đảm bảo an toàn trong tác phẩm văn học để giáo dục trẻ

a) Mục đích, ý nghĩa

Không chỉ sử dụng để gây sự chú ý và kích thích hứng thú hoạt động cho trẻ mà các tác phẩm văn học còn được sử dụng như một phương tiện giáo dục hiệu quả trong việc giúp trẻ củng cố hoặc chính xác hóa, mở rộng vốn hiểu biết về thói quen ĐBAT cho trẻ vì các TPVH dành cho trẻ em thường chứa đựng những nội dung có ý nghĩa giáo dục nhẹ nhàng mà tinh tế. Chính vì thế, việc tích hợp văn học một cách hợp lý vào trong các hoạt động còn giúp củng cố, chính xác hóa hoặc mở rộng tri thức tri thức về việc thực hiện thói quen ĐBAT cho trẻ.

b) Nội dung

- Khai thác nội dung giáo dục thói quen ĐBAT cho trẻ trong TPVH.
- Xây dựng hệ thống câu hỏi giúp trẻ khám phá nội dung giáo dục đó.
- Khuyến khích trẻ liên hệ, vận dụng kiến thức vào thực tế.

c) Cách tiến hành

- Khi lựa chọn TPVH để giáo dục thói quen ĐBAT cho trẻ, cần xác định đầy đủ các thông tin giáo dục trong tác phẩm đó. Ví dụ như cho trẻ biết về những nơi nguy hiểm, những hành động nào nguy hiểm khi ở những nơi nguy hiểm đó và cần phải làm gì khi bị gặp nạn ở trong câu chuyện: “Cuộc phiêu lưu của những chú gà nhí”, hay “Cái hố bên đường”...

- Đọc, kể diễn cảm TPVH, nhấn giọng vào các từ ngữ có thông tin giáo dục ĐBAT.

- Đặt câu hỏi, khuyến khích trẻ tìm thông tin trả lời từ nội dung TPVH đang làm quen. Cần xây dựng hệ thống các câu hỏi, đặc biệt là câu hỏi mở khi tổ chức các hoạt động sử dụng TPVH giáo dục ĐBAT cho trẻ.

Ví dụ: Kể chuyện “Cuộc phiêu lưu của những chú gà nhí”. Cô hỏi trẻ:

- + Những chú gà nhí đã gặp nguy hiểm ở đâu?
- + Các chú gà nhí đã có hành động nguy hiểm nào ở suối?

+ Vì sao những chú gà nhí lại sợ hãi cuống quýt cả lên?

+ Cô Sáo đã làm gì khi thấy những chú gà nhí gặp nạn ?

+ Cô Cá Lóc đã làm gì để giúp những chú gà?

+ Con nghĩ gì khi các chú gà nhí gặp nạn ?

+ Con nghĩ gì về các bạn chim và cô Cá Lóc ?...

- Đặt câu hỏi hoặc tạo tình huống để trẻ liên hệ, vận dụng kiến thức từ TPVH vào thực tế ĐBAT của bản thân.

Ví dụ: Vẫn câu chuyện trên, cô hỏi:

+ Nếu bạn bè, người thân không may gặp nạn, con cảm thấy như thế nào?

+ Chúng mình cần làm gì để đảm bảo an toàn khi ở gần ao, hồ?

+ Con đã học được những điều gì từ câu chuyện “Cuộc phiêu lưu của những chú gà nhí”?...

d) Điều kiện thực hiện.

- Giáo viên biết tận dụng tối đa các thông tin giáo dục ĐBAT cho trẻ nhưng cần tích hợp nhẹ nhàng, tránh làm loãng trọng tâm của hoạt động LQVTPVH.

- Có nghệ thuật đọc, kể diễn cảm TPVH.

- Có nghệ thuật đặt câu hỏi cho trẻ tìm thông tin để trả lời và trả lời câu hỏi của trẻ.

Biện pháp 4: Tổ chức cho trẻ đóng kịch từ tác phẩm văn học để trẻ được thực hành kĩ năng ĐBAT

a) Mục đích, ý nghĩa

Hoạt động đóng kịch từ TPVH tác động rất mạnh đến xúc cảm, tình cảm của trẻ, tạo ấn tượng sâu đậm và khó phai. Nó thu hút được nhiều trẻ tham gia luyện tập, biểu diễn, có tác dụng động viên, cổ vũ những trẻ khá giỏi, đồng thời cũng khuyến khích những trẻ yếu, nhút nhát tham gia vào các hoạt động nghệ thuật. Các thông tin ĐBAT được thể hiện sinh động, biểu cảm nhất, phù hợp nhất với khả năng biểu đạt và nhận thức của trẻ.

b) Nội dung

- Biên tập

- Cho trẻ đóng kịch

- Biểu diễn nghệ thuật

c) Cách tiến hành

- Tổ chức trong giờ hoạt động vui chơi :

+ Góc nghệ thuật : Cho trẻ chơi đóng kịch.

+ Góc phân vai : Trẻ đọc thơ hoặc kể chuyện, đọc thơ diễn cảm, kể chuyện diễn cảm... các TPVH giáo dục ĐBAT.

- Tổ chức vào dịp đóng chủ đề: Cô hoặc 1 trẻ là người dẫn chương trình, các cháu trong lớp tham gia trình diễn các tiết mục nghệ thuật có nội dung giáo dục thói quen ĐBAT.

- Tổ chức vào các dịp lễ hội khác ở trường mầm non: Trong phần xây dựng nội dung chương trình, cô dành những tiết mục nhất định để trẻ thể hiện trình diễn TPVH có nội dung giáo dục ĐBAT.

d) Điều kiện thực hiện

- GV biết chuyên thể TPVH thành tác phẩm kịch.

- Có kế hoạch cho trẻ luyện tập phù hợp chế độ sinh hoạt hàng ngày và đảm bảo sức khỏe cho trẻ.

- Chuẩn bị không gian biểu diễn, đạo cụ, trang phục hóa trang... phù hợp để trẻ biểu diễn.

Biện pháp 5: Sử dụng mô hình các nhân vật trong tác phẩm văn học làm đồ dùng giáo dục thói quen đảm bảo an toàn cho trẻ

a) Mục đích, ý nghĩa

Để thực hiện một hoạt động giáo dục, GVMN cần chuẩn bị những đồ dùng dạy học phù hợp với từng hoạt động. Các đồ dùng dạy học như đồ vật thật, đồ dùng minh họa và đồ chơi... chính là những phương tiện trực quan giúp trẻ dễ hình dung ra các thông tin kiến thức mà cô cung cấp.

TPVH trong chương trình GDMN thường có tranh minh họa hoặc mô hình nhân vật được làm từ các chất liệu khác nhau, giúp quá trình tiếp nhận tác phẩm rõ ràng, cụ thể hơn. Việc sử dụng hình ảnh, mô hình các nhân vật trong TPVH để giáo dục kỹ năng ĐBAT giúp trẻ hào hứng, tích cực hơn trong việc củng cố, rèn luyện các thói quen, nó tạo cho trẻ cảm giác phấn khởi khi tham gia hoạt động

nhờ tính chất chơi, yếu tố chơi, yếu tố nghệ thuật của các mô hình nhân vật văn học đó mang lại. Do vậy, GV nên tận dụng các mô hình nhân vật trong TPVH để củng cố kỹ năng ĐBAT cho trẻ.

b) Nội dung

- Tranh ảnh, mô hình về những nơi không an toàn.
- Tranh ảnh, mô hình về những vật nguy hiểm, những hành động sai đối với những đồ vật này.

- Tranh ảnh, mô hình về người nguy hiểm.
- Tranh ảnh, mô hình về những tình huống nguy hiểm có thể xảy ra.

c) Cách tiến hành

- Sử dụng tranh ảnh, mô hình trong hoạt động hình thành biểu tượng về hoạt động ĐBAT.

Tranh ảnh hoặc mô hình về các nhân vật như chú thỏ có cái đuôi ngắn cũn... giúp trẻ giải thích được tại sao riêng thỏ lại có cái đuôi ngắn như vậy, trẻ vừa được sống trong thế giới ngộ nghĩnh của những động vật đáng yêu, vừa hiểu được thêm một điều là nếu qua đường mà không nhìn trước nhìn sau thì sẽ xảy ra tai nạn, bạn thỏ bị tai nạn và bị chiếc xe cán đứt mất đuôi...

Vừa kể chuyện, vừa cho trẻ xem tranh ảnh hoặc mô hình, cô vừa đặt những câu hỏi để trẻ thu thập các thông tin về hoạt động ĐBAT giúp trẻ học mà vẫn cảm thấy vui, học mà như chơi với cảm giác được vui đùa thích thú. Nhờ vậy, các thông tin trẻ thu thập được lưu giữ bền vững hơn.

- Sử dụng tranh ảnh, mô hình trong hoạt động vệ sinh – chăm sóc trẻ hàng ngày để củng cố nhận thức về ĐBAT.

GV nên treo hoặc dán tranh ảnh, sắp xếp mô hình các nhân vật trong TPVH có liên quan đến việc thực hiện hoặc không thực hiện ĐBAT mang lại tác dụng hoặc tác hại cho bản thân ở trong lớp, cửa ra vào, đặc biệt quanh khu vực phòng vệ sinh để trẻ dễ quan sát, bình luận, trò chuyện... và rút ra kinh nghiệm cho bản thân trong việc giữ gìn ĐBAT.

- Sử dụng tranh ảnh, mô hình để khuyến khích trẻ kể chuyện sáng tạo về thói quen ĐBAT. Ví dụ, sau khi cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học có nội

dung giáo dục ĐBAT là câu chuyện “*Vì sao thỏ cụt đuôi*” có bức tranh minh họa về câu chuyện. Cô giáo yêu cầu trẻ quan sát thật kỹ những gì có trong bức tranh, sau đó tả lại, kể lại, hoặc nói lên cảm xúc, thái độ của mình về bức tranh đó. Trẻ có thể trả lời cô giáo bằng các đáp án khác nhau tùy thuộc vào khả năng tư duy và cách sử dụng ngôn ngữ của trẻ như: thỏ chạy vọt qua đường, thỏ bị ô tô cán đứt mất đuôi, thỏ chạy băng qua đường như vậy là không tốt; Nhím đỡ thỏ vào lề đường, ...Biện pháp này vừa kích thích khả năng quan sát, đánh giá của trẻ vừa phát triển ngôn ngữ mạch lạc.

d) Điều kiện thực hiện.

- Tận dụng các nguyên vật liệu sẵn có tạo thành các tranh ảnh, mô hình sinh động, hấp dẫn về các nhân vật trong TPVH.

- Linh hoạt thay đổi, làm mới không gian hoạt động của trẻ bằng các tranh ảnh, mô hình... phù hợp với chủ đề giáo dục.

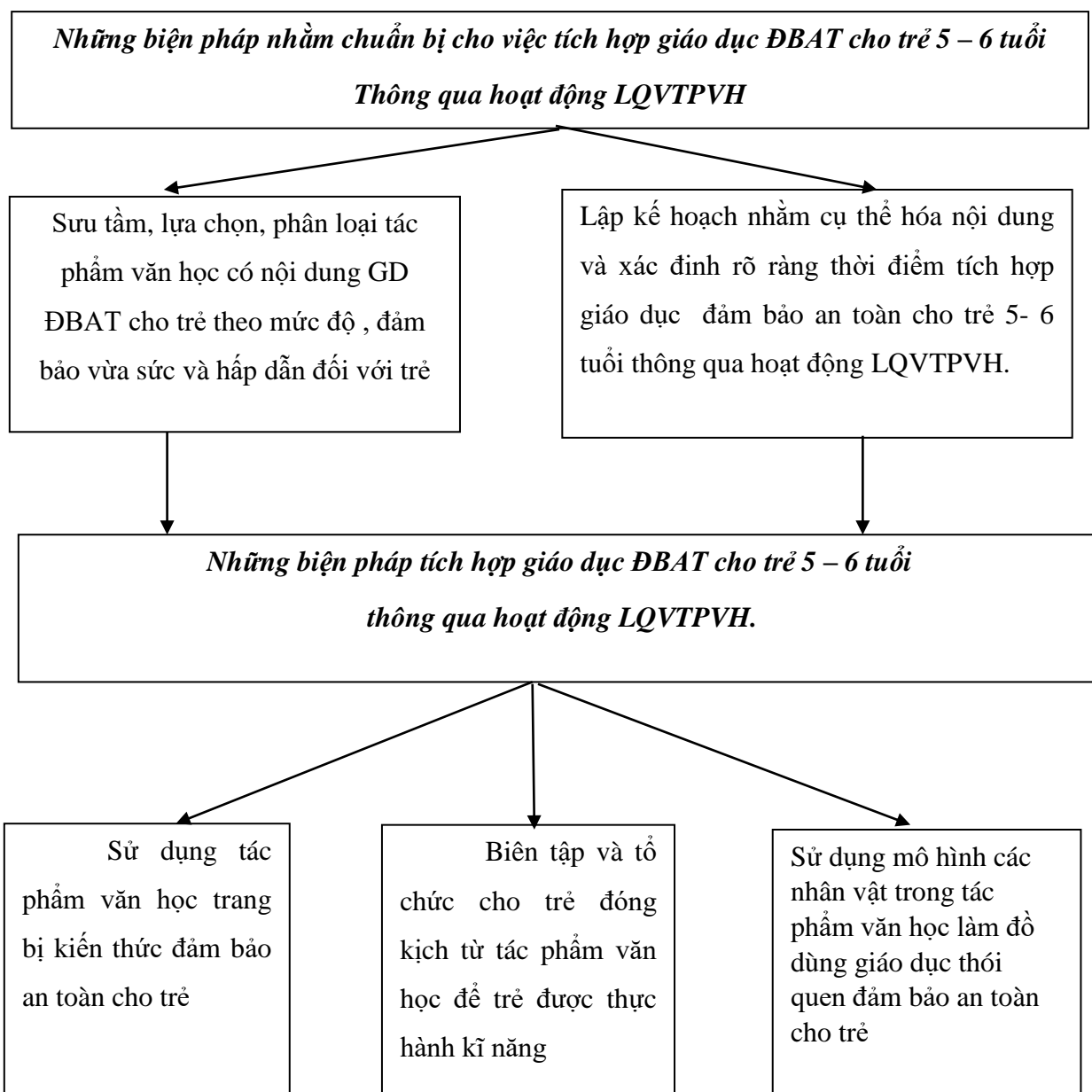
- GV có kế hoạch sử dụng, khai thác thông tin từ mô hình các nhân vật giúp trẻ hình thành, củng cố và rèn luyện các ĐBAT phù hợp với từng hoạt động.

3.1.3. Mối liên quan giữa các biện pháp giáo dục an toàn cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học

Chúng tôi đã xây dựng hệ thống gồm 5 biện pháp tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ 5- 6 tuổi qua hoạt động LQVTPVH phù hợp với mục tiêu giáo dục và khả năng nhận thức của trẻ 5- 6 tuổi trong đó có 2 biện pháp nhằm chuẩn bị cho việc tích hợp giáo dục ĐBAT thông qua hoạt động LQVTPVH cho trẻ 5- 6 tuổi và 3 biện pháp tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ 5- 6 tuổi thông qua hoạt động LQVTPVH.

Những biện pháp trên có mối quan hệ biện chứng với nhau nhằm nâng cao hơn hiệu quả hoạt động giáo dục ĐBAT cho trẻ, đồng thời phát huy được giá trị của văn học trong giáo dục trẻ. Giáo viên mầm non có thể linh hoạt sử dụng các biện pháp sao cho phù hợp với mục tiêu cụ thể của từng nội dung và hoạt động giáo dục giúp trẻ hình thành và rèn luyện khả năng ĐBAT một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn mà lại đạt hiệu quả cao.

Sơ đồ mối quan hệ của các biện pháp:



3.2. Thực nghiệm một số biện pháp giáo dục đảm bảo an toàn thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học

3.2.1. Mục đích thực nghiệm

Thực nghiệm nhằm kiểm chứng tính khả thi và tính hiệu quả của các biện pháp GD ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học mà đề tài đã xây dựng và khẳng định tính đúng đắn của giả thuyết khoa học đã đề ra.

3.2.2. Nội dung và thời gian thực nghiệm

- Nội dung thực nghiệm: thực nghiệm một số tiết LQVTPVH nhằm giáo dục ĐBAT cho trẻ 5- 6 tuổi trong mục 3.1.3

- Thời gian thực nghiệm: từ 3- 5/2016

3.2.3. Tiêu chí và thang đánh giá: Được thể tại mục 2.5.1

3.2.4. Mẫu thực nghiệm

Thực nghiệm tiến hành với 40 trẻ ở trường MN Yên Phong trong đó 20 trẻ ở nhóm thực nghiệm (TN) , 20 trẻ nhóm đối chứng (ĐC). Hai nhóm này có nhiều điểm tương đồng về:

- Số lượng trẻ trai và trẻ gái
- Điều kiện chăm sóc giáo dục
- Trình độ của giáo viên và trẻ

3.2.5. Quy trình tổ chức thực nghiệm

- Bước 1: Chọn mẫu thực nghiệm

- Bước 2: Chuẩn bị thực nghiệm

Chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho quá trình thực nghiệm: Địa điểm, đồ dùng đồ chơi (tranh truyện, video, lô tô, rối tay....), tạo tâm thế cho trẻ

- Bước 3: Tổ chức hoạt động giáo dục an toàn cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học mà đề tài đã xây dựng

- Bước 4: Đánh giá kết quả

+ Đánh giá khả năng ĐBAT của trẻ sau thực nghiệm theo 3 bài tập đã xây dựng.

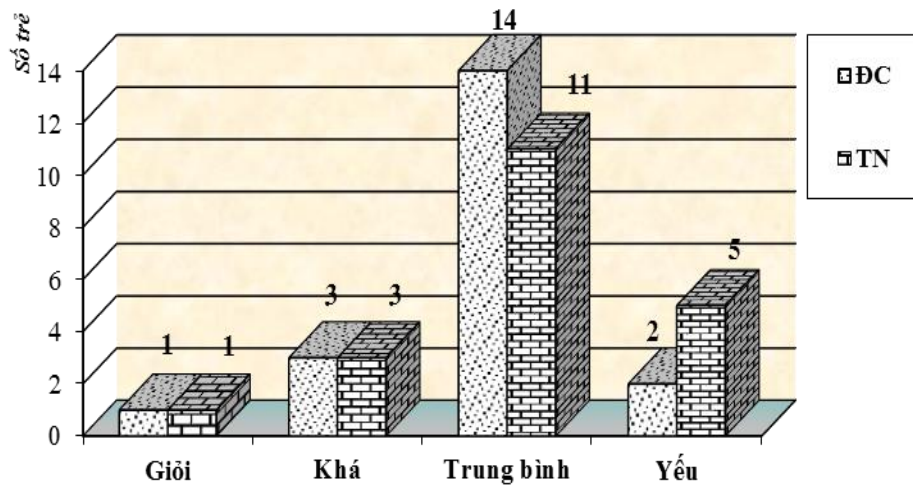
+ Xử lí, phân tích, so sánh, tổng hợp số liệu thu được để đánh giá hiệu quả các biện pháp giáo dục đã đề ra.

3.2.6. Kết quả thực nghiệm

3.2.6.1. Kết quả khảo sát trước thực nghiệm

Bảng 3.1: So sánh khả năng ĐBAT của hai nhóm TTN

Xếp loại Nhóm trẻ	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		\bar{X}	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
ĐC	1	5	3	15	14	70	2	10	10,4	1,8
TN	1	5	3	15	11	55	5	25	10,4	2



Biểu 3.1: So sánh mức độ phát triển ĐBAT của hai nhóm.

Số liệu cho thấy khả năng ĐBAT của cả hai nhóm còn nhiều hạn chế.

- Về mức độ điểm của trẻ: Cả nhóm ĐC và nhóm TN đều có 5% trẻ xếp loại giỏi, đó là cháu Trần Bình Trọng nhóm TN và cháu Nguyễn Thị Ngọc Lan nhóm ĐC, do các cháu đều đạt được mức độ cao ở cả 3 bài tập. Loại khá cả hai nhóm đều có 3 cháu, tức là 15% số trẻ. Số trẻ xếp loại trung bình ở cả hai nhóm còn khá cao cụ thể nhóm ĐC là 70%, nhóm TN là 55%. Trong đó nhóm TN có trẻ xếp loại yếu nhiều hơn nhóm ĐC 15%. Điều đó cho thấy ĐBAT của trẻ ở cả hai nhóm còn rất hạn chế.

- Điểm trung bình chung (\bar{X}): Trẻ nhóm TN có điểm $\bar{X}_1 = 10,4$ điểm và điểm của trẻ nhóm ĐC là: $\bar{X}_2 = 10,42$ điểm. Điểm trung bình của trẻ nhóm TN cao hơn điểm nhóm ĐC 0,02 điểm.

- Độ lệch chuẩn (δ) của trẻ nhóm TN ($\delta_1 = 1,8$) và nhóm ĐC ($\delta_2 = 2$) tỷ lệ chênh lệch giữa hai nhóm là 0,2 điểm. Giữa hai nhóm có sự khác biệt không đáng kể, nhóm TN có mức độ chênh lệch điểm giữa các trẻ cao hơn nhóm ĐC. Tuy nhiên cả 2 nhóm đều có sự chênh lệch điểm khá cao giữa các trẻ.

- Giá trị kiểm định: Cả hai nhóm đều có số trẻ là $n = 20$. Áp dụng công thức

$$\text{tính T là: } T = (\bar{X}_1 - \bar{X}_2) \sqrt{\frac{n}{\delta_1^2 + \delta_2^2}} \text{ Ta có } T = 0,022$$

Dùng bảng phân phối T- student ứng với $\alpha = 0,05$ ta có: $T_\alpha = 1,725$

So T với T_α ta thấy rằng: $T < T_\alpha$ nên khác biệt về điểm số của hai nhóm trẻ là không có ý nghĩa hay nói cách khác là không có sự khác biệt, 40 trẻ này có ĐBAT về mặt kiến thức và kỹ năng, tổng hợp đều tương tự như nhau.

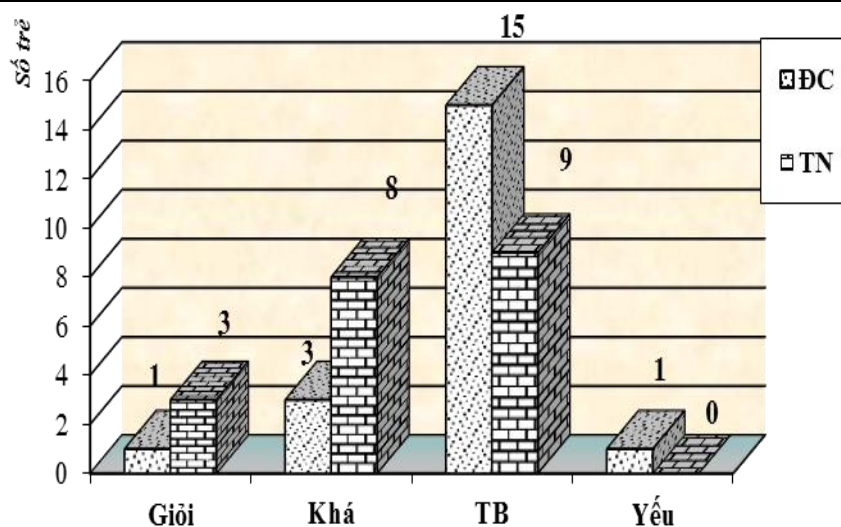
Như vậy, trình độ của trẻ ở 2 nhóm tương đương nhau. Tuy vậy giữa các trẻ trong mỗi nhóm có sự chênh lệch điểm số hoặc mức độ theo thang đánh giá khá rõ nét. Có thể nói mức độ phát triển về ĐBAT không đồng đều tạo nên sự chênh lệch điểm số.

3.2.6.2 Kết quả khảo sát sau thực nghiệm

3.2.6.2.1 Đánh giá theo cách xếp loại mức độ phát triển đảm bảo an toàn của hai nhóm sau thực nghiệm

Bảng 3.2: So sánh khả năng ĐBAT của hai nhóm STN

Xếp loại	Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		\bar{X}	δ
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
ĐC	1	5	3	15	15	75	1	5	10,8	1,9
TN	3	15	8	40	9	45	0	0	12,6	1,6



Biểu 3.2: So sánh khả năng ĐBAT của hai nhóm STN

Kết quả phân tích cho thấy mức độ phát triển khả năng ĐBAT của trẻ cả hai nhóm đều tăng, nhất là nhóm TN. Cụ thể:

- Về mức độ xếp loại: Với mức độ Giỏi nhóm ĐC có 1 trẻ đạt mức độ này chiếm 5% trong khi đó nhóm TN có 3 trẻ đạt 15% như vậy nhóm TN hơn nhóm ĐC 10%. Cả hai nhóm đều tăng tỷ lệ trẻ xếp loại Khá trong đó nhóm TN cao hơn

nhóm ĐC tới 25%. Loại Trung bình nhóm ĐC là 75% chiếm đa số trẻ, trong khi đó nhóm TN chỉ còn 45% trẻ đạt loại này. Nhóm TN không còn trẻ xếp loại yếu trong khi nhóm ĐC còn 5% trẻ đạt mức này. Điều đó cho thấy mức độ phát triển ĐBAT của nhóm TN đã tiến bộ rõ rệt. Đa số trẻ nhóm TN có nhận thức khá phong phú, thực hiện ĐBAT khá tốt và có thái độ tích cực đối với việc ĐBAT như cháu: Trần Bình Trọng đạt 16,2 điểm, Nguyễn Đỗ Khánh Phương 15 điểm, Nguyễn Trúc Linh 15 điểm. Tuy nhiên còn một số trẻ có nhận thức, kỹ năng về ĐBAT còn chưa tốt, chưa đầy đủ như cháu: Nguyễn Dương Tiến Thành, Trần Thị Như Quỳnh, Lê Phương Nhi, Lê Trung Hiếu.

- Điểm TBC (\bar{X}): Trẻ nhóm TN có điểm $\bar{X}_1 = 12,6$ điểm và điểm của nhóm ĐC là $X_2 = 10,8$ điểm. Mặc dù hai nhóm có điểm TBC trong mức TB theo thang đánh giá nhưng nhóm TN có kết quả gần mức khá hơn. Điểm TBC của trẻ nhóm TN cao hơn trẻ nhóm ĐC là 1,8 điểm, số điểm tuy nhỏ nhưng phần nào thể hiện được hiệu quả tác động của các biện pháp mà chúng tôi sử dụng trong thực nghiệm.

- Độ lệch chuẩn (δ) của trẻ trong nhóm TN ($\delta_1 = 1,6$) và nhóm ĐC ($\delta_2 = 1,9$) tỷ lệ chênh lệch giữa hai nhóm là 0,3 điểm. Nhóm ĐC có mức độ chênh lệch giữa các trẻ cao hơn nhóm TN.

Như vậy, sau TN tác động điểm số của trẻ nhóm TN đồng đều hơn so với nhóm ĐC. Hay nói cách khác mức độ phát triển ĐBAT của trẻ ở nhóm TN là tương đối đồng đều, trẻ đạt mức độ cao và TB tăng, không còn trẻ xếp loại thấp. Điều đó cũng có nghĩa là những biện pháp tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động LQVTPVH mà đề tài xây dựng đã tác động tích cực đối với việc giáo dục ĐBAT cho trẻ.

- Giá trị kiểm định:

Cả hai nhóm đều có số trẻ là $n = 20$. Áp dụng công thức T ta có $T = 3,346$.

Dùng bảng phân phối T- student ứng với $\alpha = 0,05$ ta có: $T_\alpha = 1,725$

So T với T_α ta thấy rằng: $T > T_\alpha$ là 1,621 nên sự khác biệt về điểm số của hai nhóm TN và ĐC sau TN là có ý nghĩa (với độ tin cậy 95%) hay nói cách khác là có sự khác biệt, nhóm TN đã có kết quả phát triển ĐBAT cao hơn và ổn định hơn so với nhóm ĐC.

3.2.6.2.2. Đánh giá theo mức độ từng bài tập của hai nhóm sau thực nghiệm

STN ở cả hai nhóm số trẻ đạt điểm ở mức độ cao đều tăng lên nhưng ở nhóm ĐC vẫn chỉ có 4 trẻ ở mức cao trong bài tập 1 và có 1 trẻ đạt mức cao trong bài tập 2 không tăng trẻ nào so với trước thực nghiệm mặc dù điểm của các cháu đã tăng, bài tập 3 có 6 cháu đạt mức độ cao(tăng 1 cháu so với TTN).

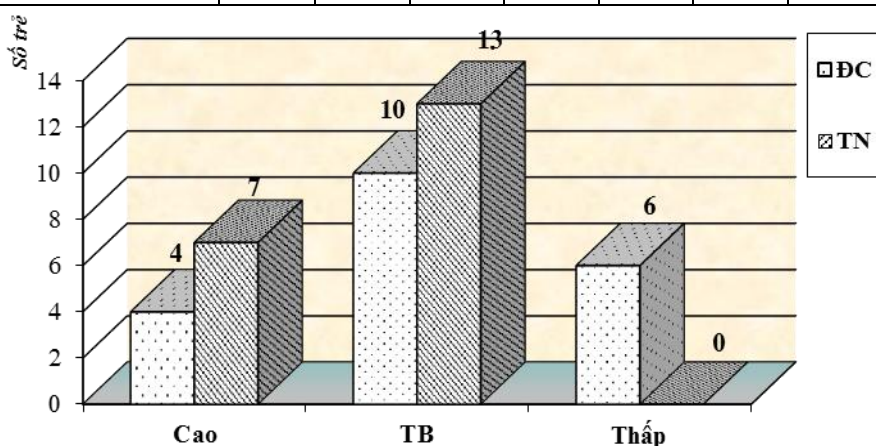
Nhóm TN đã có 7 trẻ đạt mức độ cao trong bài tập 1 (tăng 5 trẻ so với TTN), có 5 trẻ đạt mức độ cao trong bài tập 2 (tăng 3 trẻ so với TTN) và có 7 trẻ đạt mức độ cao ở bài tập 3 (tăng 2 trẻ so với trước thực nghiệm) trong đó cháu Nguyễn Bình Trọng đạt 16,2 điểm. Số trẻ đạt điểm ở mức độ TB nhóm TN đã tăng lên rõ rệt và không còn trẻ nào đạt ở mức độ thấp trong cả 3 bài tập.

Ở nhóm ĐC số trẻ đạt điểm mức độ TB đã tăng và chiếm đa số ở các bài tập và còn nhiều trẻ vẫn đạt điểm ở mức độ thấp ở bài tập 1 và bài tập 2.

* *Đánh giá mức độ phát triển nhận thức về ĐBAT của hai nhóm STN*

Bảng 3.3 So sánh mức độ phát triển nhận thức về ĐBAT của 2 nhóm STN

STT	Mức độ Nhóm trẻ	Cao		TB		Thấp		\bar{x}	δ
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	ĐC	4	20	10	50	6	30	3,6	1
2	TN	7	35	13	65	0	0	4,3	0,8



Biểu 3.3: Mức độ phát triển về nhận thức ĐBAT của 2 nhóm STN

Mức độ cao: Nhóm ĐC có 4 trẻ đạt mức độ này, chiếm 20%, nhóm TN có 7 trẻ, chiếm 35%. Các cháu đạt điểm từ 4,5- 5,75 điểm. Ở yêu cầu 1 hầu hết các

cháu ở cả 2 nhóm đạt điểm tối đa, các cháu đều trả lời rất nhanh và rõ ràng yêu cầu của cô. Với câu hỏi: “Chó con đã gặp nguy hiểm ở đâu?” thì tất cả các cháu đều trả lời rất tự tin là: “Ở trên đường phố.” Nhưng khi được hỏi: “Ngoài đường phố ra con còn biết những nơi nào có thể gây nguy hiểm thì một số cháu trả lời chưa đủ ý và suy nghĩ mất khá nhiều thời gian mới đưa ra được câu trả lời, vì thế các cháu chưa được điểm tối đa ở yêu cầu 1 như các cháu: Phạm Lê Tuấn Minh, Trần Hồng Phúc, Trần Thị Thúy Hạnh, và cháu Nguyễn Kim Anh đều ở nhóm TN. Ở yêu cầu đầu tiên, các cháu nhóm ĐC đều đạt được điểm tối đa nhưng ở nhóm TN thì một số cháu vẫn còn phải suy nghĩ nhiều và còn e rè khi đưa ra câu trả lời. Ở yêu cầu tiếp theo, hầu hết các cháu đạt 1,25 điểm. Chỉ có một số cháu trả lời rất tốt và đạt điểm tối đa đó là các cháu: Trần Hồng Phúc ở nhóm TN, cháu Nguyễn Thị Ngọc Lan, và cháu Trần Thị Kim Ngân. Với câu hỏi: “Chó con đã có hành động nguy hiểm nào trên đường?” các cháu đều trả lời tốt. Với câu hỏi: “Con hãy kể những việc làm có thể gây nguy hiểm ở trên đường/sông/ngòi/ao....?” Cháu Phạm Lê Tuấn Minh trả lời rất tốt: “chạy trên đường, đi bên trái đường, tắm dưới ao, nô nhau trên đường, lội xuống nước, bơi thuyền trên sông.” Một số cháu khi được cô gợi ý là: “Ở nhà mẹ cháu không cho cháu chơi ở những chỗ nào?” thì các cháu trả lời: không được lội xuống ruộng, không được trèo cây, không được lên tầng thượng chơi, không được nghịch ổ điện... Chứng tỏ các cháu ở mức độ này có trí nhớ rất tốt và hay được bố mẹ, người lớn nhắc nhở nên trẻ có những kiến thức về những nơi nguy hiểm khá là phong phú. Với yêu cầu 3, các cháu đạt điểm từ 0,5-1 điểm, trẻ ở nhóm TN trả lời tốt hơn trẻ ở nhóm ĐC. Cụ thể: Nhóm ĐC chỉ có cháu Nguyễn Thị Ngọc Lan đạt điểm tối đa, trong khi đó nhóm TN chỉ có cháu Trần Thúy Hạnh chưa đạt điểm tối đa là do khi trả lời câu hỏi 2 cháu phải suy nghĩ khá lâu và trả lời chưa tự tin, rút khoát thế nên cháu chỉ đạt 0,9 điểm, các cháu còn lại đều trả lời tự tin và không mất nhiều thời gian để đưa ra câu trả lời. Ở yêu cầu tiếp theo, 2 câu hỏi các cháu đều trả lời chưa được tốt và không có cháu nào đạt điểm tối đa ở yêu cầu 1 điểm này, cháu đạt điểm cao nhất ở yêu cầu này là cháu Trần Bình Trọng nhóm ĐC với 0,95 điểm, các cháu còn lại đạt từ 0,5- 0,85 điểm. Với câu hỏi 1: “Lòng

đường đáng sợ như thế nào đối với Chó con?” khi được cô gợi ý thì các cháu chỉ kể được là: bị ngã, bị xe cán, đập đầu xuống đường, bị chìm thuyền,... cháu trả lời được nhiều nhất là 4 ý, đó là các cháu: Trần Bình Trọng và cháu Trần Thúy Hạnh nhóm TN, các cháu còn lại chỉ kể được 2-3 ý khi cô đã trợ giúp. Khi được hỏi: “Con có thể gặp những điều gì nguy hiểm ở đường giao thông/sông ngòi/...” các cháu chỉ trả lời được một số ý như: bị chảy máu, bị đau, gãy chân tay, bị chết đuối, ngất xỉu. Khi được hỏi về ý nghĩa của việc ĐBAT ở những nơi có thể gây nguy hiểm chỉ có 5 trẻ/ 11 trẻ đạt điểm tối đa, có 2 cháu nhóm TN và 3 cháu ở nhóm ĐC. Khi được hỏi các cháu trả lời rất lưu loát là: “để đảm bảo an toàn cho mình, cho bố mẹ và mọi người xung quanh”. Cháu Trần Hồng Phúc chỉ trả lời được là: “Để đảm bảo an toàn”. Qua khảo sát nhận thức của trẻ về ĐBAT thì các cháu ở mức độ cao có nhận thức khá tốt về việc đảm bảo an toàn ở những nơi có thể gây nguy hiểm. Hầu hết các cháu trả lời rất tốt các câu hỏi về những nơi nguy hiểm và những hành động nguy hiểm ở những nơi đó, tuy nhiên các cháu chưa nhận thức đầy đủ về những tình huống nguy hiểm và những mối nguy hiểm có thể xảy ra ở những nơi nguy hiểm đó. Chưa đến ½ số cháu nhận thức tốt về ý nghĩa của việc cần phải đảm bảo an toàn ở những nơi có thể gây nguy hiểm.

Mức độ trung bình: Nhóm ĐC có 10 trẻ, chiếm 50%, nhóm TN có 13 trẻ, đạt 65% như vậy mức độ trung bình chiếm đa số trẻ của nhóm TN. Các cháu đạt điểm từ 3- 4,45 điểm, cháu đạt điểm cao nhất ở mức độ này là cháu Hoàng Thị Nhung ở nhóm ĐC, đạt 4,45 điểm. Các cháu ở mức độ này hầu hết có nhận thức khá tốt về nơi nguy hiểm. Khi được hỏi, các cháu có thể tự trả lời được 2-3 ý tùy câu hỏi, và có thể kể thêm được một số ý khi được cô hỗ trợ. Ở yêu cầu 1 không có cháu nào đạt điểm tối đa, các cháu chỉ đạt từ 0,75- 1,25 điểm. Các cháu đạt 0,25 điểm ở câu hỏi này là Nguyễn Kiều Trang, Hoàng Thị Nhung ở nhóm ĐC, và các cháu Đinh Thùy Linh, Nguyễn Thành Tài nhóm TN, các cháu này trả lời rất tốt câu hỏi 1 nhưng đến câu hỏi 2 thì sau khi gợi ý các cháu chỉ kể được 3-4 ý nên các cháu chưa đạt điểm tối đa ở yêu cầu này. Cháu đạt điểm cao nhất ở yêu cầu 2 là cháu Hoàng Thị Nhung ở nhóm ĐC với 1,25 điểm vì cháu trả lời tốt câu hỏi 1 và trả lời được 4 ý ở câu hỏi 2, trong khi đó các cháu ở cùng mức độ chỉ kể

được từ 2-3 ý. Ở yêu cầu 3 không có cháu nào đạt điểm tối đa, điểm cao nhất ở yêu cầu này cũng là mức 0,8 điểm. Có cháu chỉ đạt 0,25 điểm ở yêu cầu 3 đó là cháu Nguyễn Duy Khánh ở nhóm ĐC vì cháu không chú ý nên câu hỏi: “Chuyện gì đã xảy ra khi Chó con chơi bóng ở trên đường trên đường?” thì cháu chưa trả lời được, đến câu hỏi 2: “Con có thể gặp những tình huống nguy hiểm nào khi chơi trên đường/ ao hồ/...?” thì cháu chỉ trả lời được là: bị rơi xuống nước, bị xe tông thế nên cháu chỉ đạt 0,25 điểm ở câu hỏi 1 điểm. Ở nhóm TN các cháu đạt từ 0,55 điểm trở lên ở câu hỏi này. Nhìn chung các cháu ở nhóm TN trả lời yêu cầu thứ 3 tốt hơn các cháu ở nhóm ĐC, một số cháu ở nhóm TN trả lời yêu cầu này tốt hơn một số cháu đạt mức độ cao như các cháu: Trần Như Quỳnh, Lê Phương Nhi, Phạm Anh Quân, Nguyễn Thành Tài, các cháu không cần cô gợi ý quá nhiều để đưa ra câu trả lời. Câu hỏi về các mối nguy hiểm có thể xảy ra, cả hai nhóm không có cháu nào đạt điểm tối đa, các cháu đạt điểm từ 0,5- 0,75 điểm. Chúng tôi câu hỏi suy luận về những mối nguy hiểm khi ở những nơi có thể gây nguy hiểm còn khá là khó khăn đối với trẻ ở mức độ này. Câu hỏi cuối cùng về ý nghĩa của việc đảm bảo an toàn ở những nơi nguy hiểm thì có 1 cháu duy nhất đạt điểm tuyệt đối đó là cháu Phạm Thị Phương Diệp nhóm ĐC, cháu Hoàng Thị Nhung đạt 0,8 điểm, các cháu còn lại ở nhóm ĐC chỉ đạt từ 0,25- 0,5 điểm. Cũng ở câu hỏi này ở nhóm TN không có cháu nào đạt điểm tối đa nhưng các cháu đều đạt mức từ 0,4- 0,65 điểm. Nhận thức của trẻ về ĐBAT ở những nơi nguy hiểm đã có nhưng chưa phong phú và trẻ không tự mình kể ra được mà cần phải có sự trợ giúp của cô.

Mức độ thấp: Nhóm ĐC có 6 trẻ chiếm 30%, trong khi đó nhóm TN không còn trẻ nào đạt mức độ này. Cháu đạt thấp điểm nhất là cháu Nguyễn Tiến Mạnh đạt 2,5 điểm, các cháu còn lại đạt điểm từ 2,75- 2,85 điểm. Với câu hỏi: “Chó con đã gặp nguy hiểm ở đâu?” cháu Nguyễn Hoàng Nguyên không trả lời được cho đến khi cô gợi ý, đến câu hỏi thứ 2: “Ngoài lòng đường ra con còn biết những nơi nào có thể gây nguy hiểm?” cháu chỉ kể được là: ao, hồ. Các cháu còn lại phải suy nghĩ khá lâu khi được hỏi câu hỏi về nội dung truyện, với câu hỏi liên hệ thì các cháu cũng chỉ kể được 2 nơi nguy hiểm khi có sự trợ giúp của cô. Yêu cầu 2 các cháu trả

lời kém hơn, có 3 cháu đạt 0,5 điểm, 2 cháu đạt 0,75 điểm và 1 cháu đạt 0,8 điểm đó là cháu Nguyễn Thị Thanh Thúy. Ở yêu cầu 3 và yêu cầu 4 các cháu chỉ trả lời được $\frac{1}{2}$ của yêu cầu, tổng điểm của 2 yêu cầu các cháu chỉ đạt 1-1,25 điểm. Điều này cho thấy các cháu ở mức độ này có nhận thức về ĐBAT ở những nơi có thể gây nguy hiểm còn kém, các cháu hầu như chỉ trả lời tốt ở câu hỏi liên quan đến nội dung truyện, và câu hỏi nhận biết những nơi có thể gây nguy hiểm chứ chưa trả lời được những tình huống nguy hiểm và những mối nguy hiểm khi ở những nơi có thể gây nguy hiểm.

Điểm trung bình: nhóm ĐC đạt 3,6 điểm, nhóm TN đạt 4,3 điểm. Như vậy nhóm TN cao hơn nhóm ĐC là 0,7 điểm. Cả hai nhóm đều có điểm trung bình chung ở mức độ trung bình của thang đánh giá. Tuy nhiên nhóm TN có điểm chung bình chung ở gần mức độ cao hơn so với nhóm ĐC.

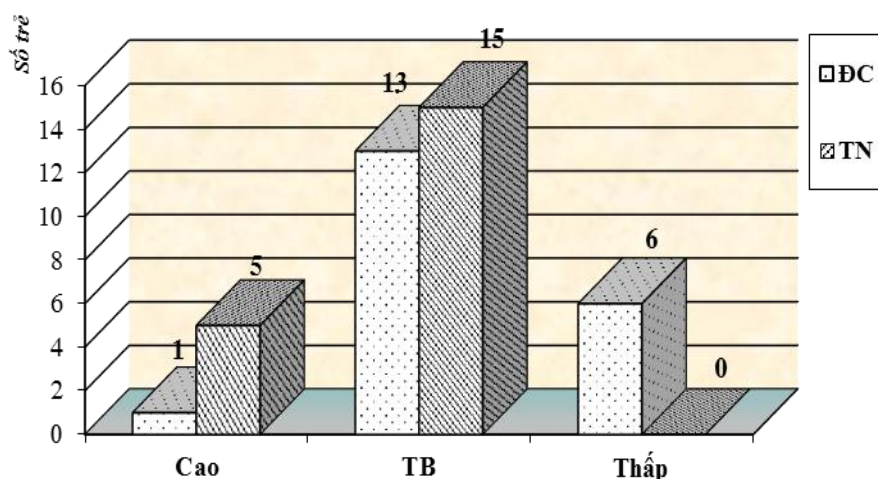
Độ lệch chuẩn: nhóm ĐC có độ lệch chuẩn là 1 điểm, trong khi đó nhóm TN có độ lệch chuẩn là 0,8 điểm, như vậy nhóm TN có độ lệch chuẩn thấp hơn nhóm ĐC là 0,2 điểm. Chứng tỏ STN, nhóm nhận thức của trẻ nhóm TN đồng đều hơn trẻ ở nhóm ĐC.

Qua bài tập cho thấy STN trẻ ở hai nhóm đều tăng mức độ nhận thức về việc ĐBAT ở những nơi nguy hiểm. Đối với nhóm TN có số lượng trẻ đạt mức độ cao đã tăng so với TTN, và cao hơn so với nhóm ĐC là 15%, đa số trẻ đạt mức độ trung bình, và đặc biệt không còn trẻ nào đạt mức độ thấp. Trong khi đó, ở nhóm ĐC, số trẻ đạt mức độ cao vẫn giữ nguyên, mức độ thấp giảm 3 trẻ so với TTN, các trẻ có nhận thức về việc ĐBAT ở những nơi có thể gây nguy hiểm chưa đồng đều, mức độ cao còn ít và mức độ thấp vẫn còn khá nhiều.

* *Đánh giá mức độ phát triển kỹ năng ĐBAT của hai nhóm sau thực nghiệm*

Bảng 3.4 So sánh mức độ phát triển kỹ năng về ĐBAT của 2 nhóm STN

STT	Nhóm trẻ	Mức độ		Cao		TB		Thấp		\bar{x}	δ
		SL	%	SL	%	SL	%				
1	ĐC	1	5	13	65	6	30	3,1	0,6		
2	TN	5	25	15	75	0	0	4	0,5		



Biểu 3.4: Mức độ phát triển về kỹ năng ĐBAT của 2 nhóm STN

Chúng tôi đánh giá mức độ phát triển kỹ năng ĐBAT về những nơi có thể gây nguy hiểm của nhóm ĐC và nhóm TN theo 3 mức độ: Cao, trung bình và thấp thông qua cho trẻ xem video “Dép cho nhà tắm”. Từ hệ thống bài tập khảo sát kỹ năng của trẻ về những nơi có thể gây nguy hiểm trong phụ lục 2 chúng tôi thu được kết quả khảo sát như sau:

Mức độ cao: Nhóm ĐC có 1 trẻ, chiếm 5%, trong đó nhóm TN có tới 5 trẻ và chiếm 25%. Cháu duy nhất đạt ở mức độ này của nhóm TN đó là cháu Nguyễn Thị Ngọc Lan cháu đạt 4,5 điểm. Các cháu ở nhóm TN đạt từ 4,65- 5,1 điểm, đó là các cháu: Nguyễn Đỗ Khánh Phương (5,1 điểm), Phạm Lê Tuấn Minh (4,8 điểm), Trần Bình Trọng (4,75 điểm), Phạm Anh Quân (4,7 điểm), Nguyễn Trúc Linh (4,65 điểm). Ở yêu cầu thứ nhất, chỉ có cháu Phạm Anh Quân ở nhóm TN đạt 0,95 điểm do cháu trả lời chưa tự tin và phải suy nghĩ khá lâu nên mặc dù trả lời được hết các câu hỏi nhưng cháu vẫn không đạt điểm tối đa. Các cháu còn lại đều đạt điểm tối đa do có câu trả lời rất nhanh và tự tin. Ở yêu cầu 2 chỉ có cháu Nguyễn Trúc Linh ở nhóm TN đạt điểm tối đa, khi được hỏi, cháu trả lời rất nhanh, cô chỉ cần gợi ý một chút là cháu có thể trả lời được. Các cháu còn lại trả lời còn thiếu nên chỉ đạt từ 1,5- 1,85 điểm, cháu Nguyễn Thị Ngọc Lan chỉ đạt 1,5 điểm là do cháu kể thiếu ý: Bo kêu cứu, khi trả lời cháu không tập trung cho lắm, khi được cô nhắc nhở cháu mới trả lời. Khi được hỏi: “Tại sao Bo lại bị trượt ngã?” cháu Nguyễn Thị Ngọc Lan ở nhóm ĐC lại là cháu đạt điểm tuyệt đối vì

cháu đã nhớ video rất tốt, các cháu còn lại chỉ đạt 0,9 điểm do các cháu không nhớ ý: “Vì Bo chạy nhanh” sau khi cô gợi ý là Bo còn nói thêm một điều gì nữa lúc Bo nói chuyện với mẹ về nguyên nhân tại sao Bo bị ngã thì các cháu trả lời được. Ở yêu cầu cuối cùng là câu hỏi về liên hệ bản thân các cháu đều trả lời chưa tốt, các cháu đạt điểm từ 0,75- 1,35 điểm, cháu đạt điểm thấp nhất là cháu Nguyễn Trúc Linh ở nhóm TN với 0,75 điểm cháu chỉ trả lời được 4 ý của câu hỏi từ nội dung video. Các cháu: Phạm Lê Tuấn Minh và Nguyễn Đỗ Khánh Phương ở nhóm TN đạt 1,35 điểm. Những cháu này có kỹ năng về ĐBAT ở những nơi nguy hiểm khá tốt, các cháu có thể đề xuất những hành vi ĐBAT ở những nơi có thể gây nguy hiểm cho bản thân cả cho mọi người xung quanh phù hợp với độ tuổi.

Mức độ trung bình: Các cháu đạt điểm từ 3- 4,2 điểm. Nhóm ĐC có 12 cháu đạt 60%, nhóm TN có 15 cháu đạt 70%. Như vậy mức độ trung bình chiếm đa số trẻ ở cả 2 nhóm. Nhìn chung trẻ ở nhóm TN đạt điểm chung bình cao hơn trẻ nhóm ĐC ở cùng mức độ này, các cháu ở nhóm TN đạt điểm từ 3,45- 4,2 điểm trong khi đó các cháu ở nhóm ĐC chỉ đạt 3-4 điểm. Ở yêu cầu 1, các cháu nhóm ĐC trả lời khá tốt, có 7 cháu đạt điểm tuyệt đối. Những cháu này có câu trả lời rất tốt và không cần cô phải gợi ý nhiều. Trong khi đó các cháu ở nhóm TN chỉ đạt điểm từ 0,7- 0,95 điểm và không có cháu nào đạt điểm tối đa ở yêu cầu này do các cháu phải suy nghĩ khá lâu và cô phải gợi ý các cháu mới trả lời được. Ở yêu cầu 2, các cháu nhóm TN thực hiện tốt hơn các cháu ở nhóm ĐC. Cụ thể: các cháu nhóm TN đạt điểm từ 1,3- 1,6 điểm, trong khi đó các cháu ở nhóm ĐC chỉ đạt 0,75-1,5 điểm. Một số cháu chỉ trả lời được 2/5 ý như các cháu: Nguyễn Minh Hiếu, Hoàng Thị Nhung, các cháu chỉ đạt từ 0,75 điểm ở câu hỏi 2 điểm, 2 cháu này trong quá trình cô hỏi các cháu không chú ý làm cô phải nhắc nhở nhiều, và 2 cháu chỉ đạt 3 điểm ở bài tập này. Ở nhóm TN có 2 cháu thực hiện rất tốt yêu cầu này, đó là các cháu: Trần Hồng Phúc, Trần Thị Thúy Hạnh, 2 cháu đều đạt 1,6 điểm. Tuy chưa đạt điểm tuyệt đối vì trả lời còn thiếu ý nhưng các cháu không mất nhiều thời gian để đưa ra câu trả lời của mình như các bạn ở cùng mức độ. Đến yêu cầu 3 là 1 điểm với câu hỏi là: “Tại sao Bo lại bị trượt ngã?” đa số các cháu ở nhóm ĐC đạt 0,5 điểm, chỉ có 4 cháu đạt 0,75 điểm.

Trong khi đó nhóm TN chỉ có 1 cháu đạt 0,75 điểm đó là cháu Đinh Thùy Linh, còn lại toàn bộ các cháu đều đạt 0,65 điểm. Chứng tỏ các cháu ở nhóm TN có kỹ năng về ĐBAT đồng đều hơn trẻ ở nhóm ĐC. Cuối cùng là câu hỏi liên hệ, các cháu đạt điểm từ 0,5 - 1 điểm, những cháu đạt 0,5 điểm là những cháu chỉ kể được 2-3 ý đúng có sự trợ giúp của giáo viên, khả năng liên hệ của các cháu còn chưa cao. Cháu đạt điểm cao nhất ở yêu cầu này là cháu Trần Gia Bảo (1,25 điểm) do cháu trả lời tốt và chỉ thiếu 1-2 ý của yêu cầu. Trẻ cũng nói được một số cách thức để không xảy ra tai nạn ở những nơi có thể gây nguy hiểm, tuy nhiên cần có sự gợi ý, trợ giúp của cô. Chứng tỏ trẻ ở mức độ này cũng có kỹ năng khá tốt về ĐBAT ở những nơi có thể gây nguy hiểm, tuy nhiên cần phải có sự hỗ trợ của cô giáo để giúp trẻ khơi lại kỹ năng ĐBAT đã có sẵn của mình.

Mức độ thấp: Nhóm TN không còn cháu nào đạt mức độ thấp, trong khi đó nhóm ĐC còn 6 cháu chiếm 30%. Hầu hết các cháu trả lời yêu cầu của cô còn kém, mặc dù cô gợi ý rất nhiều. Những cháu ở mức độ này điểm chỉ đạt từ 2- 2,85 điểm, đa số các cháu đạt 2 điểm, hoặc 2,5 điểm. Cháu duy nhất đạt 2,85 điểm là cháu Nguyễn Huy Long, khi trả lời cháu không mất nhiều thời gian để suy nghĩ như các bạn cùng mức độ. Ở yêu cầu đầu tiên, cháu Nguyễn Huy Long đạt 0,75 điểm, các cháu còn lại chỉ đạt 0,5 điểm do các cháu chỉ trả lời được là: Bị tai nạn trong nhà tắm và Bị trượt ngã. Ở yêu cầu 2 các cháu đạt từ 0,75- 1 điểm. Cháu Nguyễn Thu Thủy khi được hỏi: “Khi bị ngã Bị đã làm gì?” cháu chỉ trả lời được là: đi gọi mẹ, sau khi cô gợi ý và được các bạn nhắc thì cháu trả lời được thêm là: “đi dép cao su” nhưng còn ngập ngừng rất lâu nên cháu chỉ được 0,5 điểm. Những cháu đạt 1 điểm là những cháu trả lời được 2 ý, có cháu trả lời được 3 ý khi được cô gợi ý thêm. Khi được hỏi: “Tại sao Bị trượt ngã?” tất cả các cháu đều trả lời được 2 ý là: vì Bị đi dép trơn và sàn nhà có nước khi đã được cô gợi ý nhiều, không có cháu nào trả lời được nguyên nhân thứ ba là do Bị chạy nhanh, vì thế các cháu chỉ đạt ½ số điểm của yêu cầu. Ở câu hỏi liên hệ cuối cùng, các cháu đều trả lời rất kém, chỉ có 2 cháu đạt 0,75 điểm, còn lại các cháu chỉ đạt 0,5 điểm cho câu hỏi 2 điểm. Nhìn chung các cháu đạt mức độ này có kỹ năng về ĐBAT ở những nơi có thể gây nguy hiểm còn kém, một phần cũng do

việc giáo dục về ĐBAT chưa gây được hứng thú ở trẻ làm trẻ chưa tập trung, một phần do khả năng nhận thức của trẻ cũng chưa cao.

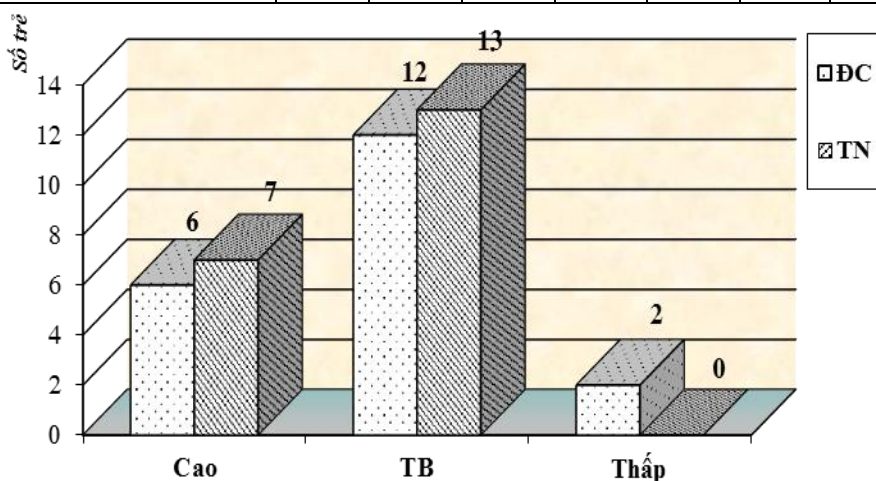
Điểm trung bình: Nhóm ĐC đạt 3,1 điểm, nhóm TN đạt 4 điểm ở bài tập này. Như vậy nhóm TN cao hơn nhóm ĐC 0,9 điểm, trẻ ở nhóm TN có kĩ năng về ĐBAT ở những nơi có thể gây nguy hiểm tốt hơn trẻ ở nhóm ĐC nhưng cả 2 nhóm vẫn ở mức độ trung bình của thang đánh giá.

Độ lệch chuẩn: nhóm ĐC là 0,6 điểm, nhóm TN là 0,5 điểm cho thấy trẻ ở nhóm TN có kĩ năng ĐBAT ở những nơi có thể gây nguy hiểm đồng đều hơn trẻ ở nhóm ĐC. Cả 2 nhóm đều có mức độ chênh lệch thấp.

3.2.6.2.2.c *Đánh giá mức độ phát triển thái độ về đảm bảo an toàn của hai nhóm sau thực nghiệm*

Bảng 3.5 So sánh mức độ phát triển thái độ về ĐBAT của 2 nhóm STN

STT	Nhóm trẻ	Cao		TB		Thấp		\bar{x}	δ
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	ĐC	6	30	12	60	2	10	4,2	0,6
2	TN	7	20	13	80	0	0	4,3	0,5



Biểu 3.5: *Mức độ phát triển về thái độ ĐBAT của 2 nhóm STN*

Một điều dễ thấy khi nhìn vào bảng 3, đó là đa số trẻ đạt mức độ trung bình, số trẻ đạt mức độ cao chưa nhiều, tuy nhiên chỉ còn 2 cháu đạt mức độ thấp ở nhóm ĐC. Điều đó cho thấy trẻ ở cả 2 nhóm đều có thái độ tốt về ĐBAT cho bản thân và mọi người. Cụ thể:

Mức độ cao: Nhóm ĐC có 6 cháu đạt mức độ này, chiếm 30% số trẻ. Nhóm TN có 7 cháu đạt mức độ này, tức là chiếm 35% số trẻ. Các trẻ này có thái độ rất tích cực trong việc ĐBAT ở những nơi nguy hiểm cho cả bản thân và những người xung quanh, cảm phục, tôn trọng người giúp đỡ và sẵn lòng giúp đỡ người gặp nạn. Các cháu đạt điểm từ 4,5- 5,75 điểm, nhìn chung trẻ ở 2 nhóm ở mức độ này có thái độ tích cực đối với việc ĐBAT là tương đương nhau. Một số cháu đạt điểm khá cao như: cháu Trần Bình Trọng đạt 5,75 điểm và cháu Phạm Lê Tuấn Minh đạt 5 điểm ở nhóm TN, cháu Nguyễn Thị Ngọc Lan đạt 5,3 điểm, cháu Trần Kim Ngân đạt 5 điểm ở nhóm ĐC. Khi được hỏi: “Con cảm thấy thế nào khi chó con chơi bóng ngoài đường?” Một số cháu đạt điểm tối đa như: cháu Trần Bình Trọng , Phạm Lê Tuấn Minh và cháu Nguyễn Đỗ Khánh Phương ở nhóm TN, chỉ duy nhất cháu Nguyễn Thị Ngọc Lan ở nhóm ĐC đạt điểm tuyệt đối ở câu hỏi này. Ở yêu cầu 2, các cháu đạt điểm từ 1,2 đến 2 điểm, có 2 cháu đạt điểm tuyệt đối đó là Trần Bình Trọng và cháu Trần Tuấn Kiệt ở nhóm ĐC, 2 cháu này trả lời rất rõ ràng và tự tin, các cháu còn lại nói ra được rất ít suy nghĩ và thái độ của mình khi thấy Chó con gặp nạn. Khi được hỏi: “Nếu bạn bè, người thân con không may gặp nạn con cảm thấy thế nào?” cháu Nguyễn Thị Ngọc Lan trả lời rất tốt: cháu thấy buồn, lo lắng, chán, thương, sợ hãi. Các cháu còn lại chỉ nói ra được 3-4 cảm xúc khi được cô gợi ý nên chưa đạt điểm tuyệt đối ở yêu cầu này. Yêu cầu cuối cùng nhìn chung các cháu nhóm TN trả lời tốt hơn các cháu ở nhóm ĐC. Ở nhóm TN chỉ có 1 cháu đạt 1,55 điểm ở yêu cầu này còn lại các cháu đạt 1,75 điểm, đặc biệt cháu Trần Bình Trọng đạt điểm tối đa. Nhóm ĐC cũng có 1 cháu đạt điểm tối đa đó là cháu Trần Gia Bảo, còn lại các cháu đạt từ 0,5- 0,8 điểm. Với câu hỏi: “Con thấy bác lái xe giúp đỡ Chó con như vậy là đúng hay sai? Tại sao?” việc giải thích tại sao khá là khó khăn đối với một số cháu ở mức độ này như cháu: Nguyễn Thị Như Quỳnh, hay cháu Trần Tuấn Kiệt ở nhóm ĐC nên các cháu chỉ đạt 0,5 điểm ở yêu cầu này. Nhìn chung những trẻ đạt mức độ này có thái độ rất tích cực đối với việc ĐBAT ở những nơi có thể gây nguy hiểm. Các cháu đều có mong muốn giúp đỡ người bị nạn, có những cảm xúc tích cực và phong phú khi người khác gặp nguy hiểm, biest

yêu quý và kính phục người giúp đỡ. Một số cháu ở nhóm TN có cảm xúc phong phú hơn trẻ ở nhóm ĐC.

Mức độ trung bình: Chiếm đa số trẻ ở 2 nhóm. Nhóm ĐC có 12 trẻ chiếm 60% số trẻ, nhóm TN có 13 trẻ chiếm 65% tổng số trẻ. Trẻ đạt điểm từ 3,75- 4,3 điểm, cháu đạt 4,3 đó là: Nguyễn Bảo Nam ở nhóm TN. Ở mức độ này, trẻ cũng có những thái độ rất tích cực đối với việc ĐBAT ở những nơi nguy hiểm. Tuy nhiên, trẻ không tự nói ra được nhưng suy nghĩ của mình mà phải nhờ sự hỗ trợ của giáo viên. Ở các yêu cầu đều không có cháu nào đạt điểm tuyệt đối. Các cháu chỉ thể hiện được từ 2-3 cảm xúc tích cực. Ví dụ như ở câu hỏi: “Con nghĩ gì khi cho con gặp nạn?” ở yêu cầu 2, các cháu chỉ nói được là lo lắng, thương, có cháu Nguyễn Bảo Nam ở nhóm TN được cô gợi ý thì cháu trả lời được thêm một cảm xúc là buồn nên cháu đạt 1,5 điểm. Ở câu hỏi: “Con thấy bác lái xe giúp đỡ Chó con như vậy là đúng hay sai? Vì sao?” hầu hết các cháu chưa giải thích được, cháu Nguyễn Thành Tài ở nhóm TN giải thích là “vì bạn chó con bị tai nạn đau không đi lại được nên bác lái xe đạp phải giúp chó con vào lề đường cho an toàn” nên cháu được 0,75 điểm ở câu hỏi này. Hầu hết các cháu ở mức độ này đã có những cảm xúc và thái độ rất tích cực đối với việc ĐBAT ở những nơi có thể gây nguy hiểm, Tuy nhiên các cháu chưa thể tự nói ra được cảm xúc của mình nếu không có sự trợ giúp và gợi ý của cô, hầu hết các cháu đều mất khá nhiều thời gian để suy nghĩ và đưa ra câu trả lời, hơn nữa việc trả lời còn chur tự tin và rút khoát nên các cháu đạt điểm còn chưa cao.

Mức độ thấp: Nhóm TN không có trẻ nào đạt mức độ thấp, nhóm ĐC có 2 trẻ chiếm 10%. Đó là các cháu: Nguyễn Phú Trọng (2,85 điểm) và Nguyễn Huy Long(2,5 điểm). Trong quá trình khảo sát, hai cháu này không chú ý vào câu hỏi của cô nên chỉ trả lời được một số yêu cầu của cô do các bạn nhắc. Khi được cô gợi ý rất nhiều thì các cháu cũng trả lời được 1 đến 2 ý. Ví dụ như ở yêu cầu 2, cháu Nguyễn Huy Long chỉ đạt 1 điểm còn cháu Nguyễn Phú TRọng đạt 1,25 điểm. Hay ở yêu cầu 3, cháu Nguyễn Phú Trọng chỉ đạt 0,35 điểm vì cháu không chú ý câu hỏi của cô nên cô phải nhắc lại câu hỏi nhiều lần cháu mới chịu trả lời. Qua các điểm số ở các yêu cầu của cô đưa ra cho thấy cháu Nguyễn Huy Long và

cháu Nguyễn Phú Trọng có thái độ về ĐBAT ở những nơi có thể gây nguy hiểm còn kém, GV cần chú ý giáo dục trẻ thường xuyên hơn để trẻ có những thái độ tích cực đối với việc ĐBAT, hơn nữa cần có những biện pháp gây được hứng thú khi GD nội dung này để các cháu tập trung chú ý hơn.

Điểm trung bình: nhóm ĐC là 4,2 điểm, nhóm TN là 4,3 điểm. ĐTB của nhóm TN cao hơn nhóm ĐC là 0,1 điểm. Tuy 2 nhóm chênh lệch nhau về điểm số không nhiều nhưng qua các mức độ cho thấy trẻ ở nhóm TN có thái độ tốt hơn trẻ ở nhóm ĐC, đặc biệt nhóm ĐC còn 2 trẻ đạt mức độ thấp ở bài tập này.

Độ lệch chuẩn: trẻ ở cả 2 nhóm đều không có sự chênh lệch nhiều ở bài tập này. Nhóm ĐC là 0,6 điểm, nhóm TN là 0,5 điểm. Trẻ ở nhóm TN có thái độ về ĐBAT ở những nơi có thể gây nguy hiểm đồng đều hơn trẻ ở nhóm ĐC.

Kết quả khảo sát mức độ phát triển về ĐBAT của trẻ 5 – 6 tuổi cho thấy bài tập về thái độ ĐBAT của cả 2 nhóm đều đạt kết quả cao nhất, cao hơn mức độ về nhận thức và thấp nhất là bài tập kỹ năng về ĐBAT. Chính vì thế mà tổng hợp lại bài tập 3 mức độ về thái độ ĐBAT đạt kết quả cao hơn so với bài tập 1 mức độ nhận thức về ĐBAT và đạt kết quả thấp nhất đó là bài tập 2 mức độ thực hiện kỹ năng ĐBAT do trẻ chưa có đủ kiến thức, hiểu biết về ĐBAT.

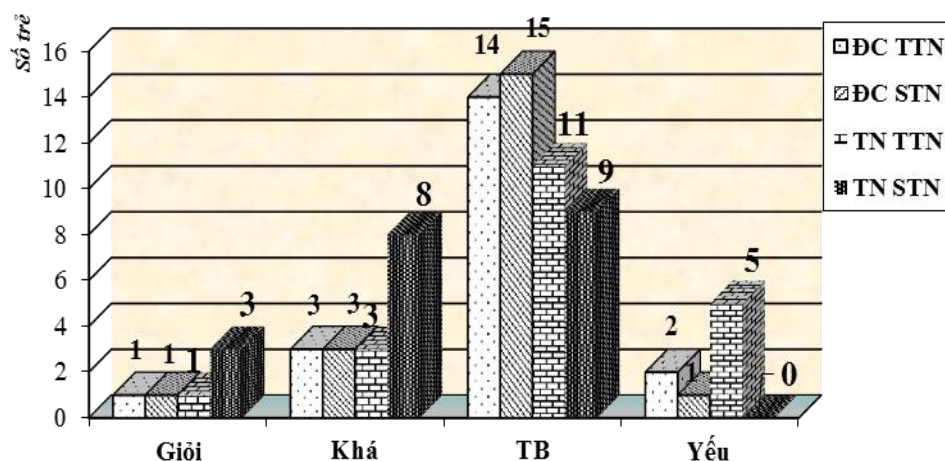
Qua kết quả trên cũng cho thấy trẻ ở nhóm Tn có nhiều cháu đạt mức độ cao, và cũng có ít trẻ đạt mức độ thấp hơn nhóm ĐC, chứng tỏ STN hiểu biết về việc ĐBAT của trẻ nhóm TN cao hơn và đồng đều hơn trẻ ở nhóm ĐC

Như vậy, STN thì ĐBAT của 2 nhóm đã có sự khác biệt: Trẻ nhóm TN có mức độ phát triển khả năng ĐBAT tốt và đồng đều hơn so với trẻ nhóm ĐC.

3.2.6.2.3. So sánh mức độ phát triển ĐBAT của trẻ trước và sau thực nghiệm

Bảng 3.6: Xếp loại mức độ phát triển khả năng ĐBAT của trẻ TTN và STN

Xếp loại		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		\bar{X}	δ
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Đối chứng	TTN	1	5	3	15	14	70	2	10	10,4	1,8
	STN	1	5	3	15	15	75	1	5	10,8	1,9
Thực nghiệm	TTN	1	5	3	15	11	55	5	25	10,4	2
	STN	3	15	8	40	9	45	0	0	12,6	1,6



Biểu 3.6 : Xếp loại mức độ phát triển ĐBAT của trẻ TTN và STN

- *Mức độ giỏi:* TTN cả 2 nhóm đều có 5% trẻ đạt loại này. Sau TN, loại cao của nhóm ĐC vẫn giữ nguyên nhưng nhóm TN tăng lên 15% hơn nhóm ĐC 10%. Trẻ có các kiến thức khá đầy đủ về việc ĐBAT: Biết những nơi có thể gây nguy hiểm, những hành động nguy hiểm, những tình huống nguy hiểm, những mối nguy hiểm có thể xảy ra và ý nghĩa của việc ĐBAT. Những trẻ ở mức độ này biết đề xuất để thực hiện một số kỹ năng ĐBAT ở những nơi có thể gây nguy hiểm. Trẻ có những thái độ và cảm xúc tích cực đối với việc ĐBAT, biết cảm thông, chia sẻ và giúp đỡ người bị nạn, biết ơn và quý trọng đối với người giúp đỡ. Nhóm ĐC có cháu Nguyễn Thị Ngọc Lan xếp loại giỏi vì đều đạt mức độ cao qua các bài tập, song điểm số của các cháu đạt mức thấp hơn kết quả của cháu Trần Bình Trọng ở nhóm TN. Do các cháu ở nhóm TN có các kiến thức về ĐBAT đầy đủ và chính xác hơn, đề xuất được những kỹ năng tốt hơn, và thái độ về ĐBAT phong phú hơn đối với các cháu ở nhóm ĐC.

Mức độ khá: Nhóm ĐC vẫn giữ nguyên là 15%, nhóm TN tăng 5 trẻ so với TTN và đạt 40%. Các cháu ở mức độ này có nhận thức khá tốt về ĐBAT ở những nơi có thể gây nguy hiểm, nhận biết được ý nghĩa của việc ĐBAT ở những nơi có thể gây nguy hiểm, có khả năng đề xuất và thực hiện một số hành vi ĐBAT khi được cô giáo gợi ý và trợ giúp, có thái độ và cảm xúc khá là tích cực đối với việc ĐBAT.

- *Mức độ TB:* nhóm TN sau thực nghiệm giảm số trẻ đạt mức TB so với trước thực nghiệm 2 trẻ và ĐC tăng 1 trẻ và chiếm 75% số trẻ. Trẻ ở mức TB chiếm đa số trẻ ở nhóm ĐC. Ở nhóm TN, trẻ ở mức TB giảm đi và trẻ mức khá,

giỏi tăng lên. Những trẻ ở mức độ này đã có những nhận thức về ĐBAT ở những nơi có thể gây nguy hiểm nhưng còn chưa đầy đủ và không tự mình nói ra được mà cần phải có sự trợ giúp của cô. Kỹ năng về ĐBAT của trẻ cũng chưa được tốt cho lắm, trẻ cũng chưa có thái độ tích cực về ĐBAT. Một số cháu có nhận thức, hay kỹ năng, hoặc thái độ về việc ĐBAT ở mức độ thấp.

Mức độ yếu: Cả 2 nhóm đều giảm số trẻ xếp loại thấp. Sau TN, nhóm TN không còn trẻ xếp loại thấp, nhóm ĐC giảm 5% số trẻ xếp loại thấp so với trước TN. Điều này cho thấy tác động giáo dục có ảnh hưởng tích cực nhất định đến sự phát triển khả năng ĐBAT của trẻ, nhóm trẻ được tác động có khả năng cao hơn, tiến bộ hơn hẳn so với nhóm chưa nhận được sự tác động.

Về điểm TBC và độ chênh lệch giữa các trẻ của cả hai nhóm trước và sau thực nghiệm.

- Nhóm ĐC có sự gia tăng về điểm TBC của ba bài tập theo 3 tiêu chí đánh giá, trước TN nhóm này đạt điểm TBC là 10,5 điểm còn sau TN là 10,8 điểm, đã có sự gia tăng về điểm số nhưng không đáng kể tăng 0,3 điểm so với trước thực nghiệm; độ chênh lệch giữa các trẻ cũng có sự thay đổi, sau TN độ lệch chuẩn của các trẻ nhóm ĐC là 1,9 điểm tăng hơn trước TN là 0,1 điểm. Điều này chứng tỏ rằng sự chênh lệch giữa các trẻ nhóm ĐC còn quá cao STN.

- Nhóm TN có sự gia tăng về điểm TBC của hai bài tập theo 2 tiêu chí đánh giá, trước TN nhóm này đạt điểm TBC là 10,4 điểm còn sau TN là 12,6 điểm tăng 2,2 điểm so với TTN; độ chênh lệch giữa các trẻ cũng có sự thay đổi theo hướng tích cực, STN độ lệch chuẩn của các trẻ nhóm TN giảm hơn trước thực nghiệm là 0,4 điểm. Tuy việc đánh giá trẻ không quá chú trọng vào kết quả độ lệch chuẩn song đây cũng là một kết quả tốt, vì giữa các trẻ không quá chênh lệch về điểm, nói cách khác là ở nhóm này mức độ phát triển khả năng ĐBAT khá đồng đều và đạt mức cao hơn.

Như vậy, sử dụng hợp lý TPVH vào các hoạt động giáo dục ĐBAT thì khả năng ĐBAT của trẻ được phát triển và củng cố chắc chắn hơn. Điều này chứng tỏ rằng các biện pháp tích hợp GD ĐBAT cho trẻ 5- 6 tuổi thông qua hoạt động LQVTPVH do chúng tôi đưa ra là có hiệu quả.

Kết luận chương 3

1. Đề tài đã xác định 6 nguyên tắc xây dựng biện pháp giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động làm quen với TPVH theo hướng tích hợp để định hướng cho việc xây dựng các biện pháp giáo dục trẻ.

2. Từ cơ sở lý luận, thực trạng việc giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi qua hoạt động làm quen với TPVH theo hướng tích hợp, đề tài xây dựng được hệ thống một số biện pháp tích hợp GD ĐBAT cho trẻ 5- 6 tuổi thông qua hoạt động LQVTPVH:

- *Những biện pháp nhằm chuẩn bị cho việc sử dụng TPVH giáo dục thói quen ĐBAT cho trẻ 5- 6 tuổi.*

Biện pháp 1: Sưu tầm, lựa chọn, phân loại tác phẩm văn học có nội dung GD ĐBAT cho trẻ theo mức độ , đảm bảo vừa sức và hấp dẫn đối với trẻ.

Biện pháp 2: Lập kế hoạch nhằm cụ thể hóa nội dung và xác định rõ ràng thời điểm tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ 5- 6 tuổi thông qua hoạt động LQVTPVH.

Biện pháp 3: Lựa chọn nội dung phù hợp với kinh nghiệm và hứng thú của trẻ.

- *Những biện pháp sử dụng TPVH giáo dục ĐBAT cho trẻ 5- 6 tuổi:*

Biện pháp 4: Sử dụng TPVH trang bị kiến thức đảm bảo an toàn cho trẻ.

Biện pháp 5: Biên tập và tổ chức cho trẻ đóng kịch từ tác phẩm văn học để trẻ được thực hành kỹ năng ĐBAT.

Biện pháp 6: Sử dụng mô hình các nhân vật trong tác phẩm văn học làm đồ dùng giáo dục thói quen đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Quá trình thực nghiệm cho thấy, nhóm TN có khả năng ĐBAT cao hơn nhóm ĐC và cao hơn chính nhóm TN trước thực nghiệm. Như vậy, khi sử dụng hợp lý TPVH vào các hoạt động giáo dục ĐBAT thì ĐBAT của trẻ được phát triển và củng cố chắc chắn hơn. Điều này chứng tỏ rằng các biện pháp tích hợp GD ĐBAT cho trẻ 5- 6 tuổi thông qua hoạt động LQVTPVH do chúng tôi xây dựng phù hợp với đặc điểm nhận thức của trẻ. Giả thuyết khoa học đã được chứng minh, nhiệm vụ nghiên cứu đã được giải quyết.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua quá trình tiến hành thực trạng việc sử dụng TPVH giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi chúng tôi thấy rằng:

- Trẻ 5-6 tuổi đã có khả năng nhận biết về người có thể gây nguy hiểm, vật dụng nguy hiểm và những nơi nguy hiểm. Trẻ biết ĐBAT cho bản thân và người xung quanh bằng một số việc làm cụ thể.

- TPVH dành cho trẻ em có những đặc điểm nghệ thuật độc đáo phù hợp với khả năng nhận thức của trẻ, có tác dụng giáo dục trẻ ĐBAT một cách nhẹ nhàng và thú vị.

- GVMN đã nhận thức được vai trò của TPVH trong việc giáo dục ĐBAT cho trẻ em nhưng họ chưa quan tâm tìm tòi, lựa chọn những TPVH từ các nguồn thông tin khác nhau mà chủ yếu sử dụng những TPVH có sẵn trong chương trình GDMN. Bên cạnh đó, họ chưa chú ý khai thác hết các nội dung giáo dục an toàn từ các tác phẩm đó, chưa có biện pháp tích hợp giáo dục an toàn cho trẻ trong những thời điểm phù hợp của giờ làm quen với TPVH, do vậy, ảnh hưởng nhất định đến khả năng nhận thức của trẻ về ĐBAT.

- Mức độ phát triển kỹ năng ĐBAT của trẻ 5-6 tuổi còn hạn chế và không đồng đều. Trẻ nhận biết về người gây nguy hiểm, đồ vật gây nguy hiểm và nơi gây nguy hiểm nhưng khó diễn đạt bằng lời, khó giải thích lý do vì sao cần ĐBAT. Đa số trẻ cần có sự gợi ý để tìm ra thông tin trả lời đúng nhất.

Trên cơ sở lí luận và thực tiễn chúng tôi đã xây dựng 6 biện pháp tích hợp giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động LQVTPVH theo quy trình từ lựa chọn đến sử dụng TPVH trong việc giáo dục ĐBAT cho trẻ 5-6 tuổi phù hợp với chương trình GDMN hiện hành.

2. Kiến nghị

2.1. GVMN cần không ngừng tự học tập, bồi dưỡng, tham khảo tài liệu, sách báo, trang web để có kiến thức vững chắc về việc ĐBAT cho trẻ cũng như sưu tầm, tạo nguồn cảm hứng sáng tác các TPVH có nội dung giáo dục ĐBAT phù hợp với nhận thức của trẻ.

2.2. Cần vận dụng khéo léo các biện pháp tích hợp GD ĐBAT cho trẻ thông qua hoạt động LQVTPVH ở trường mầm non để phát huy vai trò, ý nghĩa của văn học đối với việc giáo dục ĐBAT, cũng như với các hoạt động giáo dục khác. Khi tổ chức hoạt động LQVTPVH có tích hợp GD ĐBAT cho trẻ, GV cần phải chủ động thiết kế hoạt động, xây dựng môi trường nhằm thu hút hứng thú, say mê hào hứng của trẻ, tạo điều kiện cho trẻ thể hiện kinh nghiệm bản thân, phát huy TTC ở trẻ. Từ đó giúp trẻ tích lũy kiến thức, rèn luyện và phát triển khả năng ĐBAT.

2.3. Trường MN cần quan tâm đầu tư trang bị cũng như bổ sung thêm các nguồn tài liệu tham khảo, đồ dùng trực quan tạo điều kiện thuận lợi giúp cho GV trong công tác sưu tầm và sử dụng TPVH thực hiện nội dung giáo dục ĐBAT cho trẻ.

2.4. Các cấp quản lí giáo dục MN cần tạo điều kiện cho GV tham gia các hội thảo, lớp tập huấn để GV để họ có cơ hội học tập, có thể cập nhật thêm thông tin, trao đổi kinh nghiệm của nhau để nâng cao chất lượng ĐBAT ch trẻ và giáo dục trẻ biết ĐBAT cho bản thân và người xung quanh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ giáo dục và Đào tạo (2002), *Hướng dẫn thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi*, NXB Giáo dục, Hà Nội
2. Bộ giáo dục và Đào tạo (2009), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục MN dành cho trẻ mẫu giáo lớn (5 - 6 tuổi)*, NXB Giáo dục Việt Nam
3. Bộ giáo dục và Đào tạo (2010), *Chương trình Giáo dục MN*, NXB Giáo dục Việt Nam
4. Bộ giáo dục và Đào tạo (2010), *Quy định về Bộ chuẩn trẻ 5 tuổi* – Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2010/TT- BGDDT ngày 22 tháng 7 năm 2010
5. Đào Thanh Âm, Trịnh Dân, Nguyễn Thị Hòa, Đinh Văn Vang (1997), *Giáo dục học MN*, tập 3, NXB ĐHQG Hà Nội
6. Đinh Thị Kim Thoa (2008), *Đánh giá trong giáo dục MN*, NXB Giáo dục, Hà Nội
7. [Đinh Thị Tô Uyên\(2015\), Một số biện pháp sử dụng tác phẩm văn học nhằm giáo dục thói quen vệ sinh răng miệng cho trẻ 5-6 tuổi](#)
8. Hà Nguyễn Kim Giang (2008), *Phương pháp tổ chức hoạt động làm quen với tác phẩm văn học*, NXB Giáo dục
9. Hoàng Phê (chủ biên) (1997), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, Trung tâm từ điển
10. Hoàng Văn Cẩn (2005), *Dạy học tác phẩm văn học dành cho thiếu nhi tập 1*, NXB Giáo dục
11. Lã Thị Bắc Lý (2008), *Văn học thiếu nhi với giáo dục trẻ em lứa tuổi MN*, NXB Đại học sư phạm
12. Lã Thị Bắc Lý, (2008), *Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học*, NXB Giáo dục
13. Lã Thị Bắc Lý, Lê Thị Ánh Tuyết (2008), *Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học*, NXB Giáo dục

14. Lã Thị Bắc Lý, *Giáo trình văn học thiếu nhi*, NXB Đại học sư phạm
15. Lại Kim Thuý(2001)- *Phòng bệnh trẻ em*. NXB ĐH Quốc gia Hà Nội
16. Lê Thị Mai Hoa (2011)- *Bệnh học trẻ em*- Nhà xuất bản Đại học sư phạm
17. Lê Thị Mai Hoa, Lê Trọng Sơn (Hệ đào tạo tại chức từ xa), *Giáo trình Dinh dưỡng trẻ em*, NXB ĐHSP Hà Nội
18. Lê Thị Mai Hoa, Trần Văn Dân(2008)- *Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ MN*- Nhà xuất bản GD
19. M.A.Rnaudốp (1978), *Tâm lí học sáng tạo văn học*, NXB Văn học.
20. Nguyễn Thanh Hùng (2003), *Hiểu văn dạy văn*, NXB Giáo dục
21. Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Như Mai, Đinh Thị Kim Thoa (2010), *Tâm lí học trẻ em lứa tuổi MN từ lọt lòng đến 6 tuổi*, NXB ĐHSP Hà Nội
22. Nguyễn Thị Hòa, (2009), *Giáo trình Giáo dục học MN*, NXB ĐHSP
23. Nguyễn Thị Hòa, *Giáo trình Giáo dục tích hợp*, NXB ĐHSP
24. Nguyễn Trọng Hoàn (2002), *Tiếp cận văn học*, NXB Khoa học xã hội
25. Phạm Hồ, Lữ Huy Nguyên (1995), *Văn học cho thiếu nhi*, NXB Văn học, Hà Nội
26. Tạ Thúy Lan, Trần Thị Loan (2003) *Giải phẫu sinh lí người*, NXB ĐHSP Hà Nội
27. TS. Lê Thu Hương, TS. Trần Thị Ngọc Trâm, *Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong trường MN theo chủ đề (Trẻ 5 – 6 tuổi)*, NXB Giáo dục Việt Nam
28. Viện Ngôn ngữ học (2005), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Từ điển Bách Khoa.
29. Website: <http://www.mamnon.com.vn>
30. Website: <http://www.google.com.vn>

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1:

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho giáo viên mầm non đã và đang dạy lớp mẫu giáo 5-6 tuổi)

Để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học, mong chị vui lòng cho biết một số thông tin sau:

Họ và tên:..... Sinh năm:.....

Số năm công tác:..... Số năm dạy trẻ 5-6 tuổi:...

Trình độ chuyên môn: Đại học Cao đẳng Trung cấp

Trường mầm non đang công tác:

(Đánh dấu X vào những ô mà chị cho là đúng).

Câu 1: Chị thấy việc tích hợp giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5- 6 tuổi qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học có quan trọng không? Vì sao?

- Rất quan trọng
- Quan trọng
- Không quan trọng

Lý do:

.....

Câu 2: Theo chị, tác phẩm văn học có thể sử dụng để giáo dục an toàn cho trẻ cần đảm bảo những yêu cầu nào?

- Đảm bảo tính giáo dục
- Đảm bảo tính thẩm mỹ
- Có nội dung về đảm bảo an toàn hoặc liên quan đến kỹ năng này
- Phù hợp với khả năng tiếp thu, khả năng thể hiện của trẻ

Ý kiến khác.....

.....

.....

Câu 3: Chị thường lựa chọn và sử dụng tác phẩm văn học từ nguồn nào để giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ?

- Tuyển tập thơ truyện cho trẻ mẫu giáo
- Mạng Internet và các tạp chí, báo dành cho lứa tuổi mẫu giáo
- Tự sáng tác
- Tất cả các nguồn trên.

Nguồn khác:.....

.....C

Câu 4: Chị đã sử dụng tác phẩm văn học nào để tích hợp giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ?

<i>TT</i>	<i>Năm học 2015-2016</i>	<i>Những năm học trước</i>
1		
2		
3		
4		
5		
6		
7		
8		
9		
10		
11		
12		
13		
14		
15		
16		
17		
18		

Câu 5: Chị vui lòng cho biết thời điểm và mức độ tích hợp giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5-6 tuổi thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học:

<i>STT</i>	<i>Mức độ</i>	<i>Thường xuyên</i>	<i>Thỉnh thoảng</i>	<i>Không bao giờ</i>
1	<i>Thời điểm tổ chức</i>			
1	Gây hứng thú			
2	Bài mới			
3	Củng cố, giáo dục			
4	Tất cả các thời điểm trên			

Câu 6: Chị thường gặp thuận lợi, khó khăn gì khi tích hợp giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học?

*** Thuận lợi**

- Có nhiều tác phẩm văn học có nội dung dạy trẻ đảm bảo an toàn
- Nội dung giáo dục an toàn sinh động, phù hợp với nhận thức của trẻ
- Trẻ rất hứng thú với các hoạt động làm quen với tác phẩm văn học
- Có thể giáo dục ĐBAT cho trẻ trong nhiều thời điểm của giờ học
- Có thể sử dụng tác phẩm văn học trong nhiều hoạt động

Thuận lợi khác.....

*** Khó khăn**

- Thiếu nguồn tài liệu
- Khó khăn khi tiếp cận tác phẩm mới
- Thiếu tài liệu trực quan để minh họa
- Khó tích hợp nội dung ĐBAT trong giờ LQVTPVH
- Mất nhiều thời gian để tích hợp giáo dục ĐBAT trong giờ LQVTPVH

Khó khăn khác.....

Câu 7: Chị vui lòng cho biết những kinh nghiệm tích hợp giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5 – 6 tuổi thông qua hoạt động làm quen với TPVH.

.....

Câu 8: Chị đã sử dụng những biện pháp gì để tích hợp giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5 – 6 tuổi thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ?

<i>TT</i>	<i>Mức độ sử dụng</i> <i>Biện pháp</i>	<i>Thường xuyên</i>	<i>Thỉnh thoảng</i>	<i>Không bao giờ</i>
1	Sưu tầm, lựa chọn, phân loại TPVH có nội dung giáo dục ĐBAT cho trẻ theo mức độ, đảm bảo vừa sức và hấp dẫn đối với trẻ.			
2	Xác định rõ ràng các nội dung giáo dục ĐBAT cho trẻ trong mỗi TPVH.			
3	Xác định thời điểm tích hợp giáo dục đảm bảo an toàn cho trẻ 5 – 6 tuổi qua hoạt động LQVTPVH			
4	Tạo điều kiện cho trẻ thể hiện những kinh nghiệm của mình về ĐBAT nhằm phát huy TTC của trẻ.			
5	Khuyến khích trẻ phát hiện những thông tin về đảm bảo an toàn trong TPVH.			
6	Sử dụng mô hình các nhân vật trong TPVH làm đồ dùng giáo dục ĐBAT cho trẻ.			
7	Biên tập và tổ chức cho trẻ đóng kịch từ tác phẩm văn học để trẻ được thực hành kỹ năng ĐBAT			
8	Ứng dụng CNTT, tích cực làm đồ dùng, đồ chơi, đồ dùng minh họa phong phú, đa dạng hấp dẫn			

Biện pháp khác :

.....

.....*Xin trân trọng cảm ơn chị!*

PHỤ LỤC 2:

BÀI TẬP KHẢO SÁT THỰC TRẠNG

MỨC ĐỘ PHÁT TRIỂN VỀ ĐBAT CỦA TRẺ 5-6 TUỔI

Bài tập 1: Nhận thức của trẻ về những nơi có thể gây nguy hiểm :

Trẻ biết được những nơi nào là nguy hiểm :

+ Thỏ đã gặp nguy hiểm ở đâu? (lòng đường)

+ Ngoài lòng đường, con thấy nơi nào có thể gây nguy hiểm? (kể được ít nhất 5 nơi nguy hiểm: bồn cầu, nhà vệ sinh, nền nhà trơn, bể nước, giếng nước, ao, hồ, sông, lòng đường giao thông...)

Trẻ biết những hành động nguy hiểm khi đến những nơi đó:

+ Thỏ đã có hành động nguy hiểm nào ở trên đường? (*chạy vụt qua đường*)

+ Con hãy kể những việc làm có thể gây nguy hiểm ở đường sắt/lòng đường giao thông?... (*kể hành động nguy hiểm ở ít nhất ở 5 nơi: chơi trên đường sắt, chơi bên đường sắt, chạy qua đường sắt lúc tàu đến gần, đứng xem tàu ở sát đường sắt, thả diều trên đường sắt...*).

Trẻ biết được những tình huống nguy hiểm cần được trợ giúp

+ Thỏ chạy vụt qua đường và chuyện gì đã xảy ra? (*bị ô tô cán*)

+ Con có thể gặp những tình huống nguy hiểm nào khi chơi gần ao hồ, sông suối/đường giao thông, nhà vệ sinh...? (*Kể ít nhất ở 5 tình huống nguy hiểm: trượt chân ngã xuống nước/chơi ở lòng đường khi xe đang chạy qua, ngã xuống nền nhà/roi xuống giếng/va đầu vào đá nhọn...*)

Trẻ nói được mối nguy hiểm ở những nơi đó:

+ Lòng đường sắt đáng sợ như thế nào với thỏ? (*bị ngã, xe tông, bị đập đầu vào đá nhọn dưới lòng đường ...*)

+ Con có thể gặp những điều gì nguy hiểm ở sông, suối, ao, hồ.../ đường giao thông...? (*Kể được mối nguy hiểm ở ít nhất 5 nơi*)

Trẻ nói được ý nghĩa của việc ĐBAT ở những nơi nguy hiểm:

+ Tại sao con cần tránh tiếp xúc với những nơi có thể gây nguy hiểm? (*để đảm bảo an toàn cho bản thân và mọi người...*)

Bài tập 2: Kỹ năng của trẻ về ĐBAT ở những nơi có thể gây nguy hiểm:

Có kỹ năng phát hiện ra mối nguy hiểm, nhận biết tình huống không an toàn

- + Nhờ đâu mà Bo và Nơ xinh lại phát hiện ra đám cháy? (*Thấy có khói*)
- + Bo đã định làm gì khi thấy đám cháy? (*dập đám cháy*)
- + Bo làm vậy có an toàn không? Nếu là cháu, cháu có làm vậy không?

Có hành động xử lí và ĐBAT

+ Bo và Nơ xinh đã làm gì để xử lí đám cháy? (*thoát khỏi đám cháy, chạy đến nơi an toàn, gọi điện báo cảnh sát chữa cháy, bật chuông báo cháy, đi tìm người lớn giúp...*)

- + Các bạn làm như vậy có đúng không? Tại sao?
- + Bo và Nơ xinh đã gọi số nào để báo cảnh sát chữa cháy?

Có kĩ năng ĐBAT cho bản thân, biết được những việc không nên làm ở nơi nguy hiểm

- + Tại sao Bo lại bị kẹt trong đám cháy? (*Quay lại để cứu Bờm Ngố*)
- + Nếu là Bo, cháu có làm như vậy không?

Đề xuất biện pháp ĐBAT ở nơi nguy hiểm

+Nếu gặp đám cháy thật cháu sẽ làm gì? (*Thoát khỏi đám cháy, không tự ý dập lửa, chạy đến nơi an toàn, hò to để mọi người biết, gọi điện báo cảnh sát chữa cháy, không quay lại đám cháy, bật chuông báo cháy, đi tìm người lớn giúp...*)

Bài tập 3: Thái độ của trẻ về nơi có thể gây nguy hiểm:

Có mong muốn giúp đỡ người khác

+Khi thỏ bị nạn con có muốn giúp đỡ thỏ không? Vì sao? (*Có, vì thương bạn, quý bạn...*)

+Nếu thấy người thân gặp nguy hiểm ở những nơi nguy hiểm, có có muốn giúp đỡ họ không?

Đồng cảm, chia sẻ với người bị nạn, yêu quý, biết ơn người giúp đỡ

+ Con nghĩ gì khi thỏ gặp nạn? (*Cảm xúc tích cực: thương, lo lắng, buồn...; cảm xúc tiêu cực: hả hê, vui thích, phấn khởi, thờ ơ...*)

+Con nghĩ gì về bạn Nhím? (*Tích cực: yêu quý, kính phục... Tiêu cực: xa lánh, ghét bỏ...*)

+Nếu bạn bè, người thân con không may gặp nạn con cảm thấy như thế nào? (*Tích cực: buồn, thương, lo lắng, sợ hãi... Tiêu cực: vui sướng, phấn khởi, thờ ơ, không quan tâm...*)

**PHỤ LỤC 3: PHIẾU KHẢO SÁT THỰC TRẠNG
NHẬN THỨC CỦA TRẺ VỀ NƠI CÓ THỂ GÂY NGUY HIỂM**

Họ và tên trẻ :.....Lớp:.....Trường.....

Ngày :..... Người thực hiện:.....

TT	Nội dung	Điểm		Ghi chú
		Tối đa	Thực đạt	
1	+ Thỏ đã gặp nguy hiểm ở đâu?	0,5		
	+ Ngoài lòng đường, con thấy nơi nào có thể gây nguy hiểm? (kể được ít nhất 5 nơi nguy hiểm: bờn cầu, nhà vệ sinh, nền nhà tron, bể nước, giếng nước, ao, hồ, sông, suối...)	1		
2	+ Thỏ đã có hành động nguy hiểm nào ở lòng đường? (chạy vụt qua đường)	0,5		
	+ Con hãy kể những việc làm có thể gây nguy hiểm ở đường, sông suối, ao hồ?... (kể hành động nguy hiểm ở ít nhất ở 5 nơi: đến gần sông/ngòi/hồ/ao, chơi cạnh sông/suối/ao/hồ, nghịch nước ở ao/hồ/sông/suối, tắm dưới ao/hồ/sông/suối, chèo thuyền xuống ao/hồ/sông/suối, ...).	1		
3	+Thỏ chạy băng qua đường và chuyện gì đã xảy ra? (xe ô tô cán đứt đuôi)?	0,5		
	+ Con có thể gặp những tình huống nguy hiểm nào khi chơi gần đường giao thông/ ao hồ, sông suối, nhà vệ sinh...? (Kể ít nhất ở 5 nơi nguy hiểm: trượt chân ngã xuống nước/chơi ở lòng đường khi xe đang chạy qua...)	0,5		
4	+ Lòng đường đáng sợ như thế nào với Thỏ? (Thỏ bị ngã, xe tông, bị đập đầu vào đá nhọn dưới lòng đường...)	0,5		
	+ Con có thể gặp những điều gì nguy hiểm ở đường giao thông/ sông, suối, ao, hồ ...? (Kể được mới nguy hiểm ở ít nhất 5 nơi)	0,5		
5	+ Tại sao con cần tránh những nơi có thể gây nguy			

	hiêm? (để ĐBAT cho bản thân và mọi người)	1		
TỔNG		6		

PHIẾU KHẢO SÁT THỰC TRẠNG

KĨ NĂNG CỦA TRẺ VỀ NƠI CÓ THỂ GÂY NGUY HIỂM

Họ và tên trẻ :.....

Lớp:.....

Trường:

Ngày :.....

Người thực hiện:.....

tt	Nội dung	Điểm		Ghi chú
		Tối đa	Thực đạt	
1	Nhờ đâu mà Bo và Nơ xinh lại phát hiện ra đám cháy? <i>-Thấy có khói.</i>	0,25		
	Bo đã định làm gì khi thấy đám cháy? (0,25) <i>-Dập đám cháy.</i> Làm vậy có an toàn không? (0,25) Nếu là cháu, cháu có làm vậy không? Vì sao? (0,25)	0,75		
2	Sau đó Bo và Nơ xinh đã làm gì để xử lí đám cháy? <i>- Thoát ra khỏi đám cháy. (0,25)</i> <i>- Chạy đến nơi an toàn. (0,25)</i> <i>-Gọi điện báo cảnh sát chữa cháy. (0,25)</i> <i>- Bật chuông báo cháy. (0,25)</i> <i>- Đi tìm người lớn giúp. (0,25)</i>	1,25		
	Các bạn làm như vậy có đúng không? (0,25) Tại sao? (0,25)	0,5		
	Bo và Nơ xinh đã gọi số nào để báo cảnh sát chữa cháy? <i>-Số 113</i>	0,25		
3	Tại sao Bo lại bị kẹt trong đám cháy? <i>Quay lại đám cháy để cứu Bòm ngố.</i>	0,5		
	Nếu là Bo, cháu có làm như vậy không? Tại sao?	0,5		
4	Nếu gặp đám cháy thật cháu sẽ làm gì? <i>- Thoát ra khỏi đám cháy. (0,25)</i> <i>- Không tự ý dập lửa. (0,25)</i> <i>- Chạy đến nơi an toàn. (0,25)</i> <i>- Hò to để mọi người biết. (0,25)</i> <i>-Gọi điện báo cảnh sát chữa cháy. (0,25)</i> <i>- Không quay lại đám cháy. (0,25)</i> <i>- Bật chuông báo cháy. (0,25)</i> <i>- Đi tìm người lớn giúp. (0,25)</i>	2,0		
Tổng		6		

**PHIẾU KHẢO SÁT THỰC TRẠNG
THÁI ĐỘ CỦA TRẺ VỀ NƠI NGUY HIỂM**

Họ và tên trẻ :.....

Lớp:.....

Trường:

Ngày :.....

Người thực hiện:.....

TT	Nội dung	Điểm		Ghi chú
		Tối đa	Thực đạt	
1	+ Khi Thỏ bị nạn con có muốn giúp đỡ Thỏ không? Tại sao ? <i>Có: vì thương bạn, quý bạn, ...</i>	1		
	+ Nếu thấy người thân gặp nguy hiểm ở những nơi gây nguy hiểm, con có muốn giúp đỡ họ không ?	1		
2	+ Con thấy Sóc đưa Thỏ vào lề đường và an ủi Thỏ là đúng hay sai? Tại sao?			
	<i>Đúng. Vì đưa Thỏ vào lề đường cho an toàn...</i>	1		
3	+ Con nghĩ gì khi Thỏ gặp nạn ?			
	<i>Tích cực: buồn, thương, lo lắng,.</i>	1		
	+ Con nghĩ gì về bạn Nhím ?			
	<i>Tích cực: yêu quý, kính phục,...</i>	1		
4	+ Nếu bạn bè, người thân con không may gặp nạn con cảm thấy như thế nào ? <i>buồn, thương, lo lắng, sợ hãi, nhớ thương, sẵn lòng giúp đỡ...</i>	1		
TỔNG		6		

PHỤ LỤC 4: KẾ HOẠCH GIÁO DỤC ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO TRẺ QUA HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

Hoạt động: *Làm quen với tác phẩm văn học*

Chủ đề: *Phương tiện và các luật lệ giao thông*

Đề tài: *Nghe kể truyện “Một phen sợ hãi”*

Độ tuổi: *5-6 tuổi* **Thời gian:** *30- 35 phút*

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Trẻ nhớ tên truyện, tên các nhân vật: mẹ, cún anh, cún em, chú cảnh sát giao thông.

- Hiểu được nội dung câu chuyện, tính cách nhân vật: Hai anh em đi chơi phố. Cún anh vâng lời mẹ, đi trên vỉa hè; cún em mãi chơi chạy xuống lòng đường nên suýt bị xe đâm vào, cún em sợ hãi, kêu cứu. Chú cảnh sát ân cần giúp đỡ cún em, dặn 2 anh em đi đúng luật.

- Trẻ biết lòng đường là nơi nguy hiểm vì có nhiều xe chạy. Lề đường là nơi dành cho người đi bộ.

2. Kỹ năng:

- Nghe trọn vẹn câu chuyện và biết trả lời các câu hỏi của cô rõ ràng, mạch lạc. Quan sát, ghi nhớ có chủ định.

- Biết đi bộ trên vỉa hè bên phải, qua đường theo tín hiệu đèn giao thông.

- Biết kêu cứu khi gặp nguy hiểm.

3. Thái độ:

- Vâng lời người lớn để đảm bảo an toàn giao thông

- Không đồng tình với việc cún em đi xuống lòng đường; lo lắng khi cún em gặp nguy hiểm; biết ơn chú cảnh sát giao thông đã giúp đỡ cún em; quý mến cún anh vì biết vâng lời mẹ, đi đúng luật giao thông đường bộ

- Thích thú nghe kể chuyện, tích cực tham gia hoạt động học.

II. Chuẩn bị:

- Máy tính, máy chiếu, tranh minh họa nội dung câu chuyện.
- Sân khấu, rối tay.

III. Tiến hành

Hoạt động của cô	Hoạt động của trẻ
<p>1. Ổn định tổ chức gây hứng thú:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cô cho trẻ hát bài “Đường em đi” + Các con vừa hát bài hát gì? + Bài hát nói về điều gì? (Đường em đi bộ là mé đường bên phải, em không được đi ở bên trái đường). - Các bạn nhỏ rất ngoan đã biết chấp hành luật lệ giao thông và cô cũng có một câu chuyện rất hay nói về cún anh và cún em cũng tham gia giao thông đấy, để xem Cún anh và Cún em có chấp hành luật lệ giao thông không các con hãy lắng nghe cô kể câu chuyện “Một phen sợ hãi” do tác giả (Phạm Minh Thư) sáng tác nhé. <p>2. Kể chuyện cho trẻ nghe</p> <p>Cô kể diễn cảm lần 1.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cô vừa kể cho các con nghe câu chuyện gì ? <p>Cô kể lần 2: kết hợp với tranh minh họa</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các con vừa được nghe cô kể câu chuyện gì? + Của tác giả nào sáng tác? + Trong truyện có những nhân vật nào? <p>Trích dẫn đàm thoại.</p> <p><i>Đoạn 1: “Hai anh em nhà cún được mẹ cho phép đi chơi phố. ... vâng ạ.”</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Cún anh và cún em được mẹ cho phép đi đâu? + Mẹ dặn 2 anh em đi ở đâu? <p><u>Via hè</u> là gì? (Là phần đường giao thông dành cho người đi bộ ở 2 bên đường phố, thường lát gạch sạch sẽ...)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Muốn qua đường phải quan sát cái gì? <p><i>Đoạn 2: “Ra đến ...thế kia”</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Cún em đã làm điều gì dại dột? + Bạn cún nào đi đúng luật? Vì sao con biết? <p><u>Lề đường</u> là gì? (Là mép đường giao thông, nơi không có vỉa hè, dành cho người đi bộ).</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thấy Cún em đi giữa lòng đường, cún anh đã làm gì? 	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ hát, VĐTN - Đường em đi Trẻ trả lời - Vâng ạ. Trẻ lắng nghe - Một phen sợ hãi Trẻ lắng nghe Một phen sợ hãi Phạm Minh Thư Mẹ, cún anh, cún em, chú cảnh sát - Đi chơi phố. - Đi trên vỉa hè - đèn giao thông... - Chạy nhảy, đi giữa lòng đường. -Cún anh. Đi sát lề đường bên phải. - Gọi, nhắc nhở cún em.

<p>+ Con có nhận xét gì về bạn cún em?</p> <p><i>Đoạn 3: “Nghe cún anh gọi... cứu em với”</i></p> <p>+ Điều gì xảy ra với cún em?</p> <p>+ Khi gặp nguy hiểm, cún em đã làm gì?</p> <p>+ Con nghĩ gì khi cún em gặp nạn?</p> <p><i>Đoạn 4: còn lại</i></p> <p>+ Ai đã giúp cún em đi vào lề đường?</p> <p>+ Chú cảnh sát giao thông dặn cún em phải đi như thế nào?</p> <p>+ Cún em đã biết lỗi chưa? Vì sao con biết?</p> <p><i>Kể chuyện kết hợp rối:</i></p> <p>+ Các con vừa xem vở rối gì?</p> <p>+ Con học tập được điều gì từ câu chuyện?</p> <p>3. Giáo dục</p> <p>Đi bộ ở vỉa hè hoặc lề đường bên phải như cún anh. Muốn qua đường phải quan sát đèn giao thông. Gặp nguy hiểm phải biết kêu cứu, biết nhận lỗi. Biết ơn chú cảnh sát đã giúp đỡ, sẵn sàng giúp người hoạn nạn...</p> <p>4. Kết thúc</p> <p>Cho trẻ đội mũ cún, VĐTN bài Đèn xanh đèn đỏ. Nhận xét giờ học và ra chơi.</p>	<p>- Chưa ngoan, không biết bảo đảm an toàn cho mình và mọi người.</p> <p>- Không vào được lề đường, suýt bị xe ô tô đâm phải.</p> <p>- Gọi anh giúp đỡ.</p> <p>Trẻ trả lời</p> <p>- Chú cảnh sát giao thông.</p> <p>- Trẻ trả lời.</p> <p>- Có ạ.</p> <p>Trẻ trả lời</p> <p>Một phen sợ hãi</p> <p>Trẻ trả lời</p> <p>Lắng nghe, hưởng ứng lời cô nói...</p> <p>VĐTN</p>
---	---

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

Chủ đề: *Phương tiện và các luật lệ giao thông*

Chủ đề nhánh: *Phương tiện giao thông đường bộ*

Đề tài: *Nghe kể chuyện “Qua đường”*

Lớp: 5 – 6 tuổi

Thời gian: 30-35 phút

I. Mục đích yêu cầu:

1. Nhận thức:

- Trẻ nhớ tên truyện, tên nhân vật: Mẹ, Thỏ trắng, Thỏ nâu, bác Gấu, chú Thỏ xám

- Hiểu nội dung truyện: Thỏ trắng và Thỏ nâu đi chơi trên đường phố, Thỏ Trắng kéo chị chạy ào qua đường mà không quan sát trước sau, không nhìn đèn giao thông làm cả đoàn xe phanh gấp, suýt xảy ra tai nạn. Chú Thỏ xám giúp đưa chị em Thỏ lên vỉa hè, dặn 2 chị em muốn qua đường phải có người lớn dắt, phải đi theo tín hiệu đèn.

- Trẻ biết lòng đường là nơi nguy hiểm vì có nhiều xe chạy, phải cẩn thận khi qua đường.

2. Kỹ năng:

- Kỹ năng chú ý lắng nghe, quan sát.
- Trả lời mạch lạc các câu hỏi của cô.
- Đi qua đường theo tín hiệu đèn giao thông, khi có người lớn dắt.
- Chơi trò chơi

3. Thái độ:

- Phê bình thỏ trắng và Thỏ nâu vội vã qua đường, không đi theo tín hiệu đèn.
- Lo lắng khi hai bạn thỏ gặp nguy hiểm: đoàn xe phanh gấp lúc 2 bạn ở lòng đường
- Biết ơn bác Gấu kịp thời phanh xe tránh tai nạn, chú Thỏ xám giúp đỡ hai chị em...

II. Chuẩn bị:

- Slide nội dung câu chuyện.
- Bài hát Em đi qua ngã tư đường phố
- 2 bộ tranh nội dung câu chuyện.
- Rối tay thỏ chị và thỏ em, sân khấu rối.
- 2 bảng cho trẻ dán tranh lên.

III. Tiến hành

Hoạt động của cô	Hoạt động của trẻ
<p>1. Ổn định tổ chức, gây hứng thú</p> <ul style="list-style-type: none">- Hát bát “Em đi qua ngã tư đường phố ”- Vừa rồi các con hát bài hát gì?+ Bài hát nói về điều gì? <p>Bài hát nói về các bạn nhỏ chơi trò chơi về giao thông ở sân trường.</p> <ul style="list-style-type: none">+ Khi đèn đỏ bật lên các bạn nhỏ đã làm gì?+ Khi đèn xanh bật lên các bạn nhỏ đã làm gì?	<p>Trẻ hát và VĐTN.</p> <ul style="list-style-type: none">- Em đi qua ngã tư đường phố.- Trẻ trả lời. <ul style="list-style-type: none">- Dừng lại.- Được đi tiếp

Có một câu chuyện kể về hai chị em thỏ khi qua đường chẳng chịu nhìn các tín hiệu đèn màu, không biết điều gì sẽ xảy ra với hai chị em thỏ đây? Bây giờ cô sẽ kể cho các con nghe câu chuyện đó.

2. Kể chuyện cho trẻ nghe

Cô kể diễn cảm lần 1

-Cô vừa kể câu chuyện gì?

Lần 2: Cho trẻ xem video.

+ Các con vừa được xem câu chuyện gì?

+ Trong câu chuyện có những nhân vật nào?

Trích dẫn kết hợp với tranh minh họa:

- *Đoạn 1: “Vào một ...xem đi”*

+ Hai chị em Thỏ muốn đi đâu?

+ Thỏ mẹ có đồng ý không? Vì sao con biết?

+ Hai chị em vui như thế nào?

Nhảy chân sáo là nhảy như thế nào? (Nhảy nhót tung tăng vì vui mừng).

- *Đoạn 2: “Thỏ trắng kéo ...sang đường à”*

+ Hai chị em sang đường như thế nào? (Hai chị em có hành động nguy hiểm nào?)

+ “chạy ào” có nghĩa là gì? (chạy rất nhanh, chạy mà không nhìn trước nhìn sau gì cả).

+ Con nghĩ gì về hành động của 2 chị em thỏ?

+ Tình huống nguy hiểm nào đã xảy ra?

“Phanh gấp” nghĩa là cho xe dừng một cách rất đột ngột, không chuẩn bị trước nên rất nguy hiểm cho cả người đi bộ lẫn xe và người lái xe.

+ Điều gì sẽ xảy ra nếu bác lái xe không kịp phanh

+ Bác Gấu lái xe tải đã cho hai chị em thỏ biết điều gì?

+ Ai là người đáng trách? Vì sao ?

- *Đoạn 3 : « Đứng lúc ấy... đèn màu ạ »*

+ Ai đã giúp đỡ 2 bạn thỏ?

+ Chú giúp 2 bạn như thế nào?

+ Con nghĩ gì về chú cảnh sát giao thông?

- Nhìn đèn tín hiệu.

- Trẻ lắng nghe cô dẫn dắt kể chuyện.

Trẻ nghe cô kể chuyện.

- Truyện Qua đường.

- Trẻ chú ý quan sát.

- Qua đường.

- Mẹ thỏ, Thỏ trắng, chị Thỏ nâu, bác tài xế và chú công an.

- Đi chơi phố.

- Có. Vì 2 chị em đã xin phép mẹ, nghe mẹ dặn dò.

- Nhảy chân sáo, nói cười ríu rít.

- Hai chị em chạy ào sang đường, rất vội.

- Trẻ trả lời

- Đoàn xe phanh gấp, dừng lại

- 2 chị em bị tai nạn giao thông

- Qua đường mà không nhìn đèn giao thông.

- 2 bạn thỏ, vì vội vã sang đường, không nhìn đèn.

- Chú cảnh sát giao thông

- Đưa 2 bạn vào vỉa hè, hướng dẫn qua đường phải nhìn đèn.

- Chú tốt bụng, giúp đỡ người gặp nạn, chỉ bảo cách qua đường an toàn...

<p>+ Hai chị em Thỏ đã biết lỗi như thế nào? - Đoạn 4: còn lại + Để qua đường an toàn, 2 bạn Thỏ còn phải nhớ điều gì? Xem kịch rối tay: Câu chuyện đã được dựng thành một vở kịch rối rất là hay, bây giờ cô mời chúng mình cùng thưởng thức nào! - Chúng mình vừa được thưởng thức vở kịch gì? - Trong chuyện có những nhân vật nào? - Qua câu chuyện con học được điều gì?</p> <p>3. Giáo dục Đi chơi phải xin phép người lớn. Khi các con đi qua đường thì phải có người lớn dắt đi, và các con phải nhớ nhìn các biển tín hiệu đèn màu trước khi qua: Đèn đỏ thì phải dừng lại, đèn xanh mới được qua. Biết ơn những người tốt đã giúp đỡ mình: bác lái xe phanh kịp thời, chú cảnh sát giúp đưa vào lề đường. Khi có lỗi biết nhận lỗi, sửa lỗi để đảm bảo an toàn cho mình và mọi người tham gia giao thông trên đường.</p> <p>Trò chơi củng cố: - Xếp tranh theo nội dung truyện - Cô giới thiệu tên trò chơi, luật chơi, cách chơi: + Cách chơi: 2 đội sẽ xếp tranh lần lượt theo nội dung câu chuyện. - Luật chơi: Cô cho trẻ xem 1 số tranh theo nội dung câu chuyện đã chuẩn bị. Các thành viên trong đội sẽ hội ý trong vòng 1 bản nhạc. Kết thúc nhạc, các tổ sẽ lên gắn tranh theo thứ tự nội dung của câu chuyện. Đội nào gắn đúng và nhanh thì sẽ giành chiến thắng.</p> <p>4. Kết thúc - Giáo dục trẻ đi qua đường theo đúng luật lệ giao thông. - Cô và trẻ cùng đọc bài thơ “Trên đường” và chuyển sang hoạt động khác</p>	<p>- Nhìn nhau, xin lỗi chú, hứa đi qua đường theo tín hiệu đèn. - Qua đường phải có người lớn dắt. - Trẻ lắng nghe.</p> <p>- Qua đường. - Kể tên nhân vật. Trẻ trả lời</p> <p>Lắng nghe. Hưởng ứng.</p> <p>Tham gia chơi trò chơi, nhận xét kết quả chơi.</p> <p>Đọc thơ.</p>
--	--

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

Hoạt động: *Làm quen với tác phẩm văn học*

Chủ đề: *Phương tiện và các luật lệ giao thông*

Đề tài: *Nghe kể chuyện “Thỏ con đi học”*

Đối tượng: *Trẻ 5- 6 tuổi* **Thời gian:** *30- 35 phút*

I. Mục đích yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Trẻ nhớ tên truyện, tên các nhân vật: Thỏ bố mẹ, Thỏ con, Chó con, bác đi xe đạp, cô giáo.

- Trẻ hiểu nội dung truyện: Thỏ con ngoan ngoãn, biết xin phép bố mẹ khi đi học 1 mình, vâng lời bố mẹ. Chó con ham chơi, đá bóng ở lòng đường nên bị tai nạn. Chó con biết lỗi, biết chơi ở sân trường để đảm bảo an toàn.

- Trẻ biết: Lề đường bên phải là nơi đi bộ an toàn, lòng đường là nơi nguy hiểm vì có nhiều xe chạy.

2. Kỹ năng:

- Phát triển và rèn cho trẻ khả năng chú ý ghi nhớ, trả lời câu hỏi đầy đủ rõ ràng lưu loát.

- Xin phép bố mẹ khi ra khỏi nhà; vâng lời người lớn khi đi đường.

- Đi bộ trên lề đường bên phải; qua đường theo vạch sơn trắng

- Không chơi ở lòng đường, lề đường mà chơi ở sân trường.

3. Thái độ:

- Trẻ hứng thú tham gia vào giờ học, hứng thú nghe cô kể chuyện.

- Phê phán chó con vi phạm luật: đá bóng ở lòng đường.

- Ủng hộ Thỏ con ngoan ngoãn

- Biết ơn bác lái xe đạp...

II. Chuẩn bị:

- Video truyện Qua đường, bài hát Đi đường em nhớ

- Sân khấu, rối truyện Qua đường

III. Tiến hành

Hoạt động của cô	Hoạt động của trẻ
1. Ổn định gây hứng thú - Cho trẻ hát vận động theo nhạc bài hát: “Đi đường em nhớ” - Trò chuyện với trẻ về bài hát: - Các con vừa hát bài gì? - Bài hát nhắc nhở chúng mình ghi nhớ điều gì khi tham gia giao thông? - Vía hè dành cho ai đi? Lòng đường để làm gì?	- Trẻ hát - “Đi đường em nhớ” - Không đi bên trái, đi bên phải đường. - Lòng đường để xe đi, còn đi bộ

- Cô thấy các con biết về luật giao thông rất rõ đấy. Cô có một câu chuyện kể về gia đình thỏ. Hằng ngày thỏ mẹ dẫn thỏ con đi đến trường. Nhưng hôm nay bố mẹ thỏ bận việc nên thỏ con xin phép bố mẹ được đi học một mình. Muốn biết thỏ mẹ dẫn thỏ con đi đâu, và thỏ con có vâng lời mẹ không, và điều gì xảy ra với thỏ, bây giờ các cháu hãy lắng nghe cô kể câu chuyện “Thỏ con đi học” của tác giả Đỗ Thị Ngọc Anh.

2. Kể chuyện cho trẻ nghe

Lần 1: Cô kể chuyện diễn cảm

+ Cô vừa kể câu chuyện gì?

Lần 2: Xem video truyện

+ Chúng mình vừa xem phim gì?

+ Trong phim có những nhân vật nào?

+ Nhân vật nào ngoan nhất?

+ Ai bị tai nạn giao thông?

Trích dẫn đàm thoại

- Đoạn 1: *Mấy hôm... một mình*

+ Tại sao Thỏ con lại xin phép được đi học một mình?

+ Thỏ mẹ dẫn Thỏ con đi ở phần đường nào?

+ Qua ngã tư, người đi bộ đi ở chỗ nào?

+ Thỏ nghĩ gì khi đi học? Vì sao?

- Đoạn 2: *“Đi được... một mình vậy”*

+ Thỏ con gặp ai trên đường đi học?

+ Chó con đã mong muốn điều gì?

+ Con nghĩ gì về lời đề nghị của Chó con?

+ Con đồng ý với ý kiến của bạn nào? Vì sao?

- Đoạn 3: *“Nói xong... trầy đầu gối”*

+ Chó con đã có hành động nguy hiểm nào?

+ Vì sao chơi bóng ở lòng đường lại nguy hiểm?

+ Điều gì đã xảy ra với Chó con khi chơi bóng ở lòng đường?

Trầy đầu gối nghĩa là gì? (*Trầy*: Xây xát, xước

trên vỉa hè

-Trẻ lắng nghe.

-Thỏ con đi học

- Thỏ con đi học

- Kể tên nhân vật

- Thỏ con

- Chó con

Trẻ lắng nghe.

- Bố mẹ bận trông cà rốt

- Đi ở lề đường bên phải

- Ở vạch sơn trên đường

- Rất phấn khởi, vì lần đầu được đi học một mình.

- Chó con

- Cùng Thỏ con chơi bóng trên đường.

- Không đồng ý với Chó con vì chơi như vậy rất nguy hiểm

- Thỏ con. Vì Thỏ biết đó là hành động nguy hiểm

- Đá bóng trên lề đường, chạy theo bóng xuống chơi ở lòng đường.

- Vì lòng đường có rất nhiều xe chạy, chơi bóng ở lòng đường gây tai nạn cho mình và người đi đường.

- Va phải người đi xe đạp, ngã, trầy đầu gối.

Trẻ trả lời.

<p>da, rớm máu; <i>đầu gối</i>: phân xương khớp ở giữa đùi và cẳng chân)</p> <p>+ Con nghĩ gì khi Chó con gặp nạn?</p> <p>- <i>Đoạn 4: “Mọi người...khi đi”</i></p> <p>+ Mọi người nhắc Chó con biết điều gì?</p> <p>+ Ai đã giúp đỡ Chó con?</p> <p>+ Con nghĩ gì về những người lớn đi trên đường?</p> <p>+ Hai bạn đã làm gì để đến trường an toàn?</p> <p>- <i>Đoạn 5: “Hai bạn...giỏi”</i></p> <p>+ Cô giáo dạy các bạn học bài gì?</p> <p>+ Vì sao các bạn phải học bài này?</p> <p>- <i>Đoạn 6: còn lại</i></p> <p>+ Chó con đã nhận ra điều gì?</p> <p>+ Nơi nào an toàn cho các con vui chơi?</p> <p>+ Câu chuyện cho con biết nơi nào không an toàn để vui chơi?</p> <p>Xem kịch Qua đường</p> <p>? Chúng mình vừa xem vở kịch gì?</p> <p>? Con học được điều gì qua vở kịch?</p> <p>3. Giáo dục</p> <p>Thỏ con rất ngoan ngoãn, xin phép bố mẹ khi đi ra ngoài, nhớ lời mẹ dặn đi ở lề đường bên phải, qua ngã tư đường ở vạch sơn, không chơi đùa trên đường vì đường giao thông nhiều người và xe qua lại nên chơi ở trên đường dễ gây tai nạn cho mình và cho mọi người. Phải biết ơn người giúp đỡ mình khi gặp khó khăn, sẵn lòng giúp đỡ người xung quanh...</p> <p>3. Kết thúc</p> <p>Để chúc mừng Thỏ con ngoan ngoãn và Chó con thoát nạn, chúng mình hát bài Đi đường em nhớ tặng Thỏ con và Chó con nào!</p>	<p>- Giận bạn không nghe lời, thương bạn đau, lo cho bạn...</p> <p>- Nếu va phải xe to thì mất mạng</p> <p>- Bác lái xe đạp.</p> <p>- Họ là người tốt, chỉ bảo cho Chó con biết sự nguy hiểm, giúp đỡ khi Chó con gặp nạn.</p> <p>- Đi trên lề đường bên phải.</p> <p>- Không đùa giỡn, chơi bóng, hả điều ở lòng, lề đường.</p> <p>- Để đảm bảo an toàn cho mình và mọi người.</p> <p>- Không đùa giỡn, chơi bóng ở lòng, lề đường, chơi ở sân trường</p> <p>- Sân, vườn trường</p> <p>- Lòng, lề đường giao thông.</p> <p>- Qua đường</p> <p>Trẻ trả lời</p> <p>Nghe cô nói. Hưởng ứng lời cô</p> <p>VĐTN.</p>
---	--

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

Hoạt động: *Làm quen với tác phẩm văn học*

Chủ đề: *Phương tiện và các luật lệ giao thông*

Đề tài: *Nghe kể chuyện “Kiến thi an toàn giao thông”*

Đối tượng: *Trẻ 5- 6 tuổi* **Thời gian:** *30- 35 phút*

I. Mục đích yêu cầu:

1. Kiến thức:

- Trẻ nhớ tên truyện, tên các nhân vật trong truyện: Kiến chúa, Kiến cày, Kiến vồng, Kiến lửa, Kiến gió, Kiến đen, Kiến hôi, Kiến kim.

- Hiểu nội dung truyện: Họ nhà kiến tổ chức cuộc thi an toàn giao thông trên đường bộ, đội Kiến Kim đã biết vâng lời cô giáo: “không được đi dưới lòng đường, qua đường phải có người lớn dắt” nên đã dành chiến thắng.

- Trẻ biết đường giao thông có lòng đường, vỉa hè, vạch ranh giới; trên đường có nhiều người và phương tiện qua lại; đi bộ và đứng trên vỉa hè, bé qua đường phải có người lớn dắt.

2. Kỹ năng:

- Phát triển và rèn cho trẻ khả năng chú ý ghi nhớ, trả lời câu hỏi đầy đủ rõ ràng lưu loát.

- Đi, đứng trên phần đường dành cho người đi bộ.

- Qua đường phải có người lớn dắt.

3. Thái độ:

- Trẻ hứng thú tham gia vào giờ học, hứng thú nghe cô kể chuyện.

- Quan tâm đến vấn đề an toàn giao thông.

- Đồng tình với lời nói và việc làm của đội Kiến kim, vui mừng với chiến thắng của Kiến kim.

II. Chuẩn bị:

- Slide, video truyện Kiến thi an toàn giao thông

- Một số tranh ảnh về thực hiện đúng luật và không đúng luật.

- Trang phục công an.

III. Tiến hành

<i>Hoạt động của cô</i>	<i>Hoạt động của trẻ</i>
<p>1. Ổn định gây hứng thú</p> <p>- Xin chào các bé, hôm nay cô đã mời một vị khách đặc biệt đến thăm lớp chúng mình đây. Chúng mình hãy cho một tràng pháo tay để chào đón vị khách đặc biệt nào. Đây là ai vậy các bạn?</p> <p>- À, hôm nay chú cảnh sát giao thông mang đến cho chúng mình một trò chơi rất là thú vị đây, chúng mình có muốn tham gia trò chơi không nào?</p> <p>- Đó là trò chơi “Đèn giao thông” chúng mình hãy lắng nghe xem luật chơi như thế nào nhé.</p> <p>Chúng mình sẽ vừa đi vừa hát bài “Em đi qua ngã tư đường phố” và làm theo sự điều khiển của chú cảnh sát giao thông để đi qua ngã tư đường phố nhé.</p> <p>- À, cô thấy lớp chúng mình bạn nào cũng rất hiểu về luật giao thông rồi đây. Cô sẽ thưởng cho chúng mình nghe 1 câu chuyện thú vị về việc thực hiện an toàn giao thông nhé !</p> <p>2. Kể chuyện cho trẻ nghe</p> <p>Cô kể diễn cảm lần 1</p> <p>+ Chúng mình vừa nghe truyện gì ?</p> <p>Cô kể lần 2 + slide</p> <p>+ Cô vừa kể chuyện gì ?</p> <p>+ Trong truyện có những nhân vật nào ?</p> <p>+ Nhân vật nào bé như các con ?</p> <p>Trích dẫn đàm thoại</p> <p>- <i>Đoạn 1 : « Sau những... ranh giới »</i></p> <p>+ Họ nhà Kiến làm gì?</p> <p>+ Đường giao thông được làm như thế nào?</p> <p><u>Vạch ranh giới là gì?</u> (Vạch kẻ trên đường bằng sơn hoặc vật liệu khác giúp chia đường giao thông thành các phần phù hợp với người tham gia giao thông : đường dành cho người đi bộ, đường dành cho xe thô sơ như xe đạp, xe xích lô ; đường dành cho xe cơ giới như ô tô, xe máy...)</p> <p>- <i>Đoạn 2: “Kiến chúa... vị trí”</i></p> <p>+ Có những ai tham gia giao thông?</p> <p>+ Có những phương tiện nào tham gia cuộc thi?</p> <p>+ Họ đi theo hướng nào?</p> <p>-<i>Đoạn 3: Tiếng hô.. bỏ cuộc</i></p> <p>+ Trên đường giao thông có những phương tiện nào?</p> <p>+ Người nào sẽ đi ở lề đường?</p> <p>+ Lề đường dành cho những người nào?</p>	<p>-Trẻ trả lời.</p> <p>- Có</p> <p>- Chơi trò chơi</p> <p>Nghe cô kể Kiến thi an toàn giao thông</p> <p>Kiến thi an toàn giao thông Kể tên các nhân vật Kiến Kim</p> <p>Thi An toàn giao thông Đường thẳng, có lòng đường, lề đường, vạch ranh giới.</p> <p>- Nông dân, học sinh, bé mẫu giáo - Ô tô, xe máy, xe đạp - Đi hai hướng ngược chiều nhau. - Người đi bộ - Người đi các phương tiện giao thông - Kiến kim. Vì đây là đội thí sinh bé nhất. - Đứng im không nhúc nhích</p>

<p>+ Đội nào được cô vũ nhiều nhất? Vì sao? + Kiến kim tham gia cuộc thi như thế nào? - <i>Đoạn 4: Còn lại</i> + Vì sao Kiến kim không xuống đường dự thi?</p> <p>+ Tại sao Kiến kim dành chiến thắng</p> <p>Xem video Kiến thi an toàn giao thông + Chúng mình vừa xem phim gì? + Con học tập được điều gì từ câu chuyện?</p> <p>3. Giáo dục Lòng đường giao thông nguy hiểm vì có nhiều người và phương tiện qua lại nên không được đi vào lòng đường; người đi bộ đi trên vỉa hè hoặc lề đường bên phải; vì các con còn bé, muốn qua đường phải có người lớn dắt để đảm bảo an toàn.</p> <p>4. Kết thúc Vận động theo nhạc bài Bài học giao thông</p>	<p>ở vỉa hè. - Vì làm theo lời cô giáo dặn: không được xuống lòng đường, qua đường phải có người lớn dắt. - Kiến kim thực hiện đúng lời cô dặn để đảm bảo an toàn khi tham gia giao thông - Kiến thi an toàn giao thông Trẻ trả lời</p> <p>Lắng nghe, hưởng ứng lời cô VĐTN</p>
--	---

PHỤ LỤC 5;

BÀI TẬP KHẢO SÁT SAU THỰC NGHIỆM MỨC ĐỘ PHÁT TRIỂN VỀ ĐBAT CỦA TRẺ 5-6 TUỔI

Bài tập 1: Nhận thức của trẻ về những nơi có thể gây nguy hiểm :

Trẻ biết được những nơi nào là nguy hiểm :

- + Chó con đã gặp nguy hiểm ở đâu? (lòng đường)
- + Ngoài lòng đường, con thấy nơi nào có thể gây nguy hiểm? (kể được ít nhất 5 nơi nguy hiểm: bồn cầu, nhà vệ sinh, nền nhà trơn, bể nước, giếng nước, ao, hồ, sông, lòng đường giao thông...)

Trẻ biết những hành động nguy hiểm khi đến những nơi đó:

- + Chó con đã có hành động nguy hiểm nào ở trên đường? (*đá bóng trên đường*)
- + Con hãy kể những việc làm có thể gây nguy hiểm ở đường sắt/lòng đường giao thông?... (*kể hành động nguy hiểm ở ít nhất ở 5 nơi: chơi trên đường sắt, chơi bên đường sắt, chạy qua đường sắt lúc tàu đến gần, đứng xem tàu ở sát đường sắt, thả diều trên đường sắt...*).

Trẻ biết được những tình huống nguy hiểm cần được trợ giúp

- +Chuyện gì đã xảy ra khi chó con chơi bóng trên đường?(*Chó con bị tai nạn giao thông*)
- + Con có thể gặp những tình huống nguy hiểm nào khi chơi gần ao hồ, sông suối/đường giao thông, nhà vệ sinh...? (*Kể ít nhất ở 5 tình huống nguy hiểm: trượt chân ngã xuống nước/chơi ở lòng đường khi xe đang chạy qua, ngã xuống nền nhà/rơi xuống giếng/va đầu vào đá nhọn...*)

Trẻ nói được mối nguy hiểm ở những nơi đó:

- + Lòng đường đáng sợ như thế nào đối với Chó con? (*bị ngã, xe tông, bị đập đầu lòng đường, đập đầu vào xe, gãy tay...*)
- + Con có thể gặp những điều gì nguy hiểm ở đường giao thông/ sông, suối, ao, hồ ...? (*đau, gãy xương, chảy máu, bầm dập, xây xát, bong gân, trật khớp, bất tỉnh, chết đuối,...*)

Trẻ nói được ý nghĩa của việc ĐBAT ở những nơi nguy hiểm:

+ Tại sao con cần tránh tiếp xúc với những nơi có thể gây nguy hiểm? (*để đảm bảo an toàn cho bản thân và mọi người...*)

Bài tập 2: Kỹ năng của trẻ về ĐBAT ở những nơi có thể gây nguy hiểm:

Có kỹ năng phát hiện ra môi nguy hiểm, nhận biết tình huống không an toàn

+Bo đã bị tai nạn ở đâu? (*Trong nhà tắm*)

+Chuyện gì đã xảy ra với Bo ?(*Bị trượt ngã, đồ đạc rơi vào người, bị đau*)

Có hành động xử lý và ĐBAT

Khi bị ngã, Bo đã làm gì? (*Bo kêu cứu, đi báo cho mẹ, đi dép cao su, không chạy nhanh khi đi vào nhà tắm, sắp xếp đồ đạc trong nhà tắm gọn gàng...*)

+ Các bạn làm như vậy có đúng không? Tại sao?

+ Bo và Nơ xinh đã gọi số nào để báo cảnh sát chữa cháy?

Có kỹ năng ĐBAT cho bản thân, biết được những việc không nên làm ở nơi nguy hiểm

+Tại sao Bo lại bị trượt ngã? (*đi dép xộp không có ma sát, sàn nhà có nước nên trơn, Bo chạy nhanh...*)

Đề xuất biện pháp ĐBAT ở nơi nguy hiểm

+Nếu là cháu, cháu sẽ làm gì để đảm bảo an toàn? (*nhắc mẹ lau khô sàn nhà tắm, sắp xếp đồ trong nhà tắm gọn gàng, không đổ nước ra sàn, không đi chân đất, đi dép chống trượt, đi từ từ, gọi người lớn giúp khi bị ngã, báo cho người lớn xử lý...*)

Bài tập 3: Thái độ của trẻ về nơi có thể gây nguy hiểm:

Có mong muốn giúp đỡ người khác

+Con cảm thấy thế nào khi chó con chơi bóng ở lòng đường? (*Không vui, không hài lòng...*)

+Nếu thấy người thân gặp nguy hiểm ở những nơi nguy hiểm, có có muốn giúp đỡ họ không?

Đồng cảm, chia sẻ với người bị nạn, yêu quý

+ Con nghĩ gì khi chó con gặp nạn? (*Cảm xúc tích cực: thương, lo lắng, buồn...; cảm xúc tiêu cực: hả hê, vui thích, phấn khởi, thờ ơ...*)

+Khi chó con gặp nạn con có muốn giúp bạn ấy không? Vì sao? (*Có: vì thương bạn...*)

+Nếu thấy người thân gặp nguy hiểm, con có muốn giúp đỡ họ không? (*Có...*)

+Nếu bạn bè, người thân con không may gặp nạn con cảm thấy như thế nào? (*Tích cực: buồn, thương, lo lắng, sợ hãi... Tiêu cực: vui sướng, phân khởi, thờ ơ, không quan tâm..*)

Biết ơn người giúp đỡ

+Con thấy bác lái xe giúp đỡ chó con như vậy là đúng hay sai? Vì sao? (*đúng, vì đưa chó con vào lề đường cho an toàn và băng vết thương cho chó con*)

+Con nghĩ gì về bác đi xe đạp? (*yêu quý, kính phục, ...*)

PHỤ LỤC 6:**PHIẾU KHẢO SÁT SAU THỰC NGHIỆM
NHẬN THỨC CỦA TRẺ VỀ NƠI CÓ THỂ GÂY NGUY HIỂM**

Họ và tên trẻ :.....

Lớp:.....

Trường:

Ngày :.....

Người thực hiện:.....

TT	Nội dung	Điểm		Ghi chú
		Tối đa	Thực đạt	
1	+ Chó con đã gặp nguy hiểm ở đâu?	0,5		
	+ Ngoài lòng đường, con thấy nơi nào có thể gây nguy hiểm? (bồn cầu, nhà vệ sinh, nền nhà trơn, ban công, cầu thang, bể nước, giếng nước, ao, hồ, sông, đường tàu...)	1		
2	+ Chó con đã có hành động nguy hiểm nào ở trên đường? (đá bóng trên đường)	0,5		
	+ Con hãy kể những việc làm có thể gây nguy hiểm khi đi đường?... (chơi đá bóng trên vỉa hè/dưới lòng đường, chơi đùa trên vỉa hè/dưới lòng đường, chạy nhảy khi đi đường, chạy sang đường ko có người lớn dắt, đi bên trái đường, cứ đi qua đèn đỏ, chạy quá nhanh...).	1		
3	+ Chuyện gì đã xảy ra khi chó con chơi bóng trên đường? <i>Chó con bị tai nạn giao thông</i>	0,5		
	+ Con có thể gặp những tình huống nguy hiểm nào khi chơi gần đường giao thông, nhà vệ sinh, cầu thang, ban công, ao hồ, nền nhà ướt...(ngã, trượt, rơi xuống đất, rơi xuống nước, bị xe tông vào...)	0,5		
4	+ Lòng đường đáng sợ như thế nào đối với Chó con? (bị ngã, xe tông, bị đập đầu lòng đường, đập đầu vào xe, gãy tay...)	0,5		
	+ Con có thể gặp những điều gì nguy hiểm ở đường giao thông/ sông, suối, ao, hồ ...? (đau, gãy xương, chảy máu, bầm dập, xây xát, bong gân, trật khớp, bất tỉnh, chết đuối,...)	0,5		
5	+ Tại sao con không nên chơi ở nơi có thể gây nguy hiểm? (để ĐBAT cho bản thân và mọi người)	1		
TỔNG		6		

**PHIẾU KHẢO SÁT SAU THỰC NGHIỆM
KĨ NĂNG CỦA TRẺ VỀ NƠI CÓ THỂ GÂY NGUY HIỂM**

Họ và tên trẻ : Lớp:

Trường:

Ngày :

Người thực hiện:

tt	Nội dung	Điểm		Ghi chú
		Tối đa	Thực đạt	
1	Bo đã bị tai nạn ở đâu? <i>Trong nhà tắm</i>	0,25		
	Chuyện gì đã xảy ra với Bo ? - Bị trượt ngã (0,25) - Đồ đạc rơi vào người (0,25) - Bị đau (0,25)	0,75		
2	Khi bị ngã, Bo đã làm gì? - Bo kêu cứu (0,5) - Đi báo cho mẹ (0,5) - Đi dép cao su (0,25) - Không chạy nhanh khi đi vào nhà tắm (0,25) - Sắp xếp đồ đạc trong nhà tắm gọn gàng (0,5)	2		
3	Tại sao Bo lại bị trượt ngã? - Đi dép xốp không có ma sát (0,5) - Sàn nhà có nước nên trơn (0,25) - Bo chạy nhanh (0,25)	1		
4	Nếu là cháu, cháu sẽ làm gì để đảm bảo an toàn? - Nhắc mẹ lau khô sàn nhà tắm (0,25) - Sắp xếp đồ trong nhà tắm gọn gàng (0,25) - Không đổ nước ra sàn (0,25) - Không đi chân đất (0,25) - Đi dép chống trượt (0,25) - Đi từ từ (0,25) - Gọi người lớn giúp khi bị ngã (0,25) - Báo cho người lớn xử lí (0,25)	2		
Tổng		6		

**PHIẾU KHẢO SÁT SAU THỰC NGHIỆM
THÁI ĐỘ CỦA TRẺ VỀ NƠI CÓ THỂ GÂY NGUY HIỂM**

Họ và tên trẻ :.....

Lớp:.....

Trường:

Ngày :.....

Người thực hiện:.....

<i>T T</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Điểm</i>		<i>Ghi chú</i>
		<i>Tối đa</i>	<i>Thực đạt</i>	
1	Con cảm thấy thế nào khi chó con chơi bóng ở lòng đường? <i>Không vui, không hài lòng</i>	1		
2	Con nghĩ gì khi chó con gặp nạn? <i>buồn, thương, lo lắng,..</i>	1		
	Khi chó con bị nạn, con có muốn giúp bạn ấy không? <i>Vì sao? Có: vì thương bạn...</i>	1,0		
3	Nếu thấy người thân gặp nguy hiểm, con có muốn giúp đỡ họ không? <i>Có...</i>	0,5		
	Nếu bạn bè, người thân con không may gặp nạn con cảm thấy như thế nào? <i>buồn, thương, lo lắng, sợ hãi,,...</i>	0,5		
4	Con thấy bác lái xe giúp đỡ chó con như vậy là đúng hay sai? Vì sao? <i>Đúng.</i>	1,0		
	<i>Vì đưa chó con vào lề đường cho an toàn và băng vết thương cho chó con</i>			
	Con nghĩ gì về bác đi xe đạp? <i>yêu quý, kính phục, ...</i>	1		
TỔNG		6		

PHỤ LỤC 7:

KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỰC TRẠNG MỨC ĐỘ PHÁT TRIỂN VỀ ĐBAT CỦA TRẺ 5-6 TUỔI

KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỰC TRẠNG SỰ PHÁT TRIỂN VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN CỦA TRẺ 5TA																						
STT	Họ và tên	Nhận thức					Tổng 1	XL	Kỹ năng				Tổng 2	XL	Thái độ				Tổng 3	XL	Tổng chung	Xếp loại
		1	2	3	4	5			1	2	3	4			1	2	3	4				
1	Trần Thị Như Quỳnh	0.75	0.5	0.5	0.25	0.25	2.25	T	0.5	1	0.5	0.5	2.5	T	1.25	0.5	1.25	0.5	3.5	TB	8.25	Y
2	Lê Trung Hiếu	0.75	0.5	0.25	0.25	0.5	2.25	T	0.5	1	0.25	1	2.75	T	1.25	0.75	1.25	0.5	3.75	TB	8.75	Y
3	Lê Phương Nhi	0.75	0.75	0.5	0.25	0.25	2.5	T	0.5	1.25	0.5	1	3.25	TB	1	0.75	1.25	0.5	3.5	TB	9.25	TB
4	Nguyễn Thị Thu Hằng	0.75	0.5	0.25	0.25	0.25	2	T	0.75	1	0.5	1	2.45	T	1	0.75	1.75	0.5	4	TB	8.45	Y
5	Phạm Tiến Đạt	0.75	0.5	0.5	0.25	0.25	2.25	T	0.5	1	0.5	0.5	2.5	T	1.25	0.75	1.25	0.5	3.75	TB	8.5	Y
6	Phạm Lê Tuấn Minh	0.5	0.75	0.75	0.5	0.5	3	TB	1	1	0.75	1.25	4	TB	1.5	1	1.75	0.75	5	C	12	K
7	Nguyễn Hồng Trâm	0.75	0.75	0.5	0.25	0.25	2.5	T	0.75	1	0.5	0.75	3	TB	1.25	0.75	1.25	0.5	3.75	TB	9.25	TB
8	Trần Hồng Phúc	0.5	0.75	0.75	0.5	0.25	2.75	T	0.75	1.25	0.5	1.25	3.75	TB	1.5	0.75	1.75	0.75	4.75	C	11.25	TB
9	Lê Trần Kim Chi	0.5	0.5	0.25	0.25	0.25	1.75	T	0.5	1	0.5	0.5	2.5	T	1.25	0.75	1.25	0.5	3.75	TB	8	Y
10	Trần Bình Trọng	1.5	1.25	0.75	0.75	1	5.25	C	1	1.75	0.75	1.5	5	C	2	1	2	0.75	5.75	C	16	G
11	Phạm Anh Quân	0.5	0.75	0.5	0.5	0.25	2.5	T	0.75	1.25	0.75	1	3.75	TB	1.5	0.75	1.5	0.5	4.25	TB	10.5	TB
12	Nguyễn Dương Tiến Thành	0.75	0.5	0.5	0.25	0.25	2.25	T	0.5	1	0.5	0.75	2.75	T	1.25	0.5	1.2	0.5	3.45	TB	8.45	Y
13	Nguyễn Đỗ Khánh Phương	1	1	0.75	0.75	0.5	4	TB	1	1.5	0.75	1.25	4.5	C	1.2	0.75	1.2	0.5	3.65	TB	12.15	K
14	Trần Thị Thúy Hạnh	1	0.75	0.75	0.75	0.75	4	TB	0.75	1.25	0.5	1.25	3.75	TB	1.25	0.75	1.5	0.5	4	TB	11.75	TB
15	Nguyễn Thành Tài	0.75	0.5	0.5	0.5	0.25	2.5	T	0.75	1	0.5	0.5	2.75	T	1.5	0.5	1.5	0.5	4	TB	9.25	TB

16	Nguyễn Trúc Linh	1.25	1	0.75	1	1	5	C	1	1.5	0.75	0.75	4	TB	1.5	0.75	1.75	0.75	4.75	C	13.75	K
17	Nguyễn Bảo Nam	0.75	0.75	0.5	0.5	0.25	2.75	T	0.75	1	0.5	1	3.25	TB	1.5	0.75	1.25	0.5	4	TB	10	TB
18	Lâm Bình Châu	0.75	0.5	0.5	0.5	0.25	2.5	T	0.75	1	0.5	0.75	3	TB	1.75	0.75	1.25	0.5	4.25	TB	9.75	TB
19	Nguyễn Kim Anh	1	1	0.75	0.75	0.5	4	TB	0.75	1	0.5	0.75	3	TB	1.5	0.75	1.25	0.5	4	TB	11	TB
20	Nguyễn Thị Phương Linh	0.75	0.75	0.5	0.5	0.25	2.75	T	0.5	1	0.5	0.75	2.75	T	1.25	0.75	1.25	0.5	3.75	TB	9.25	TB
21	Nguyễn Tiến Hà	1	0.5	0.5	0.25	0.25	2.5	T	0.75	1	0.5	0.75	3	TB	1.25	0.5	1.25	0.5	3.5	TB	9	TB
22	Nguyễn Việt Anh	1.5	1	0.75	1	0.5	4.75	C	1	1.25	1	1.25	4.5	C	1.5	0.75	1.75	1	5	C	14.25	K
23	Nguyễn Trần Minh Phương	0.75	0.75	0.5	0.5	0.25	2.75	T	0.75	1	0.5	1	3.25	TB	1.5	0.75	1.5	1	4.75	C	10.75	TB
24	Lại Tuấn Minh	0.75	0.5	0.25	0.25	0.25	2	T	0.5	0.75	0.75	0.5	2.5	T	1.25	0.5	1.25	0.5	3.5	TB	8	Y
25	Đinh Thùy Linh	1.25	1	0.75	0.75	0.5	4.25	TB	0.5	0.5	0.75	0.75	2.5	T	1.5	0.75	1.75	0.5	4.5	C	11.25	TB
ĐTB							3						3.2						4.1		10.4	

KẾT QUẢ KHẢO SÁT THỰC TRẠNG SỰ PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG ĐẢM BẢO AN TOÀN CỦA TRẺ 5TB

STT	Họ và tên	Kiến thức					Tổng	XL	Kỹ năng				Tổng	XL	Thái độ				Tổng	XL	Tổng chung	Xếp loại
		1	2	3	4	5	1		1	2	3	4	2		1	2	3	4	3			
1	Nguyễn Thanh Hoa	0.5	0.5	0.5	0.75	0.25	2.5	T	0.75	1.25	0.5	0.5	3	TB	1	0.5	1.25	0.75	3.5	TB	9	TB
2	Nguyễn. T. Thủy Linh	0.75	0.5	0.5	0.75	0.25	2.75	T	0.5	0.75	0.5	0.75	2.5	T	1.25	0.5	1.5	0.5	3.75	TB	9	TB
3	Nguyễn Tiến Mạnh	0.75	0.5	0.5	0.5	0.5	2.75	T	0.5	1	0.75	0.75	3	TB	1.25	0.5	1.25	0.5	3.5	TB	9.25	TB
4	Nguyễn. T. Ngọc Lan	1.25	1.25	1	1	1	5.5	C	1	1.5	1	1	4.5	C	1.5	1	1.75	1	5.25	C	15.25	G
5	Nguyễn Minh Hiếu	0.75	0.75	0.5	0.5	0.5	3	TB	0.75	0.75	0.5	1	3	TB	1.25	0.75	1.25	0.75	4	TB	10	TB
6	Đình.T.Như Quỳnh	0.5	0.75	0.25	0.5	0.25	2.25	T	0.5	0.75	0.75	0.5	2.5	T	1.25	0.5	1.25	0.5	3.5	TB	8.25	Y
7	Nguyễn.T. Ngọc Anh "A"	1.25	1	0.75	0.75	0.25	4	TB	0.75	0.75	0.75	0.75	3	TB	1.25	0.75	1.5	0.5	4	TB	11	TB
8	Trần.T. Kim Ngân	1.5	1	0.75	0.75	0.5	4.5	C	1	1.5	0.5	0.5	3.5	TB	1.5	0.75	1.75	0.75	4.75	C	12.75	K
9	Nguyễn Kiều Trang	0.75	0.75	0.5	0.6	0.5	3.1	TB	0.5	1	0.5	0.5	2.5	T	1.25	0.5	1.25	0.5	3.5	TB	9.1	TB
10	Hoàng Thị Nhung	1.25	1	0.75	1	0.5	4.5	C	1	0.75	0.5	0.5	2.75	T	1.5	0.75	1.25	0.5	4	TB	11.25	TB
11	Trần Tuấn Kiệt	1.25	1	0.75	0.75	1	4.75	C	0.75	1.25	0.75	0.75	3.5	TB	2	0.5	1.5	0.5	4.5	C	12.75	K
12	Nguyễn Phú TRọng	1	0.5	0.5	0.75	0.25	3	TB	0.5	1	0.5	0.5	2.5	T	1.25	0.5	0.75	0.2	2.7	T	8.2	Y
13	Trần Phương Thảo	1.25	0.5	0.75	1	1	4.5	C	0.75	1	0.5	0.75	3	TB	1.25	0.75	0.75	0.5	3.25	TB	10.75	TB
14	Nguyễn. T. Thu Thủy	0.75	0.75	0.5	0.75	0.25	3	TB	0.5	0.5	0.5	0.5	2	T	1.75	0.5	1.25	0.5	4	TB	9	TB
15	Nguyễn Tiến Trường	1.25	1	0.75	0.75	0.5	4.25	TB	0.75	1.25	0.5	1	3.5	TB	1.5	0.75	1.75	0.5	4.5	C	12.25	K
16	Phạm.T. Phương Diệp	0.75	0.75	0.5	0.75	0.5	3.25	TB	1	1	0.5	0.75	3.25	TB	1.25	0.75	1.5	0.5	4	TB	10.5	TB
17	Nguyễn Duy Khánh	0.75	0.5	0.25	0.75	0.25	2.5	T	0.5	1	0.5	0.5	2.5	T	1.5	0.75	1.25	0.5	4	TB	9	TB

18	Vũ Văn Phương	1.25	1	0.75	0.5	1	4.5	C	1	1	0.5	0.5	3	TB	1.25	0.5	1.25	0.5	3.5	TB	11	TB
19	Nguyễn Hoàng Nguyên	0.75	0.5	0.5	0.75	0.25	2.75	T	0.75	1	0.75	0.75	3.25	TB	1.55	0.5	1.25	0.75	4.05	TB	10.05	TB
20	Nguyễn. T. Như Quỳnh	1	0.5	0.75	0.75	0.25	3.25	TB	1	1.25	0.5	1	3.75	TB	1.25	0.75	1.5	0.75	4.25	TB	11.25	TB
21	Nguyễn.T. Hồng Ngát	1.25	1.25	0.75	1	1	5.25	C	1	2	1	1.25	5.25	C	2	0.75	2	0.75	5.5	C	16	G
22	Nguyễn. T. Thanh thủy	0.75	0.75	0.5	0.5	0.25	2.75	T	1	1	0.5	1	3.5	TB	1.5	0.75	1.5	0.5	4.25	TB	10.5	TB
23	Nguyễn Huy Long	0.75	0.5	0.5	0.5	0.25	2.5	T	0.5	1	0.5	0.75	2.75	T	1	0.5	0.5	0.5	2.5	T	7.75	Y
24	Trần Gia Bảo	0.75	0.5	0.25	0.75	0.25	2.5	T	1	1.25	0.5	1.25	4	TB	1.5	0.75	2	0.5	4.75	C	11.25	TB
25	Vũ Thị Thuý	0.5	0.75	0.5	0.5	0.25	2.5	T	1	1	0.75	0.5	3.25	TB	1.75	0.5	1.25	0.75	4.25	TB	10	TB
ĐTB							3.4						3.2						4		10.6	

PHỤ LỤC 8:

KẾT QUẢ KHẢO SÁT TRƯỚC TN SỰ PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG ĐẢM BẢO AN TOÀN CỦA TRẺ TN

STT	Họ và tên	Nhận thức					Tổng g 1	XL	Kỹ năng				Tổng 2	XL	Thái độ				Tổng g 3	XL	Tổng chung	Xếp loại
		1	2	3	4	5			1	2	3	4			1	2	3	4				
		1	Trần Thị Như Quỳnh	0.75	0.5	0.5			0.25	0.25	2.25	T			0.5	1	0.5	0.5				
2	Lê Trung Hiếu	0.75	0.5	0.25	0.25	0.5	2.25	T	0.5	1	0.25	1	2.75	T	1.25	0.75	1.25	0.5	3.75	TB	8.75	Y
3	Lê Phương Nhi	0.75	0.75	0.5	0.25	0.25	2.5	T	0.5	1.25	0.5	1	3.25	TB	1	0.75	1.25	0.5	3.5	TB	9.25	TB
4	Đinh Thùy Linh	1.25	1	0.75	0.75	0.5	4.25	TB	0.5	0.5	0.75	0.75	2.5	T	1.5	0.75	1.75	0.5	4.5	C	11.25	TB
5	Phạm Tiến Đạt	0.75	0.5	0.5	0.25	0.25	2.25	T	0.5	1	0.5	0.5	2.5	T	1.25	0.75	1.25	0.5	3.75	TB	8.5	Y
6	Phạm Lê Tuấn Minh	0.5	0.75	0.75	0.5	0.5	3	TB	1	1	0.75	1.25	4	TB	1.5	1	1.75	0.75	5	C	12	K
7	Nguyễn Hồng Trâm	0.75	0.75	0.5	0.25	0.25	2.5	T	0.75	1	0.5	0.75	3	TB	1.25	0.75	1.25	0.5	3.75	TB	9.25	TB
8	Trần Hồng Phúc	0.5	0.75	0.75	0.5	0.25	2.75	T	0.75	1.25	0.5	1.25	3.75	TB	1.5	0.75	1.75	0.75	4.75	C	11.25	TB
9	Lê Trần Kim Chi	0.5	0.5	0.25	0.25	0.25	1.75	T	0.5	1	0.5	0.5	2.5	T	1.25	0.75	1.25	0.5	3.75	TB	8	Y
10	Trần Bình Trọng	1.5	1.25	0.75	0.75	1	5.25	C	1	1.75	0.75	1.5	5	C	2	1	2	0.75	5.75	C	16	G
11	Phạm Anh Quân	0.5	0.75	0.5	0.5	0.25	2.5	T	0.75	1.25	0.75	1	3.75	TB	1.5	0.75	1.5	0.5	4.25	TB	10.5	TB
12	Nguyễn Dương Tiến Thành	0.75	0.5	0.5	0.25	0.25	2.25	T	0.5	1	0.5	0.75	2.75	T	1.25	0.5	1.2	0.5	3.45	TB	8.45	Y
13	Nguyễn Đỗ Khánh Phương	1	1	0.75	0.75	0.5	4	TB	1	1.5	0.75	1.25	4.5	C	1.2	0.75	1.2	0.5	3.65	TB	12.15	K
14	Trần Thị Thúy Hạnh	1	0.75	0.75	0.75	0.75	4	TB	0.75	1.25	0.5	1.25	3.75	TB	1.25	0.75	1.5	0.5	4	TB	11.75	TB
15	Nguyễn Thành Tài	0.75	0.5	0.5	0.5	0.25	2.5	T	0.75	1	0.5	0.5	2.75	T	1.5	0.5	1.5	0.5	4	TB	9.25	TB
16	Nguyễn Trúc Linh	1.25	1	0.75	1	1	5	C	1	1.5	0.75	0.75	4	TB	1.5	0.75	1.75	0.75	4.75	C	13.75	K
17	Nguyễn Bảo Nam	0.75	0.75	0.5	0.5	0.25	2.75	T	0.75	1	0.5	1	3.25	TB	1.5	0.75	1.25	0.5	4	TB	10	TB
18	Lâm Bình Châu	0.75	0.5	0.5	0.5	0.25	2.5	T	0.75	1	0.5	0.75	3	TB	1.75	0.75	1.25	0.5	4.25	TB	9.75	TB
19	Nguyễn Kim Anh	1	1	0.75	0.75	0.5	4	TB	0.75	1	0.5	0.75	3	TB	1.5	0.75	1.25	0.5	4	TB	11	TB
20	Nguyễn Thị Phương Linh	0.75	0.75	0.5	0.5	0.25	2.75	T	0.5	1	0.5	0.75	2.75	T	1.25	0.75	1.25	0.5	3.75	TB	9.25	TB
ĐTB							3.1						3.3						4.1		10.4	

KẾT QUẢ KHẢO SÁT TRƯỚC TN SỰ PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG ĐẢM BẢO AN TOÀN CỦA TRẺ ĐC

STT	Họ và tên	Kiến thức					Tổng 1	XL	Kỹ năng				Tổng 2	XL	Thái độ				Tổng 3	XL	Tổng chung	Xếp loại
		1	2	3	4	5			1	2	3	4			1	2	3	4				
1	Nguyễn Thanh Hoa	0.5	0.5	0.5	0.75	0.25	2.5	T	0.75	1.25	0.5	0.5	3	TB	1	0.5	1.25	0.75	3.5	TB	9	TB
2	Nguyễn. T. Thùy Linh	0.75	0.5	0.5	0.75	0.25	2.75	T	0.5	0.75	0.5	0.75	2.5	T	1.25	0.5	1.5	0.5	3.75	TB	9	TB
3	Nguyễn Tiến Mạnh	0.75	0.5	0.5	0.5	0.5	2.75	T	0.5	1	0.75	0.75	3	TB	1.25	0.5	1.25	0.5	3.5	TB	9.25	TB
4	Nguyễn. T. Ngọc Lan	1.25	1.25	1	1	1	5.5	C	1	1.5	1	1	4.5	C	1.5	1	1.75	1	5.25	C	15.25	G
5	Nguyễn Minh Hiếu	0.75	0.75	0.5	0.5	0.5	3	TB	0.75	0.75	0.5	1	3	TB	1.25	0.75	1.25	0.75	4	TB	10	TB
6	Trần.T. Kim Ngân	1.5	1	0.75	0.75	0.5	4.5	C	1	1.5	0.5	0.5	3.5	TB	1.5	0.75	1.75	0.75	4.75	C	12.75	K
7	Nguyễn Kiều Trang	0.75	0.75	0.5	0.6	0.5	3.1	TB	0.5	1	0.5	0.5	2.5	T	1.25	0.5	1.25	0.5	3.5	TB	9.1	TB
8	Hoàng Thị Nhung	1.25	1	0.75	1	0.5	4.5	C	1	0.75	0.5	0.5	2.75	T	1.5	0.75	1.25	0.5	4	TB	11.25	TB
9	Trần Tuấn Kiệt	1.25	1	0.75	0.75	1	4.75	C	0.75	1.25	0.75	0.75	3.5	TB	2	0.5	1.5	0.5	4.5	C	12.75	K
10	Nguyễn Phú TRọng	1	0.5	0.5	0.75	0.25	3	TB	0.5	1	0.5	0.5	2.5	T	1.25	0.5	0.75	0.2	2.7	T	8.2	Y
11	Nguyễn. T. Thu Thủy	0.75	0.75	0.5	0.75	0.25	3	TB	0.5	0.5	0.5	0.5	2	T	1.75	0.5	1.25	0.5	4	TB	9	TB
12	Nguyễn Tiến Trường	1.25	1	0.75	0.75	0.5	4.25	TB	0.75	1.25	0.5	1	3.5	TB	1.5	0.75	1.75	0.5	4.5	C	12.25	K
13	Phạm.T. Phương Điệp	0.75	0.75	0.5	0.75	0.5	3.25	TB	1	1	0.5	0.75	3.25	TB	1.25	0.75	1.5	0.5	4	TB	10.5	TB
14	Nguyễn Duy Khánh	0.75	0.5	0.25	0.75	0.25	2.5	T	0.5	1	0.5	0.5	2.5	T	1.5	0.75	1.25	0.5	4	TB	9	TB
15	Nguyễn Hoàng Nguyên	0.75	0.5	0.5	0.75	0.25	2.75	T	0.75	1	0.75	0.75	3.25	TB	1.55	0.5	1.25	0.75	4.05	TB	10.05	TB
16	Nguyễn. T. Như Quỳnh	1	0.5	0.75	0.75	0.25	3.25	TB	1	1.25	0.5	1	3.75	TB	1.25	0.75	1.5	0.75	4.25	TB	11.25	TB
17	Trần Gia Bảo	0.75	0.5	0.25	0.75	0.25	2.5	T	1	1.25	0.5	1.25	4	TB	1.5	0.75	2	0.5	4.75	C	11.25	TB
18	Nguyễn. T. Thanh thủy	0.75	0.75	0.5	0.5	0.25	2.75	T	1	1	0.5	1	3.5	TB	1.5	0.75	1.5	0.5	4.25	TB	10.5	TB
19	Nguyễn Huy Long	0.75	0.5	0.5	0.5	0.25	2.5	T	0.5	1	0.5	0.75	2.75	T	1	0.5	0.5	0.5	2.5	T	7.75	Y
20	Vũ Thị Thủy	0.5	0.75	0.5	0.5	0.25	2.5	T	1	1	0.75	0.5	3.25	TB	1.75	0.5	1.25	0.75	4.25	TB	10	TB
ĐTB							3.3						3.1						4		10.4	

PHỤ LỤC 9:

KẾT QUẢ KHẢO SÁT SAU TN SỰ PHÁT TRIỂN VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN CỦA TRẺ NHÓM ĐC																						
STT	Họ và tên	Kiến thức					Tổng 1	XL	Kỹ năng				Tổng 2	XL					Tổng 3	XL	Tổng chung	Xếp loại
		1	2	3	4	5			1	2	3	4			1	2	3	4				
1	Nguyễn Thanh Hoa	0.75	0.5	0.5	0.5	0.5	2.75	T	0.75	1.25	0.5	0.5	3	TB	0.5	1.25	0.5	1.5	3.75	TB	9.5	TB
2	Nguyễn. T. Thuỳ Linh	1	0.5	0.5	0.75	0.25	3	TB	0.5	0.75	0.5	0.75	2.5	T	0.75	1.25	0.75	1.25	4	TB	9.5	TB
3	Nguyễn Tiên Mạnh	0.75	0.5	0.5	0.5	0.25	2.5	T	0.5	1	0.75	0.75	3	TB	0.5	1.25	0.5	1.5	3.75	TB	9.25	TB
4	Nguyễn. T. Ngọc Lan	1.5	1.5	1	0.75	1	5.75	C	1	1.5	1	1	4.5	C	1	1.5	1	1.8	5.3	C	15.55	G
5	Nguyễn Minh Hiếu	0.75	0.75	0.5	0.6	0.5	3.1	TB	0.75	0.75	0.5	1	3	TB	0.75	1.3	0.5	1.5	4.05	TB	10.15	TB
6	Trần.T. Kim Ngân	1.5	1.5	0.5	0.5	1	5	C	1	1.5	0.5	0.5	3.5	TB	0.75	1.75	0.75	1.75	5	C	13.5	K
7	Nguyễn Kiều Trang	1.25	0.5	0.75	0.5	0.25	3.25	TB	0.5	0.75	0.5	0.5	2.25	T	0.5	1.5	0.5	1.25	3.75	TB	9.25	TB
8	Hoàng Thị Nhung	1.25	1.25	0.5	0.65	0.5	4.15	TB	0.75	0.75	0.5	0.75	2.75	T	0.75	1.5	0.5	1.5	4.25	TB	11.15	TB
9	Trần Tuấn Kiệt	1.5	1.25	0.5	0.75	1	5	C	0.75	1.25	0.75	0.75	3.5	TB	0.75	2	0.5	1.5	4.75	C	13.25	K
10	Nguyễn Phú Trọng	1	0.5	0.5	0.5	1	3.5	TB	0.5	1.25	0.5	0.75	3	TB	0.5	1.25	0.35	0.75	2.85	T	9.35	TB
11	Nguyễn. T. Thu Thủy	1	1	0.5	0.5	0.25	3.25	TB	0.5	0.5	0.5	0.5	2	T	0.5	1.75	0.5	1.5	4.25	TB	9.5	TB
12	Nguyễn Tiên Trường	1.5	1.25	0.75	0.5	0.5	4.5	C	0.75	1.25	0.5	1	3.5	TB	0.75	1.5	0.75	1.65	4.65	C	12.65	K
13	Phạm.T. Phương Điệp	0.75	0.75	0.5	0.55	1	3.55	TB	1	1	0.5	0.75	3.25	TB	0.75	1.5	0.5	1.25	4	TB	10.8	TB
14	Nguyễn Duy Khánh	0.75	0.75	0.25	0.75	0.5	3	TB	0.5	1	0.5	0.5	2.5	T	0.5	1.5	0.5	1.25	3.75	TB	9.25	TB
15	Nguyễn Hoàng Nguyên	0.75	0.5	0.5	0.75	0.25	2.75	T	0.75	1	0.75	0.75	3.25	TB	0.5	1.55	0.75	1.25	4.05	TB	10.05	TB
16	Nguyễn. T. Như Quỳnh	1	0.75	0.75	0.5	0.25	3.25	TB	1	1.5	0.5	1	4	TB	0.75	1.5	0.75	1.5	4.5	C	11.75	TB
17	Trần Gia Bảo	0.85	0.75	0.5	0.75	0.25	3.1	TB	1	1.25	0.5	1.25	4	TB	0.75	1.5	0.5	2	4.75	C	11.85	TB
18	Nguyễn. T. Thanh thủy	0.75	0.85	0.5	0.5	0.25	2.85	T	1	1	0.5	1	3.5	TB	0.75	1.5	0.5	1.5	4.25	TB	10.6	TB
19	Nguyễn Huy Long	0.75	0.75	0.5	0.5	0.25	2.75	T	0.75	0.5	0.5	0.75	2.5	T	0.5	1	0.5	0.5	2.5	T	7.75	Y
20	Vũ Thị Thủy	0.8	0.75	0.5	0.5	0.25	2.8	T	1	1	0.75	0.5	3.25	TB	0.5	1.75	0.75	1.25	4.25	TB	10.3	TB
ĐTB							3.6						3.1						4.2		10.8	

KẾT QUẢ KHẢO SÁT SAU TN SỰ PHÁT TRIỂN VỀ ĐAM BẢO AN TOÀN CỦA TRẺ NHÓM TN

	Họ và tên	Nhận thức					Tổng	XL	Kỹ năng				Tổng	XL					Tổng	XL	Tổng chung	Xếp loại
		1	2	3	4	5	1		1	2	3	4	2		1	2	3	4	3			
1	Trần Thị Như Quỳnh	1.05	1	0.8	0.5	0.4	3.75	TB	0.7	1.35	0.65	0.75	3.45	TB	0.75	1.25	0.5	1.25	3.75	TB	10.95	TB
2	Lê Trung Hiếu	1.05	0.75	0.55	0.5	0.65	3.5	TB	0.7	1.35	0.65	1	3.7	TB	0.75	1.5	0.5	1.25	4	TB	11.2	TB
3	Lê Phương Nhi	0.85	1	0.8	0.5	0.4	3.55	TB	0.7	1.5	0.65	1	3.85	TB	0.65	1.35	0.5	1.25	3.75	TB	11.15	TB
4	Đinh Thùy Linh	1.25	1	0.75	0.75	0.5	4.25	TB	0.75	1.3	0.75	0.75	3.55	TB	0.75	1.5	0.5	1.75	4.5	C	12.3	K
5	Phạm Tiến Đạt	1.05	1	0.8	0.5	0.65	4	TB	0.7	1.35	0.65	0.75	3.45	TB	0.75	1.5	0.5	1.25	4	TB	11.45	TB
6	Phạm Lê Tuấn Minh	1	1.25	1	0.8	0.65	4.7	C	1	1.55	0.9	1.35	4.8	C	1	1.5	0.75	1.75	5	C	14.5	K
7	Nguyễn Hồng Trâm	1.05	1	0.75	0.5	0.4	3.7	TB	0.95	1.3	0.65	0.75	3.65	TB	0.75	1.25	0.75	1.25	4	TB	11.35	TB
8	Trần Hồng Phúc	1	1.5	1	0.75	0.5	4.75	C	0.95	1.6	0.65	1	4.2	TB	0.75	1.5	0.75	1.75	4.75	C	13.7	K
9	Lê Trần Kim Chi	1	1	0.5	0.5	0.4	3.4	TB	0.9	1.35	0.65	1	3.9	TB	0.75	1.25	0.5	1.5	4	TB	11.3	TB
10	Trần Bình Trọng	1.5	1.25	1	0.95	1	5.7	C	1	1.85	0.9	1	4.75	C	1	2	0.75	2	5.75	C	16.2	G
11	Phạm Anh Quân	0.8	1	0.8	0.75	0.4	3.75	TB	0.95	1.6	0.9	1.25	4.7	C	0.75	1.5	0.5	1.5	4.25	TB	12.7	K
12	Nguyễn Dương Tiến Thành	1.2	0.85	0.3	0.5	0.4	3.25	TB	0.7	1.45	0.65	0.75	3.55	TB	0.5	1.5	0.75	1.5	4.25	TB	11.05	TB
13	Nguyễn Đỗ Khánh Phương	1.5	1.25	1	0.8	0.65	5.2	C	1	1.85	0.9	1.35	5.1	C	1	1.2	0.75	1.75	4.7	C	15	G
14	Trần Thị Thúy Hạnh	1.35	1.25	0.9	0.85	0.9	5.25	C	0.95	1.6	0.65	0.95	4.15	TB	0.75	1.25	0.5	1.5	4	TB	13.4	K
15	Nguyễn Thành Tài	1.25	1	0.8	0.75	0.4	4.2	TB	0.95	1.35	0.65	0.5	3.45	TB	0.5	1.5	0.5	1.75	4.25	TB	11.9	TB
16	Nguyễn Trúc Linh	1.5	1.3	1	0.8	1	5.6	C	1	2	0.9	0.75	4.65	C	0.75	1.5	0.75	1.75	4.75	C	15	G
17	Nguyễn Bảo Nam	1.05	1	0.8	0.75	0.4	4	TB	0.95	1.35	0.65	1	3.95	TB	0.75	1.5	0.5	1.55	4.3	TB	12.25	K
18	Lâm Bình Châu	1	1	0.8	0.5	0.5	3.8	TB	0.95	1.35	0.65	0.75	3.7	TB	0.75	1.75	0.5	1.55	4.55	C	12.05	K
19	Nguyễn Kim Anh	1.3	1.25	1	0.8	0.65	5	C	0.9	1.3	0.65	0.75	3.6	TB	0.75	1.4	0.5	1.25	3.9	TB	12.5	K
20	Nguyễn Thị Phương Linh	1.05	1	0.8	0.75	0.65	4.25	TB	0.7	1.35	0.65	0.75	3.45	TB	0.75	1.25	0.5	1.25	3.75	TB	11.45	TB
ĐTB							4.3						4						4.3		12.6	

PHỤ LỤC 10:

MỘT SỐ TÁC PHẨM VĂN HỌC GIÁO DỤC ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO TRẺ MẪU GIÁO

VÌ SAO THỎ CỤT ĐUÔI

Thỏ và Nhím là đôi bạn rất thân. Thỏ vốn thông minh nhưng nghịch ngợm hay leo trèo nhảy nhót khắp nơi. Nhím hiền lành, chịu khó, tính tình cẩn thận, chắc chắn.

Một hôm Thỏ rủ Nhím ra ven rừng chơi. Cạnh rừng có một con đường đất đỏ chạy qua, bên kia là bãi cỏ rộng nhiều hoa thơm, bướm lượn, trông thật thích mắt. Thỏ nói với Nhím: - Chúng mình chạy nhanh qua đường, sang bên kia tha hồ mà hái hoa, bắt bướm.

Vốn tính cẩn thận Nhím nói: - Bên kia đường là bãi cỏ trống vắng, trên đường lại có ô tô chạy chúng mình đứng đây ngắm hoa cũng được.

Thỏ nghĩ: “Bãi cỏ rộng thế tha hồ mà chạy nhảy, nếu có gì nguy hiểm thì mình chạy nhanh là được”.

Nghĩ rồi, Thỏ chạy băng qua đường. Vừa lúc ấy có một chiếc ô tô chạy đến. Thấy Thỏ, ô tô vội phanh kết một cái, chú Thỏ bé nhỏ chui tọt vào gầm xe, chiếc đuôi xinh đẹp của nó đã bị xe đè lên đứt rời ra.

Thấy Thỏ bị nạn, Nhím vội chạy ra đỡ Thỏ vào lề đường. Bị mất đuôi, Thỏ đau đớn, nó ân hận vì đã không nghe lời Nhím, chiếc đuôi của Thỏ còn lại một đoạn ngắn ngui trông thật xấu xí.

Nhím động viên Thỏ: - Từ nay chúng mình cùng phải cẩn thận hơn khi sang đường, phải nhìn sang trái, sang phải, không có xe đến gần mới được qua đường.

Thỏ bẽn lẽn: - Tớ đồng ý.

Phạm Hoàng Yến (Hà Tây)

KIỆN CON ĐI XE Ô TÔ

Kiến con lên xe buýt vào rừng thăm bà ngoại. Trên xe đã có các bạn Dê con, Chó con, Khỉ con và Lợn con... Có bạn trong bọn họ vào rừng hái nấm, có bạn vào rừng chơi trốn tìm, có bạn đến dạo chơi bên bờ hồ nước ở trong rừng.

“Bim bim...” xe chạy rồi. Tất cả các bạn cùng cất tiếng hát rộn ràng.

“Bim bim”, xe dừng lại ở bên đón khách. Một bác Gấu lên xe. Bác đến rừng xanh để thăm cháu. “Ngồi vào đâu bây giờ?” – Bác Gấu nhìn quanh và thăm nghĩ. Các chỗ ngồi đã chật kín.

Chợt Dê con lên tiếng: - Bác Gấu ơi, mời bác ngồi chỗ của cháu!

Chó con cũng đứng lên nói: - Bác Gấu ơi, bác ngồi vào chỗ của cháu đi!

Rồi tất cả các bạn, không ai bảo ai, đều đồng thanh nói:

- Bác Gấu ơi, cháu mời bác ngồi đây ạ!

Bác Gấu cảm động nói:

- Cảm ơn các cháu, nhưng bác mà ngồi thì các cháu lại phải đứng, đứng không?

Lúc đó, Kiến con mới đến bên bác Gấu, cố nhoi lên và cất giọng nói:

- Không, không, mời bác lại ngồi chỗ của cháu!

Bác Gấu hỏi lại: - Thế cháu ngồi vào đâu?

Kiến con hấp háy ánh mắt một cách hóm hỉnh. Bác Gấu ngồi vào chỗ của Kiến con, thăm hỏi: “ồ, Kiến con đi đâu rồi nhỉ?”

- Bác Gấu ơi, cháu ở đây! – Thì ra Kiến con ngồi trên vai bác Gấu.

Trên đường đi, Kiến con hát cho bác Gấu nghe rất nhiều bài hát. Những bài hát du dương hay quá khiến bác Gấu cứ lim dim đôi mắt lắng nghe.

Phạm Mai Chi sưu tầm

KIẾN THI AN TOÀN GIAO THÔNG

Sau những ngày nhộn nhịp chuẩn bị, hôm nay họ nhà Kiến tổ chức cuộc thi an toàn giao thông.

Trong vườn mơ mát mẻ, tận dụng cái thước mét của ai để quên, thế là đã có con đường phẳng lì, thẳng tắp. Các chàng Kiến trẻ chỉ cần đắp hai bên vỉa hè và kẻ đường ranh giới.

Kiến Chúa oai vệ đứng trên cành mơ cụt, cầm chiếc loa nói to:

- A lô, a lô, hôm nay chúng ta thi tìm hiểu luật an toàn giao thông trên đoạn đường thẳng. Kiến Càng làm ô tô, Kiến Vồng làm công nông, Kiến Lửa làm xe máy, Kiến Đen làm xe đạp, còn Kiến Gió, Kiến Hôi làm học sinh, cuối cùng là Kiến Kim sẽ làm em bé mẫu giáo. Tất cả các đội được chia làm hai tốp, đứng ở hai đầu đường rồi đi ngược chiều nhau. Ban giám khảo sẽ quan sát, chấm điểm cho từng đội.

Tiếng vỗ tay vang dội cả vườn mơ. Ai nấy vào vị trí. Tiếng hô của Kiến Chúa vang lên: - Chú ý: bắt đầu!

Ô tô, công nông, xe máy, xe đạp, người đi bộ cùng chuyển động. Dưới mặt đất, trên các tầng đá cao và trên các cành cây vang lên tiếng reo hò của các cỗ động viên, to hơn vẫn là tiếng cổ động cho Kiến Kim: - Kiến Kim cố lên! Kiến Kim cố lên!

Thế nhưng, tất cả đều nhìn thấy đội Kiến Kim vẫn đứng trên vỉa hè nhìn theo các đoàn “thí sinh” di chuyển, chẳng chú nào nhúc nhích.

Rồi cuộc thi kết thúc. Trong lúc nhiều người lo lắng cho đội Kiến Kim, không hiểu sao lại bỏ cuộc thì tiếng loa của Kiến Chúa đã vang lên:

- Cuộc thi đã kết thúc tốt đẹp! Tất cả các thí sinh đã hoàn thành rất tốt phần thi của mình, đi đúng luật giao thông, đảm bảo an toàn. Riêng đội Kiến Kim trả lời tiếp câu hỏi sau: - Tại sao các cháu không xuống đường dự thi?

Đội Kiến Kim đồng thanh trả lời: - Thưa Ban giám khảo, ở lớp cô dạy chúng cháu không được tự ý xuống lòng đường, muốn qua đường phải có người lớn đưa qua ạ!

Cả vườn mơ bỗng vang dậy tiếng hoan hô hoà trong tiếng loa của Kiến Chúa:

- Kiến Kim mười điểm, Kiến Kim mười điểm!

Ban Giám khảo vui mừng công bố:

- Điểm thẳng tuyệt đối đã thuộc về đội mẫu giáo Kiến Kim.

Nguyễn Thị Hòa

QUA ĐƯỜNG

Vào một buổi sáng mùa xuân ấm áp, hai chị em Thỏ Nâu và Thỏ Trắng xin phép mẹ ra phố chơi. Mẹ đồng ý và dặn: “Các con đi đường cẩn thận nhé!”. Hai chị em vâng dạ rồi nhảy chân sáo ra khỏi nhà.

Ra đường, được ngắm trời ngắm đất và hít thở không khí trong lành, hai chị em Thỏ nói cười ríu rít. Thỏ Nâu bảo em:

- Em xem kìa, trên cành cây có một con chim xinh đang nhảy nhót bắt sâu đây!
Thỏ Trắng nói:

- Chị ơi, bên kia đường có vườn hoa đẹp quá, chị em mình sang xem đi!

Thỏ Trắng kéo chị Thỏ Nâu chạy ào sang đường, chẳng chú ý gì cả.

Bỗng, kít, kít... tiếng một loại xe phanh gấp nghe rợn cả người. Hai chị em nhìn lên, một đoàn xe dừng hết cả lại.

Bác Gấu lái xe tải thò đầu ra khỏi xe nói to:

- Hai cháu kia, tín hiệu đèn đỏ đang bật mà lại dám chạy sang đường à?

Đúng lúc ấy, chú Thỏ Xám là cảnh sát giao thông đi tới, dắt cả hai chị em quay lại vỉa hè. Chú ôn tồn giải thích:

- Các cháu có nhìn thấy tín hiệu đèn đỏ kia không? Khi nào đèn đỏ tắt, đèn xanh bật lên các cháu mới được qua đường. Lần sau, hai cháu phải chú ý nhé!

Hai chị em Thỏ Nâu và Thỏ Trắng nhìn nhau. Thỏ Nâu nói:

- Chúng cháu xin lỗi chú, lần sau sang đường, chúng cháu nhớ nhìn tín hiệu đèn màu ạ!

Chú cảnh sát giao thông Thỏ Xám còn dặn tiếp:

- Các cháu còn bé nên khi qua đường phải có người lớn dắt, nếu không rất dễ xảy ra tai nạn đấy!

Từ hôm đó, hai chị em Thỏ luôn nhớ những lời dặn của chú Thỏ Xám: “Đèn đỏ phải dừng lại, đèn xanh mới được đi, khi qua đường phải có người lớn dắt”.

CUỘC PHIÊU LƯU CỦA NHỮNG CHÚ GÀ NHÍ

Những tia nắng sớm đánh thức những chú gà con thức dậy. Len lén chiu ra khỏi cánh mẹ còn đang ngủ, các chú chạy ra bờ suối.

- Chào bác Mặt Trời!

Các chú nói to, còn mặt trời thì mỉm cười, lướt nhẹ tia nắng xoa đầu các chú.

Gà cò đưa các em ra suối rửa mặt và uống nước mát. Trên đường đi chúng thấy một cái chậu cũ, chúng quyết định lấy nó làm thuyền để đi du lịch. Cô út Lông Vàng, cậu Trống Choai, cậu Đuôi Rậm, cô TỎ Trắng, cậu Mào Ớt, cậu Cựa Ngắn, cậu Gà Trụi và anh cả Gà Cò hò nhau khiên chậu ra suối.

- Nào! Cùng đẩy xuống nước và trèo lên thuyền - Gà Cò hô.

- Ý rất hay! Thích quá! Đó là điều mà anh em mình mong đợi – Cả đàn gà tán đồng.

Nước suối cuốn luôn cái chậu, xoay một vòng và đưa những cànhng thủy thủ dững cảm nhưng non nớt và ham vui ra khơi xa.

Mặt trời tối sầm lại như muốn trách mắng lũ gà vô tư.

Dòng suối cứ chảy mãi, chảy mãi, nước tung những bọt trắng xóa hai bên cạnh thuyền. Thuyền cứ trôi, trôi mãi. Các thủy thủ tí hon vi vu mừng hát vang bài ca của họ nhà gà. Bỗng, nước đầy mạnh và bất ngờ hất tung cái chậu vào tảng đá nhọn. Chậu thủng một lỗ, nước ùa vào.

- LÀM sao baby giờ! Chết mất! Mẹ ơi, mẹ ơi... Các chú gà con lo lắng nước mắt giàn giụa.

Nước cứ tràn thêm vào, các chú gà con không biết phải làm thế nào. Các chú kêu cứu nhưng bờ thì vắng vẻ, chẳng có ai cả. Lũ gà con sợ hãi, cuống quýt cả lên. May sao, trên cành cây cao bên bờ suối có một cô sáo đang ngủ. Nghe thấy tiếng kêu, cô chòang thức dậy, mở mắt nhìn quanh. Nhìn thấy đàn gà sắp chìm, cô bay xuống kêu thất thanh: “Cứu với! cứu với! Gà con sắp chết đuối! Cáo cứu! Cáo cứu!”. Nhưng trên bờ chẳng có ai nghe thấy tiếng kêu cứu, Chậu nước tiếp tục đầy hơn, sắp chìm...

Bất ngờ, một cô Cá Lóc rất to bơi đến:

- Bình tĩnh đã nào các cháu, lần lượt từng cháu một trèo lên lưng cô, cô sẽ đưa các cháu vào bờ.

Lần lượt, bé Lông Vàng, cậu Trống Choai,... theo thứ tự bé trước, lớn sau leo lên lưng cô Cá Lóc và được cô đưa vào bờ an toàn. Cả tám chú gà đều bình yên nhưng cô Cá Lóc thì dường như bị kiệt sức. Trông cô bơi lờ đờ thật đáng thương. Những chú gà lông ướt bết, đầu nặng trĩu, mệt mỏi và vẫn chưa hết khiếp sợ, lấy bầy nói lời cảm ơn cô Cá Lóc tốt bụng. BẮC MẶT trời âu yếm sưởi ấm cho lũ gà nghịch ngợm đang cúi đầu biết lỗi.

Cảm Bích sự tâm

ĐI CHƠI PHỐ

Đi chơi phố	Đèn vàng rồi
Gặp đèn đỏ	Tiếp đèn xanh
Dừng lại thôi	Nào nhanh nhanh
Không qua vội	Qua đường nhé!

Triệu Thị Lê

MỘT PHEN SỢ HÃI

Mẹ bảo: – Hôm nay là chủ nhật, mẹ cho hai con đi chơi phố. Đường phố đông người, xe đi lại tấp nập. Các con nhớ đi trên vỉa hè phía tay phải. Khi qua ngã tư đường, thấy đèn đỏ, các con nhớ dừng lại, đèn xanh bật lên, các con mới được qua đường.

Cún Anh và Cún Em cùng nhìn mẹ đáp: – Vâng ạ.

Ra đến đường phố, Cún Em cứ tung tăng chạy trước, lúc nghiêng vào chỗ nọ, lúc ngó chỗ kia. Trong chốc lát, Cún Em đã quên ngay lời mẹ dặn và nó ngang nhiên đi giữa lòng đường.

Cún Anh ngoan ngoãn đi sát lề đường phía bên phải. Thấy Cún Em đi giữa lòng đường. Cún Anh lo lắng gọi:

– Cún Em ơi! Mẹ dặn chúng mình đi sát lề đường bên phải kia mà, sao em lại đi giữa lòng đường thế kia?

Nghe tiếng Cún Anh gọi, Cún Em ngẩng lên nhìn theo anh và định chạy vào lề đường. Bỗng một chiếc tắc xi lướt tới. Thấy Cún Em bất ngờ lao ra, chiếc xe phanh kít lại. Cún Em thốt lên:

– Chao ôi, nhiều xe quá! Làm sao àm vào được bây giờ?

Nó ân hận vì đã không nghe lời mẹ. Nó kêu to:

– Anh ơi, cứu em với!

Một chú cảnh sát giao thông từ đâu đi tới dắt Cún em lên vỉa hè rồi căn dặn:

– Cháu nhớ phải đi trên vỉa hè, lúc đi qua ngã tư đường phố, thấy đèn đỏ cháu nhớ dừng lại để tránh xảy ra tai nạn đáng tiếc.

Cún Em đứng khoanh tay trước ngực, giọng rung rung nói:

– Thưa chú vâng ạ.

Cún Anh và Cún Em lại dắt tay nhau đi trên vỉa hè. Cún Anh nói với Cún Em: Thật là một phen hú vía!

ĐÀN KIẾN NÓ ĐI

Một đàn kiến nhỏ	Kìa trông, xấu quá!
Chạy ngược chạy xuôi	Chúng em vào lớp
Chẳng ra hàng một	Sóng bước hai hàng
Chẳng thành hàng hai	Chẳng như kiến nọ
Đang chạy bên này	Rối tinh cả đàn.
Lại sang bên nọ	
Cắm cổ cắm đầu	<i>Định Hải</i>

THỎ CON KHÔNG VÂNG LỜI

Một hôm Thỏ mẹ dặn Thỏ con:

- Thỏ con của mẹ! Con ở nhà, chớ đi chơi xa, con nhé.

- Vâng ạ! Con ở nhà, con không đi chơi xa.

Nhưng bướm bướm bay đến. Bướm bướm gọi:

- Thỏ con ơi, ra vườn kia chơi đi! Ở đây có cỏ này, có hoa này, thích lắm.

Thỏ con liền chạy theo bướm bướm. Thỏ con đi chơi mãi... chơi mãi... xa... thật xa... Thế rồi Thỏ con quên cả lời về nhà. Thỏ con khóc hu hu và gọi:

- Mẹ ơi! Mẹ ơi!

Bác Gấu đi qua, thấy Thỏ con khóc. Bác dắt Thỏ về nhà. Thỏ mẹ chạy ra ôm Thỏ con. Thỏ con nói với mẹ:

- Mẹ! Mẹ dặn con ở nhà, con lại đi chơi xa, con xin lỗi mẹ.

TRÊN ĐƯỜNG

Vỉa hè là lối bé đi

Cầm tay mẹ dắt mỗi khi qua đường

Xe đông tai nạn bất thường

Một mình chớ tự qua đường bé ơi

Ra đường bé nhớ bé đi

Nhớ đi bên phải chớ đi lòng đường

Xe cộ qua lại bất thường

Xảy ra tai nạn không lường bé ơi.

CÔ DẠY CON

Mẹ! mẹ ơi cô dạy
Bài phương tiện giao thông
Máy bay – bay đường không
Ôtô chạy đường bộ

Khi ngồi trên tàu xe
Không thò đầu cửa sổ
Đến ngã tư đường phố
Đèn đỏ con phải dừng

Tàu thuyền, ca-nô đó
Chạy đường thủy mẹ ơi
Khi đi trên đường bộ
Nhớ đi trên vỉa hè.

Đèn vàng con chuẩn bị
Đèn xanh con mới đi
Lời cô dạy con ghi
Không bao giờ quên được.
Bùi Thị Tình (Nghệ An)

GÀ MẸ ĐẾM CON

Cục...cục...gà mẹ đếm
Một , hai, ba và nhiều
Đàn gà con vừa nở
Chẳng biết là bao nhiêu
Có hạt nắng bé xíu
Vừa rơi trên nền nhà

Thế là cả đàn gà
Ùa lên tranh nhau nhặt
Gà mẹ sợ con lạc
Cục cục đuổi theo sau
Phải bắt đầu đếm lại
Một , hai, ba và nhiều
Nguyễn Duy Quế

GIÚP BÀ

Chiều nay đi học về
Trên vỉa hè em thấy
Một bà già chống gậy.
Muốn tránh xe qua đường.
Em vội dừng bước chân
Đến bên bà nói nhỏ:

Đường nhiều xe lắm đó
Để cháu dắt bà qua
Tay em nắm tay bà
Cùng bước qua đường rộng
Chia tay bà cảm động
Khen mãi em bé ngoan
Hoàng Thị Phảng (Ninh Bình)

CHÚ CẢNH SÁT GIAO THÔNG

Đầu đội kê pi	Mọi hướng dừng ngay
Tay đeo găng trắng	Khi chú dang tay
Mặc cho trời nắng	Hai chiều xuôi ngược
Giữa ngã tư đường	Phía sau, phía trước
Gậy chỉ bốn phương	Đừng ngại chờ lâu
Người người đi đúng	Mọi người nhắc nhau
Gậy đưa thẳng đứng	Đội tay chú chỉ.

GÁU QUA CẦU

Bước đến 2 đầu cầu
Chú nào cũng muốn mau
Vượt cầu qua kia trước
Ko ai chịu nhường bước
Cãi nhau mãi ko thôi
Chú nhái bèn đang bơi
Ngẩng đầu lên và bảo

Chiếc cầu thì bé tẹo
Ai cũng muốn sang mau
Nếu cứ cô chen nhau
Thì có anh ngã chết
Bây giờ phải đoàn kết
Cõng nhau quay 1 vòng
Đôi chỗ thế là xong
Cả 2 cùng qua được...

BA NGỌN ĐÈN

Tại một thành phố nọ, trong ngôi nhà nhỏ ở ngay ngã tư đường phố có ba ngọn đèn cùng chung sống với nhau. Đó là đèn đỏ, đèn vàng và đèn xanh. Công việc của chúng thật quan trọng. Này nhé, nếu đèn xanh bật sáng, nghĩa là đường đang trống xe hơi và mọi người có thể băng qua được! Còn khi đèn vàng bật lên là lúc nó muốn lịch sự nhắc chúng ta rằng:

- Đi cẩn thận nhé! Sắp phải dừng lại đấy!

Sau đèn vàng là đèn đỏ. Đèn đỏ sáng lên và nói:

- Xin mời dừng lại! Đến lượt xe khác đi!

Trật tự trên là nghiêm ngặt. Không đèn nào được quên thứ tự bật sáng của mình. Nhưng bất ngờ, một hôm đèn xanh cãi nhau với đèn đỏ. Đèn xanh nói:

- Tại sao xe hơi đang chạy lại phải dừng lại? Xe nào cũng vội vã như nhau vì có biết bao nhiêu người đang đợi chúng ở các bến xe. Này đèn vàng và đèn đỏ ơi, tôi không nhường cho các anh đâu. Tôi cứ bật sáng mãi để các xe được chạy liên tục đấy!

Đèn đỏ bèn cãi lại: - Tôi nghĩ khác, các xe vội vã chạy nhanh nên rất mệt. Vì thế, tôi cần chiếu sáng để chúng dừng lại nghỉ thật lâu!

Nghe hai bạn cãi nhau, đèn vàng ân cần hòa giải:

- Đèn xanh và đèn đỏ ơi, ai có việc của người nấy. Cãi nhau mà làm gì?

Nhưng dù cho đèn vàng van nài thế nào, đèn đỏ và đèn xanh vẫn cứ cãi nhau... và thậm chí đánh nhau nữa chứ! Kết cục là cả hai đều bị thương tích đầy mình nên chẳng còn bật sáng lên được nữa. Thế rồi, các loại xe và người qua lại ở ngã tư đường không còn biết phải đi như thế nào nên cứ ùn lại, ùn lại... Chẳng mấy chốc, đường xá đông nghịt những xe và người... Thế là tắt đường mất rồi!

Bỗng một ông tiên mặc trang phục như chú cảnh sát giao thông xuất hiện. Ông tiên đến ngôi nhà của ba ngọn đèn và khám sức khỏe cho chúng. Sau đó, ông tiên ngồi trò chuyện vui vẻ rất lâu với cả ba ngọn đèn rồi ân cần khuyên chúng:

- Này các cậu bé, đừng bao giờ cãi nhau nữa nhé!

Từ đó trở đi, trong ngôi nhà nhỏ tại ngã tư đường phố, ba ngọn đèn xanh, vàng, đỏ luôn sống chan hòa và đoàn kết với nhau.

Các bé thử nghĩ xem, chú cảnh sát giao thông đã nói chuyện gì với ba ngọn đèn xanh, vàng, đỏ?

(phỏng theo truyện *Ba Màu* của L.Demcôva)

CHÒN CON LƯỜI HỌC

Chòn mướp sống ở khu rừng thông, là con một nên cậu được cha mẹ cưng chiều vô cùng. Tới tuổi đi học rồi nhưng Chòn mướp vẫn không chịu đến trường, chỉ lo rong chơi. Bố mẹ cưng quá nên Chòn sinh hư, khuyên bảo mấy cậu cũng không nghe, còn cãi lại nữa.

Chòn rủ Nhím đi chơi, nhưng Nhím từ chối vì phải lo đi học. Cả Thỏ và Sóc cũng vậy. Vậy là Chòn phải đi chơi một mình. Do ham bắt bướm nên càng lúc Chòn càng đi lạc vào trong rừng. Chòn tìm đường ra ngoài nhưng không biết chữ nên không đọc được bảng chỉ dẫn.

Cậu ngồi xuống vừa khóc vừa hối hận, nếu chịu khó đi học để biết chữ thì bây giờ Chòn đâu phải khổ thế này.

Đúng lúc đó bác Sư Tử xuất hiện, Chòn tưởng mình sắp bị ăn thịt nên quỳ lạy xin tha mạng. Bác Sư Tử bảo: “Ta chỉ muốn giúp cháu thôi, vì cháu không biết chữ chứ gì?”. Chòn gật đầu. Được bác Sư Tử khuyên răn và chỉ đường, Chòn mừng lắm và nhất quyết từ nay không mãi chơi nữa, phải đi học giống các bạn.

XE ĐẠP CON TRÊN ĐƯỜNG PHỐ

Sáng sớm nay, mọi người đã đi làm hết. Chỉ còn mỗi mình Xe Đạp con ở nhà. Nằm một mình buồn quá, Xe Đạp con nghĩ: “Mình phải đi dạo phố mới được!”

Vừa ra khỏi nhà, Xe Đạp con đã thấy trên đường phố đầy ắp những xe tải, xe hơi, xe buýt, cả xe gắn máy và xe đạp to nữa. Tất cả đều chạy rất trật tự trên con đường riêng của mình. Xe Đạp con cố len vào chạy cạnh những xe lớn. chợt trông thấy một chiếc xe tải cũ dính đầy bụi đất, bên trên chất những bao hàng thật to, Xe Đạp con thắc mắc hỏi lớn:

- Bác Tải ơi! Bác chở gì nhiều thế? Bác Tải già thì thâm:

- Bác chở gạo đấy cháu ạ Xe Đạp con vẫn hỏi tiếp:

- Bác chở gạo để làm gì ạ? Nghe xe Đạp con hỏi, chú Buýt đi bên cạnh kêu lên:

- Ô hay! Thế lúa gạo có ích gì cho con người hở cháu? Xe Đạp con nhíu mày suy nghĩ một hồi lâu rồi hỏi tiếp chú Buýt:

- Thế sao chú không chở gạo giúp Bác Tải mà chở toàn là người không vậy?

Chú Buýt ngập ngừng vì câu hỏi của Xe Đạp con:

- Ừ ... thì... chú...

- Bác Tải già từ tốn xen vào:

- Xe Đạp ơi! Cháu thấy trên mình Bác có băng ghế nào không? Còn trên mình của chú Buýt thì đầy những băng ghế nệm óng ả đó thôi. “Ừ nhỉ!” – Xe Đạp con ngẫm nghĩ: “Mọi người tựa lưng vào băng ghế đọc sách, xem báo có vẻ thú vị lắm!” Mãi trò chuyện và suy nghĩ, Xe Đạp con quên mất mình đã chạy lén sang vạch trắng giữa đường. Chợt có tiếng gọi khẽ:

- Đây xe Đạp con ơi! Em đi sang bên đường của em đi nào! Xe Đạp con quay người về phía có tiếng nói.

Thì ra là chị Xe Hơi, tiếng của chị mới êm ả làm sao chứ không rồ rồ ầm ỉ như bác Tải, chú Buýt. Trông dáng vẻ của chị cũng xinh thật là xinh! Nghe chị Xe Hơi nhắc nhở, Xe Đạp con tỏ ra bực mình lắm:

- Mặc em, em thích chạy đua với mọi người cơ!

Xe Đạp con vẫn bưng bình chạy phẳng phẳng phía sau chú Buýt. Đèn đỏ bật lên, tất cả dừng lại. Bỗng một anh Cứu Thương phía sau chạy lên, tiếng còi in ỏi làm Xe Đạp luống cuống ngã lăn ra đường. Chị Xe Hơi phí sau vội vàng đỡ Xe Đạp con dậy. Xe Đạp con thẹn thùng lí nhí:

- Em cảm ơn chị! Rồi Xe Đạp con nhanh nhẹn chạy sang bên đường của mình, nơi có những chiếc xe đạp đang đi.

Sưu tầm

THỎ CON ĐI HỌC

Mấy hôm nay, cả nhà Thỏ bận rộn đào xới khu vườn xung quanh nhà để trồng lại cà rốt dự trữ cho mùa đông sắp tới. Thấy bố mẹ bận rộn, Thỏ con xin phép mẹ được đi học một mình để bố mẹ không phải đưa đón. Bố mẹ Thỏ đồng ý. Thỏ mẹ dặn: “Khi đi học con đi cẩn thận, đi bên lề đường bên phải, đến ngã tư con rẽ phải đến nơi có vạch con trắng trước cổng trường con mới sang đường, vì đó là nơi dành cho người đi bộ”.

Thỏ con vâng lời mẹ và ra đi. Nó phấn khởi vì đây là lần đầu tiên trong đời Thỏ con được đi học một mình.

Đi được một đoạn, Thỏ con gặp Chó con cũng đi học, trên tay Chó con ôm một quả bóng to. Chó con rú: “Chúng mình cùng lăn bóng đến trường”. Thỏ con lắc đầu: “Tờ không chơi bóng trên đường, rất nguy hiểm”.

Chó con bĩu môi: “Sợ gì! Cậu không chơi thì tớ chơi một mình vậy. nói xong, Chó con thả bóng xuống và lấy chân đá bóng đi trên lề đường. Chó con vừa chạy theo bóng vừa cười thích thú, được một đoạn bóng đi chệch hướng lăn xuống lòng đường, chó con thấy vậy lao ngay xuống lòng đường để bắt bóng, Chó con chạy nhanh quá không để ý gì đến người đi xe đạp, nó bị va phải người đi xe, may mà bác lái xe phanh lại kịp, Chó con chỉ bị té xuống và trầy đầu gối. Mọi người xúm lại, một người kêu lên: “Tại sao lại dại dột chơi bóng ở ngoài đường chứ, may mà va phải xe đạp chứ va phải xe to thì mất mạng rồi!”.

Bác đi xe đạp lau chỗ xước và đầu gối cho Chó con. Thỏ con đến bên bác đi xe cảm ơn bác. Bác dặn cả hai đi trên lề đường và không chơi nữa.

Thỏ con và Chó con cùng đến trường, cả hai đi bên lề đường và im lặng nghĩ đến lời mẹ dặn trước kia đi.

Hai bạn đến trường cũng vừa kịp lúc trống trường điểm vào học. Thỏ con, Chó con cùng xếp hàng vào lớp. Hôm nay, cô dạy an toàn giao thông - Bài: Không đùa giỡn, thả diều, chơi bóng ở lòng , lề đường.?”. Thỏ con trả lời: “Thưa cô vì như vậy rất nguy hiểm, gây tai nạn cho mình và cho người khác. Cô giáo khen Thỏ con giỏi”.

Giờ ra chơi, Chó con đến gần Thỏ con và nói: “Tớ xin học ở cậu. Từ nay tớ sẽ không bao giờ đùa giỡn, chơi bóng ở lòng lề đường nữa mà chỉ chơi ở sân trường thôi. Bây giờ chúng ta cùng chơi bóng đi”. Thỏ con cùng chơi bóng trong sân rất vui vẻ.

Đỗ Thị Ngọc Anh (Bến Tre)

MỘT SỐ HÌNH ẢNH KHẢO SÁT VÀ THỰC NGHIỆM

